

SỐ 16 NGÀY 1 - 9 - 1965

BACH KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm thứ chín

VŨ BẢO *khủng hoảng chính trị tại Hy Lạp* * NGHIÊM
THÂM *cần thành lập một Quốc-sử-viện* * TẠ TRỌNG
HIỆP *đọc cuốn «Hiệu chú Bích-Câu Kỳ-Ngô» của Ô.
Hoàng Xuân Hãn* * VÕ PHIẾN *cá tính địa phương* *
VŨ BẢO *Adlai Stevenson* * NGUYỄN VĂN TRUNG
vai trò sứ mạng của nhà văn và nền văn-nghệ tôn-giáo
* Y UYÊN *miền không vết chân người* * THANH TÂM
TUYỂN *cát lầy* * LÊ TẮT ĐIỀU *ngày khai trường* *
SINH HOẠT TRÀNG THIÊN *thời sự văn nghệ* *
CHÂM VŨ *đường lối giáo dục
của Nhật Bản dưới thời Minh Trị*
* THẾ NHÂN *15 ngày tin tức.*

208



Thanh mát
 Fine
 Dễ dàng
 Raccé
 Tonique

NUỐC HOA
 NGÔI SAO
 EAU
 DE
 COLOGNE
 "L'ÉTOILE"



DÉSORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^UITE DES DISTILLERIES DE L'ÉTOILE. **DiC**

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
 EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE
 Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
 en vérifiant que la capsule inviolable
 que comportent les bouteilles
 d'origine sous leur bouchon à
 vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
 RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
 mua quý ngài nên để dặt kiểm
 soát lại nắp chì giữa gian
 bọc ở miệng chai chính gốc
 nằm phía trong nắp vặn
 đinh ốc còn nguyên vẹn.



AIP

BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 208 ngày 1 - 9 - 1965

VŨ BẢO <i>khủng hoảng chính trị tại Hy Lạp</i>	3
NGHIÊM THÂM <i>cần thành lập một quốc sử viện</i>	13
TẠ TRỌNG HIỆP <i>đọc cuốn « Hiệu chú Bích Câu Kỳ Ngộ » của Ô Hoàng Xuân Hãn</i>	21
VÕ PHIẾN <i>cá tính địa phương</i>	33
Y UYÊN <i>miền không vết chân người (truyện 2 kỳ)</i>	45
THANH TÂM TUYỀN <i>cát lầy (truyện dài)</i>	54
VŨ BẢO <i>Adlai Stevenson</i>	60
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>vai trò, sứ mạng của nhà văn và nền văn nghệ tôn giáo</i>	66
NGUYỄN PHƯƠNG <i>trở lại lần II về bài Lịch sử Lạc Việt</i>	73
LÊ TẮT ĐIỀU <i>ngày khai trường (truyện ngắn)</i>	79
SINH HOẠT	
CHÂM VŨ <i>đường lối giáo dục của Nhật Bản dưới thời Minh Trị</i>	83
THẾ NHÂN <i>15 tức ngày tin tức</i>	85

BẠN ĐỌC ĐÓN CỘI :

BKTB 209

Số kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du

một công trình sưu tầm, biên khảo rất công phu của :
LÊ-VĂN-HẢO, BÙI-HỮU-SÙNG, VƯƠNG-HỒNG-SÈN, VŨ-
HẠNH, THUẦN-PHONG, LÝ-VĂN-HÙNG, NGUYỄN-HIẾN-
LÊ, TRẦN-VĂN-KHÊ, VÕ-PHIẾN v.v...

Tân-gia-Ba và Đại-Mã-Lai

Daniel Rops

Người đã lên tàu (truyện ngắn)

VŨ-BẢO

CUNG-GIŨ-NGUYỄN

Y-UYÊN

Cùng quý vị độc giả và

đại lý của

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

• Vì sự lưu thông bằng đường bộ bị gián đoạn nên các báo chuyển ra miền Trung từ mấy tháng nay phải hoàn toàn gửi bằng đường hàng không. Vậy trân trọng yêu cầu quý vị độc giả ở miền Trung đã mua dài hạn và các vị nhận báo biểu, gửi về tòa báo Bách Khoa thêm 20\$ tem đề ty quản lý có thể gửi báo đều đặn bằng đường hàng không cho tới hết năm 1965, báo khỏi bị chậm trễ và thất lạc.

• Mọi sự thanh toán tiền nong xin gửi cho :
Ô. Lê-Ngô-Châu, 160 Phan-Dình-Phùng Saigon ; nếu ở xa, có thể trả bằng bưu-chi-phiếu gửi cho « Tạp chí Bách Khoa Thời Đại, Trương mục 27-46 Trung khu Saigon ».

Dân chủ có vua hay không vua ?

• VŨ BẢO

Khủng-hoảng chính-trị tại HI-LẠP

Chuyện đời thường như vậy. Ít khi một người nghĩ ra được một môn gì mà lại hay về môn đó, kẻ bắt chước nhiều khi lại thành công hơn.

Từ trên một tháng nay người ta quên khuấy mất Hi Lạp đã là nơi phát sinh ra nền dân chủ: Các hiền triết Socrate, Platon ngay từ thế kỷ thứ 5 trước T.C. đã thảo luận với các môn đồ về chính thể này. Nhưng Hi Lạp ngày nay thì lại đang trải qua một cuộc khủng hoảng trầm trọng về nền dân chủ khiến cho không ai có thể đoán trước được tương lai chính trị Hi Lạp sẽ ra sao.

Cuộc khủng hoảng đã đưa tới sự độ sức giữa hai đối thủ, một già một trẻ mà niên kỷ hết sức chênh lệch nhau vì ông già đã già quá gấp 3 lần ông trẻ. Đó là vua Hi Lạp Constantin 24 tuổi và Thủ Tướng Hi Lạp George Papandréou 77 tuổi.



Constantin II : Nhà Vua.

Nhà Vua

Ngày còn nhỏ phần đông chúng ta đều say mê những chuyện thần kỳ của Homère như Iliade và Odyssée trong đó chúng ta gặp những vai chính Achille

hay Hector, đẹp như thiên thần, mạnh và can đảm như sư tử.

Người Hi Lạp đã tưởng rằng vua Constantin là hiện thân của một trong những nhân vật đó. Vì ông ta là ông vua trẻ nhất hoàn cầu, người cao vai rộng, mắt và tóc đen nháy. Ông ta lại còn là một olympionikis nghĩa là vô địch thể vận hội: Hi Lạp tuy là thủy tổ của thể vận hội nhưng từ 1912 tới nay chưa bao giờ chiếm được một huy chương. Nhưng tới thể vận hội năm 1960 tổ chức tại Rome thì Constantin khi đó chưa đầy 20 tuổi, lái chiếc thuyền buồm Niref của hoàng gia, đã mang về cho Hi Lạp huy chương vàng về môn Yachting.

Con người đó, đi tới đâu, đã làm hàng trăm tim thiếu nữ thồn thức và những cô gái Hi Lạp chưa chồng đã đặt cho ông Constantin biệt hiệu là Yaveoum (mối tình của em).

Constantin đã được nhận một nền giáo dục rất chu đáo. Lên 9 tuổi vào trường Anavryta, một trường kiểu mẫu rất chú trọng về công tác tập thể và tinh thần công-dân: học sinh thuộc đủ mọi thành phần để sủa nhòa hết mọi tư tưởng giai cấp, kẻ nghèo không phải trả tiền, người giàu tùy ý trả theo phương tiện của mình.

Lớn lên Constantin học luật, kinh tế triết học, vật lý nguyên tử, nói thông thạo 4 thứ tiếng, vào Đại học quân sự, thi hành quân dịch, tu nghiệp tại Hoa kỳ, Pháp và Đức.

Constantin lại được vua cha Paul đệ Nhất cho làm quen rất sớm với các

nghĩa vụ ngôi báu: nào theo cha đi kinh lý, nào dự thính các phiên nhóm của Nội Các, nào thảo luận về các vấn đề chính trị hiện đại.

Khi vua Paul băng hà vào tháng ba năm 1964 và Constantin lên kế vị thì người ta đã có thể nói rằng tân quốc vương Hi Lạp không còn có bờ ngõ gì với nghề làm vua nữa.

Tháng chín năm đó, Constantin làm lễ thành hôn với công chúa Anne Marie nước Đan Mạch, 18 tuổi, và nhìn cặp vợ chồng trẻ đẹp như sao băng người ta thấy như cả xứ Hi Lạp chan hòa hạnh phúc.

Tháng bảy năm nay, hoàng hậu đã hạ sinh một công chúa đầu lòng lấy tên là Alexia, và cuộc đời vua Constantin và gia đình sẽ đẹp như trong chuyện cổ-tích nếu không có vụ Papandréou.

Ông Thủ Tướng.

Ông Papandréou sinh năm 1888, nghĩa là năm mà người ta mới nghĩ chế được cái xe đạp đi cho vững vàng.

Có người tặng ông cái biệt hiệu Démosthène vì tài ăn nói của ông ta. Có người lại ví ông với tướng De Gaulle của Pháp vì khi Đức quốc xã chiếm Hi Lạp, ông trốn sang Le Caire và cầm đầu chính phủ lưu vong. Ông đã tổ chức những đội biệt động quân miền núi gây được rất nhiều thành tích khi cùng Đồng Minh phản công trên đất Ý-đại-lợi.

Sau chiến tranh ông trở về Hi Lạp năm 1947 và giữ Bộ Nội Vụ. Năm 1959 ông thành lập Đảng Tự-do Dân-chủ.

(1) Démosthène là một nhà hùng biện Hi Lạp trứ danh thuộc thế kỷ thứ 4 trước T.C.



M. G. Papandréous : Thủ Tướng

Đức tính lớn nhất của ông Papandréou là tính nhẫn nại. Ông đã chờ tới 50 năm — một nửa thế kỷ —, để được làm Thủ Tướng — Ông đã dành được ghế này trong tay của ông Caramanlis thuộc phe hữu trong kỳ tuyển cử năm 1963. Thực ra phe hữu đã có nhiều lỗi lầm, và ngay từ khi tổ chức tuyển cử năm 1961, phe hữu đã dùng tới những thủ đoạn khủng bố để thắng phiếu. Những ứng cử viên phe đối lập, thuộc đảng Cộng Sản hay thuộc đảng Tự do dân chủ của ông Papandréou đã bị phe hữu lung bắt, đánh đập. Caramanlis thắng cử rồi cũng vẫn chưa từ bỏ việc loại trừ đối lập. Ngày 22 tháng 5 năm 1963, một nghị sĩ phe tả ông Grégoire Lambrakis đang chủ tọa một cuộc mít tinh tại Salonique thì một cái xe «lôi» ba bánh ở đâu phóng tới đâm xam vào ngực ta, khiến ông ta thiệt mạng. «Tai

nạn» đó thực ra đã do Đại tá Kamoutsis cảnh sát trưởng Salonique, tổ chức. Cả nước Hy Lạp sôn sao và Quốc Vương đã phải cho Caramanlis nghỉ cùng cho tổ chức tuyển cử lại. Lần này phe tự do dân chủ thắng phiếu và ông Papandréou lên làm Thủ Tướng vào tháng hai năm 1964.

Vua trị vì, Thủ Tướng cai trị.

Trong buổi lễ đăng quang của vua Constantin, chính Thủ Tướng Papandréou là người đầu tiên tung hô vạn tuế và gần đây lắm, trong một lúc tâm sự với những người thân cận, Papandréou còn khen vua là «một người già dặn chín chắn». Ấy thế mà một cuộc thử sức đã xảy ra giữa hai người vào đầu tháng Bảy vừa qua. Nhìn bề ngoài, cuộc khủng hoảng có thể tóm tắt như sau :

Thủ Tướng Papandréou giải nhiệm một Tổng Trưởng. Khi trình Quốc vương ký sắc lệnh chấm dứt nhiệm vụ của vị Tổng Trưởng kia, Quốc vương không chịu ký. Thủ Tướng Papandréou xin từ chức nhưng chưa đệ đơn thì Quốc vương đã chỉ định một Thủ Tướng khác.

Thế là ông Papandréou phân bua cùng dân chúng là nhà vua đã lạm quyền. Theo hiến pháp Hy Lạp (điều thứ 30) thì nhà vua chỉ trị vì, chính phủ mới chịu trách nhiệm. Vua không có quyền tán thành hay bác bỏ chính sách của một đảng phái nào hết. Đành rằng vua ký sắc luật bổ nhiệm hay giải nhiệm các Tổng Trưởng nhưng quyền đó chỉ là hình thức. Quyền lập Chính phủ và chọn lựa Tổng Trưởng là quyền của Thủ Tướng, là người đã được đa số ở quốc hội tức là người biểu thị cho ý dân

Đầy ông Papandréou ra khỏi chính trường như vậy là nhà vua đã làm một cuộc « đảo chính », đã vi phạm Hiến pháp. Và Thủ Tướng Papandréou đã xách động dân chúng xuống đường để « bảo vệ dân chủ » chống lại « quân chủ bảo chủ ».

Nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng.

Sự thực trong vụ này còn phức tạp hơn nhiều và nguyên nhân của cuộc khủng hoảng còn sâu xa hơn thế nữa.

Nền quân chủ ở Hy Lạp không phải đã do một bọn người thoái hóa nào lập nên mà chính đã do những nhà cách mạng từng tranh đấu gian nan 10 năm trời ròng rã và đã chiến thắng Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1829, chấm dứt một cuộc đô hộ kéo dài từ thế kỷ thứ 14. Các nhà cách mạng này đã nghĩ rằng thế nước chông chênh, nhân tâm ly tán thì một « nền dân chủ có vua » còn tốt hơn một « nền dân chủ không vua » bị nhiều phe đảng xâu xé. Nhà vua như là một thứ biểu hiệu thống nhất, một thứ keo sơn để tụ họp các khuynh hướng bất đồng.

Trong lịch sử gần đây thì Hy Lạp thời hậu chiến lại trải qua một giai đoạn chia rẽ trầm trọng. Suốt từ 1946 đến 1949, một cuộc nội chiến ác liệt giữa phe quốc gia và du kích Cộng sản đã khiến cho 80.000 người chết. Hòa bình trở lại, người ta đã nghĩ rằng chính thể đại nghị sẽ giúp cho sinh hoạt chính trị trở lại bình thường. Nhưng tại Hy Lạp đã có một tập quán chính trị rất khác thường. Những sự chia rẽ trong quá khứ hình như đã để lại trong lòng mọi người một

ấn tượng khó phai lạt, nên đảng nào chiếm được đa số và lên cầm quyền cũng có những phản ứng tự vệ quá độ, hay là nghi cách loại trừ đối lập của mình.

Chuyện ấy đã xảy ra dưới hồi chính phủ hữu khuynh Caramanlis. Chuyện ấy lại tái diễn dưới thời ông Papandréou. Là lãnh tụ của Tập đoàn Trung-ương Papandréou đáng lý ra phải nghi thâm hút các khuynh hướng trong một chính sách đoàn kết để xây dựng nền kinh tế của Hi Lạp, hiện không có gì là hứa hẹn. Nhưng ông Papandréou hình như chưa quên những nỗi khốn đốn mà phe ông đã phải gánh chịu dưới chánh phủ hữu khuynh Caramanlis. Và bây giờ đến lượt ông làm cho phe hữu phải lạo đao. Ông cho mở nhiều cuộc điều tra về các nhân vật phe hữu, mở lại hồ sơ vụ bầu cử năm 1961 mà ông cho là có gian lận, lôi ra ánh sáng vụ Lambrakis bị « tai nạn » xe ba bánh đâm chết, và thỉnh thoảng lại cho nổ một vài trái « bom » tương tự.

Gần đây ông lại cho thả hồi một số sĩ quan thuộc phe hữu đã không tán thành đường lối của ông, kết tội họ là những « phần tử phát xít phản dân chủ ».

Lẽ tự nhiên, phe hữu bị dồn ép mãi đã nghĩ cách phản công. Họ tìm ra được một tổ chức trong quân đội mệnh danh là Aspida do các phần tử thân Cộng giết giây và một trong những vai trò chủ chốt của tổ chức chẳng ai khác hơn là Andréas Papandréou, con trai của Thủ Tướng.

Người đã xúc động nhiều nhất về tin này là vua Constantin vì xưa nay nh

vua đã dựa vào lực lượng quân đội nay nếu quân đội bị một tổ chức khuynh tả xâm nhập thì đó thật là một đe dọa cho nhà vua.

Tổng trưởng Quốc Phòng Garoufalias, — một người vẫn được vua tin cậy — cho mở một cuộc điều tra về tổ chức Aspida. Thủ tướng Papandréou không chịu, buộc Tổng trưởng Garoufalias phải từ chức. Ông Papandréou mang sắc lệnh giải nhiệm Garoufalias trình Quốc vương phê chuẩn, và yêu cầu Quốc vương để cho mình kiêm nhiệm Bộ Quốc Phòng, Vua Constanton đã từ chối lấy cớ rằng đang điều tra về Andréas Papandréou mà nay thủ tướng George Papandréou lại kiêm nhiệm Bộ Quốc phòng thì chẳng hóa ra cha điều tra về con, như vậy sao tiện ?

Phe hữu được thề la làng cho rằng Thủ tướng Papandréou đã muốn tự mình làm cái dù che cho bọn Cộng sản ăn cắp hoạt động trong quân đội ».

Bị vua từ chối, Papandréou ngỏ ý muốn từ chức. Vua Constanton không chờ Thủ Tướng làm đơn xin nghỉ, một giờ sau đã vời giáo sư Novas tới giao cho trách nhiệm lập tân chính phủ ».

Cha nào, con nấy

Andréas năm nay 46 tuổi, nhưng đã hoạt động chính trị ngay từ năm 21 tuổi. Khi còn là sinh viên trường Luật. Vì đã đứng cầm đầu một tổ chức sinh viên đối lập Andréas Papandréou bị buộc phải rời khỏi nước, sang Hoa Kỳ và tại đây đã theo học Đại Học Đường Harvard, đậu bằng Ph. D về Kinh tế học.



Andréas Papandréous : người icon

Hình như cái bệnh của nhiều nhà chính trị là cứ thiên về việc dùng người trong gia đình mình. Thủ tướng George Papandréon cũng đã không thoát khỏi bệnh đó. Andreas đang dậy học ở Columbia, thì ông bố gọi về giao cho chức Thứ trưởng phối hợp kinh tế. Thế là phe hữu lại được dịp kết tội Papandréou là «độc tài gia đình trị, » Andréas là « nhầy dù »

Andréas lại còn làm cho sự giao hảo giữa chính phủ Papandréou và Tây Phương thêm khó khăn vì Andréas không bao giờ che dấu ông phản đối quan niệm của Tổ chức Bắc Đại tây Dương mà Hi Lạp là hội viên, cũng như Andréas đã là người khuyên giáo chủ Makarcos người hùng đảo Chypre; nên mua khí giới của Nga Sô.

Và gần đây Andréas lại dính líu thêm vào vụ si quan thân Cộng của tổ chức Aspida. Thái độ bệnh con chăm chặp của Thủ tướng Papandréou cũng đã khiến cho mối tương quan giữa nhà Vua và chính phủ càng căng thẳng.

Lại thêm người đàn bà.

Câu chuyện tự nó đã rắc rối, lại còn trở nên gay go hơn nữa khi có người đàn bà dùng tay vào. Vợ của Andréas là bà Margaret Chant đã trao cho ký giả Drew Pearson một bức thư kêu gọi các bạn Hoa Kỳ ủng hộ Papandréou chống lại vua Constantine. Bức thư đó được đăng tải trên tờ Washington Post đã khiến cho cuộc khủng hoảng càng đi vào ngõ bế tắc.

Theo các quan sát viên thì không phải chỉ có bên phe Thủ Tướng Papandréou có người đàn bà làm chính trị. Đằng sau những quyết định cứng rắn của vua Constantin hình như cũng có bóng dáng của một người đàn bà khác. Đó là thái hậu Féderika, mẹ của vua Conatantin. Ngay từ lúc vua cha còn sống, bà Féderika cũng không được dân chúng mến yêu mặc dầu bà ta hết sức tận tâm với những công việc xã hội và luôn luôn ở bên chồng để sẵn sóc ngay cả trong những cuộc kinh lý nguy hiểm (bà ta bị quân du kích bắn hụt). Dân chúng trách dòng dõi Đức quốc của bà và vài món tiêu xài xa xỉ. Nhưng khi vua Paul mất đi, thì dân chúng cho rằng bà Féderika đã có những tham vọng chính trị và có ảnh hưởng tới những quyết định của vua Constantin.

Lại thêm một thầy ma.

Thầy ma hình như đã trở thành một phức sức cổ điển của các vụ xách động. Trong vụ khủng hoảng hiện nay, các chính trị gia Hi Lạp thuộc phe ông Papandréou đã tìm thấy nó ở nơi một sinh viên. Trong một cuộc biểu tình



Dân chúng.

ủng hộ Papandréou có đụng độ với cảnh sát, sinh viên Sotirios Petroulas đã ngã gục. Đám táng của anh lúc đầu có chừng vài ngàn người sau đó đã quy tụ trên một trăm ngàn người khi quan tài có nắp bằng kính của anh được đưa qua các phố thủ đô. Thủ Tướng Papandréou đã tới dự lễ cầu hồn ở nhà thờ chính thống Athènes và đã được đám người đưa ma hoan hô rầm rì. Khi hạ huyệt đám người đã hét to nhiều lần các khẩu hiệu :

« Trả thù, Trả thù ! » hay « Nhà vua coi xem Nạn nhân của ông đây ».

Rồi đến cuộc đình công, bãi thị do Tổng Liên đoàn Lao động khởi xướng. Mặc dầu Papagheorghiu, Bí thư Tổng Liên đoàn tuyên bố cuộc đình công đã làm tê liệt tới 90 phần 100 sinh hoạt của Hi Lạp thực ra chỉ có mấy ngành hưởng ứng vì đa số dân chúng Hi Lạp sau 4 năm nội chiến, vẫn còn giữ những kỷ niệm mệt mỏi về những cuộc tương tranh.

Thử vài giải pháp

Trong một khung cảnh hỗn độn như vậy tân thủ tướng vừa được quốc vương chỉ định, bác sĩ Novas, một giáo sư kiêm thi sĩ, đã gặp nhiều khó khăn trong

việc trình diện trước quốc hội để thành lập tân Nội các. Quốc hội Hi Lạp gồm 300 đại biểu, 107 người của phe hữu, 171 người của Tập đoàn Trung ương và 22 người của nhóm EDA thiên Cộng.

Muốn được tấn phong, ông Novas cần phải được đa số 151 phiếu chấp thuận. Cuộc bỏ phiếu đã được diễn ra một cách rất sôi nổi. Phe ủng hộ ông Papandréou đã đập bàn vỗ ghe ầm ầm và kết quả cuộc kiểm phiếu là một sự bất tín nghiệm ông Novas với 167 phiếu chống và 131 thuận.

Phe chống ông Novas gồm 145 phiếu của Tập đoàn Trung ương và 22 phiếu của EDA. Phân tích kỹ lưỡng hơn các lá phiếu, các quan sát viên đã thấy rằng ngay những người chống ông Novas cũng không phải là đã hoàn toàn ủng hộ ông Papandréou, vì nhiều nghị sĩ thuộc tập đoàn Trung ương vẫn phản đối cách lãnh đạo đảng và tính mị dân của ông Papandréou. Hơn nữa, đa số các nghị sĩ đó cũng muốn tỏ ra độc lập với nhà vua tuy không muốn cắt đứt hẳn với nền quân chủ.

Thành ra có thể nói là vai trò quyết định là thuộc Tập đoàn Trung ương hiện chiếm quá bán số ghế của quốc hội. Không một vị Thủ tướng được chỉ định nào sẽ có thể thành lập nội Nội các nếu không được sự ủng hộ của Tập đoàn. Vì thế mà sau khi ông Novas tường trình với nhà vua kết quả cuộc bỏ phiếu nhà vua cử ông Stephanopoulos thay thế, thì ông này đã xin với nhà vua cho một thời gian dọ ý Tập đoàn Trung ương đã rồi mới dám nhận lời. Chỉ có 26 người thuộc Tập đoàn đã ủng hộ ông Stephanopoulos và như vậy dù có

cộng với 107 lá phiếu của phe hữu cũng chưa đủ đa số 151 phiếu cần thiết nên ông Stephanopoulos đã khước từ. Và cuộc khủng hoảng bộc phát từ trên một tháng nay còn nằm lì ở khởi điểm.

Trông bề ngoài thì chỉ như là một trang chấp thủ tục—,vua có quyền từ chối không ký sắc lệnh giải nhiệm một Tổng Trưởng mà Thủ tướng không giữ trong chính phủ nữa không—, nhưng bề trong thực ra là cả một sự độ sức giữa hai phe dân chủ có vua và dân chủ không vua, nghĩa là đặt lại cả vấn đề chính thể. Vấn đề không phải chỉ còn là mối quan tâm của nhà vua và các chính trị gia. Nó đã đi xa hơn thế nữa. Một lần nữa, dân Hi Lạp lại đang bị chia rẽ giữa hai lập trường mà hiện nay chưa ai trông thấy là có thể thỏa hiệp. Một bên là tất cả những người coi nền quân chủ như một thể chế mà không ai thể bàn cãi được ; cùng ở một bên đó là những người tuy không phải là bảo hoàng nhưng cũng coi nền quân chủ như là một nhu cầu về định chế để bảo đảm cho sự ổn định chính trị. Còn đứng về phe bên kia là những huynh hướng tự do đi tới chỗ có ít nhiều thiện cảm với cánh tả và coi nền quân chủ như là một thể chế lỗi thời cần phải cải biến đi cho hợp với hiện trạng của một nước Hi Lạp tân tiến.

Chưa ai biết là cán cân lực lượng sẽ ngã bên nào.

Phe «dân chủ không vua» chắc chắn đã chịu một phần nào sức thu hút của các «cộng hòa nhân dân» Đông Âu và đã muốn thí nghiệm cho Hi Lạp những đường lối phát triển của các láng giềng vùng Balkans. Ngoài ra nếu Nga Sô có

gây thêm được ảnh hưởng tại một vị trí chiến lược của Địa Trung Hải như là Hi Lạp, thì chắc Nga Xô cũng không phải là không sốt sắng.

Nhưng một mặt khác,, phe «dân chủ có vua» cũng vẫn còn rất nhiều người ủng hộ. Đó là những người sau 4 năm nội chiến đã biết được 7 năm hòa bình và không muốn Hi Lạp dẫn bước vào một phiêu lưu khác. Đó là những thành phần tiểu-tư-sản, có ít hay nhiều tư-hữu, muốn Hi-Lạp phát triển một cách điều-hòa tuần tự chứ không muốn những sáo trộn hung bạo. Ở bên ngoài thì các đồng minh Tây-Âu cũng không thể nào ngồi yên để mặc cho ngọn cuồng phong cộng-sản thổi thốc vào mấy cánh cửa vừa hé mở. Trong khi đó vụ Chypre nóng hổi trở lại, đã làm nhiều người Hi Lạp e ngại cánh tay quá dài của Nga Xô.

Sự độ sức của hai phe sẽ được giải quyết cách nào ?

Cho tới khi viết bài này thì tình hình Hi Lạp hãy còn mù mịt. Như trên đã trình bày, vấn đề tùy thuộc vào sự lựa chọn của các nghị sĩ thuộc Tập đoàn Trung Ương, ngã về bên nào thì bên đó có đa số. Nhưng các nghị sĩ này cũng lại chia ra nhiều khuynh hướng người ủng hộ Papandréou, kẻ phản đối, nhưng đông nhất vẫn là đám ngạp ngừng. Ấy là chưa kể mấy ông nghị «chong chóng» buổi sáng còn ôm chặt lấy cánh tay Papandréou thế trung thành với Thủ Tướng, buổi chiều đã bầu quanh Novas để mách nước hòng kiểm soát một chỗ ngồi trong Nội Các.

Có thể có 3 trường hợp sẽ xảy ra:
1) Một nhân vật nào đó sẽ tụ họp được

các phiếu của phe hữu với một số phiếu khá đông đảo của Tập đoàn Trung Ương thâu được đa số 151 phiếu để thành lập chánh phủ. Và như vậy thì đời sống chính trị của Hi Lạp sẽ trở lại bình thường. Ông vua sẽ vẫn là ông vua và các ông nghị vẫn tiếp tục lãnh lương, không phải lo những bất trắc của một cuộc tổng tuyển cử, gặp mặt trở lại các cử tri đơn vị mình mà không chắc có được họ bầu cho lần nữa.

Hai nhân vật được nhắc tên đến nhiều nhất hiện nay là các ông Tsirimokos và Stephanopoulos.

2) Nếu không có nhân vật nào thâu hoạch được đủ đa số 151 phiếu thì có thể là sẽ có một chính phủ Liên Hiệp quốc gia trong đó mọi khuynh hướng tả hữu và phe ông Papandréou sẽ đều có đại diện.

Giải pháp này sẽ chỉ có tác dụng như một bình dưỡng khí - Bệnh nhân hít vào, dễ chịu được một lúc, nhưng bệnh trong tạng phủ vẫn còn nguyên và khi sức công-hiệu của dưỡng-khí tan đi bệnh lại tái phát có thể nặng hơn.

3) Nếu cả ba môn thuốc trên mà không chữa khỏi cơn bệnh «dân chủ» Hi Lạp thì chỉ còn cách nhờ đến con dao giải phẫu nghĩa là giải tán quốc hội, tổ chức Tổng Tuyển Cử (ấy là chưa kể trường hợp có sự hành động của quân đội)

Trong một khung cảnh sôi động về những chuyện biều tình, đình công, người chết, trong một nước mà các cán bộ cộng sản đã có kinh nghiệm phá hoại và gây rối, nếu có Tổng Tuyển cử thì ông Papandréou rất có hi vọng thắng thế. Khi đó ông sẽ không trở lại như

là một Thủ Tướng mà thôi dẫu ; ông sẽ trở lại như một Quốc Trưởng vì ông đã độ sức với nhà vua và ông đã thắng phiếu.

Dù cuộc khủng hoảng hiện thời có được giải quyết cách nào đi chăng nữa thì vua Constantin, vô địch Olympionikis ông hoàng Yaveoum của lòng em, cũng

sẽ thấy uy tín của mình sút giảm đi nhiều trong lòng thần dân Hi Lạp.

Và người ta không khỏi nghĩ đến câu nói của nhà trào phúng. «Thế giới rồi đây sẽ chỉ còn có 5 ông vua. Đó là vua nước Anh và 4 ông vua cổ bài xì, cơ, rô, chuồn, bích» (2).

VŨ BẢO

(2) cơ, rô, chuồn, bích tức là cœur, carreau, trèfle, pique, 4 sắc của cỗ bài xì.

V
I
Ệ
T

N
A
M

H
À
N
G

K
H
Ô
N
G



VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TRONG ĐÔNG-NAM-Á

3 SAIGON-PHNOUMPENH-BANGKOK

(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON-HONGKONG

(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON-KUALA LUMPUR-SINGAPORE

(Mỗi Thứ Tư và Thứ Năm)

bằng **DC-6B** và *Caravelle*

PHI-CƠ PHẢN-LỰC TRĂNG-LỆ NHƯT THẾ-GIỚI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hàng du lịch hay:

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

ĐI NGUYỄN HUỆ SAIGON Đ.T. 31.02.42.523 21.176

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E 5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

CẦN THÀNH LẬP MỘT QUỐC SỬ VIỆN

NGHIÊM THẨM

I.— LÝ DO CẦN CÓ MỘT CƠ- QUAN CHUYÊN VỀ SỬ-HỌC VIỆT-NAM

Trước thời Pháp thuộc, nước Việt-nam độc-lập vẫn có « Quốc-sử-quán » để tàng-trữ các tài-liệu lịch-sử như những tờ trình có chữ phê của nhà vua và các thư-tịch liên-quan đến lịch-sử. Quốc-sử-quán còn có nhiệm vụ đính chính và viết bộ chính sử Việt-nam và làm các bộ « dư địa chí » nói về các tỉnh trong nước.

Khi nước nhà bị mất chủ quyền thì « Quốc-sử-quán » cũng mất vai trò quan trọng của nó và đến thời vua Thành-Thái thì « Quốc-sử-quán » không còn nữa. Và cũng kể từ khi bị người Pháp cai trị thì việc sưu-tầm các sử-liệu cũng bị sao nhãng.

Nhất là những sử liệu hồi gần một thế kỷ nay rất là thiếu sót. Những tờ trình của các quan lại triều Nguyễn đệ lên vua Tự-đức về việc chiến-tranh với người Pháp đều không còn giữ. Tôi chắc đã có những người quá ư sốt-sắn với Chính-phủ thuộc địa Pháp đã hủy bỏ tất cả những tờ trình đó đi. Cho đến

cả những tài liệu đoạn nói đến sự bang giao với pháp trong bộ sách Khâm-định Đại-nam Hội-diễn sự-lệ cũng đều bị hủy bỏ đi cả ngày nay không còn dấu vết gì nữa.

Thật là mỉa-mai những tài-liệu lịch-sử chính xác về thời cận kim của ta rất thiếu sót. Tôi không nói đến việc chính-phủ thuộc địa Pháp đã chuyển các tài liệu chính trị mật trong thời Pháp thuộc về bên Pháp, vì đó là quyền của họ khi họ còn có quyền thế ở bán đảo Đông dương. Nhưng ta phải thẳng-thắn nhận-dịnh là tài liệu lịch-sử của triều đình Huế liên quan đến việc người Pháp sang chiếm nước Việt-nam hồi cuối thế-kỷ 19 thì hiện nay rất thiếu sót, có thể nói là không còn nữa. Đó là tại các vị quan lại làm việc trong Quốc-sử-quán thời đó thiếu lương tâm, đã vì những sự áp-buộc của thời thế mà làm mất cả những tài-liệu quan trọng đi.

Vì vậy nên ta thấy ngày nay cần phải có một cơ-quan tự-trị để làm những công việc của Quốc-sử-quán thời trước-

Từ năm 1900 người Pháp có thành.

lập Học viện Viễn đông (Ecole Française d'Extrême-Orient) để thay thế Mission archéologique de l'Indochine do chính phủ thuộc địa thành lập mấy năm trước. Mục đích của cơ quan khoa học này chuyên về khảo cổ, và bảo tồn cổ tích và làm một ít công cuộc khảo cứu về nhân chủng học. Vì vậy nên trong hơn nửa thế-kỷ, từ 1900 đến 1945 chỉ có rất ít bài khảo cứu về lịch sử Việt-nam.

Rồi đến năm 1950, chính-phủ Việt-nam, hồi đó B. S. Phan-huy-quát làm Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, vì thế-diện quốc-gia điều-định đến thu-hồi lại một phần các hoạt-động của Học-viện Viễn-đông của Pháp (mà các người vẫn thường gọi là trường Bác-cổ) và đã thành-lập được sở Quốc-gia Bảo-tồn cổ tích. Nhưng Học-viện Viễn-đông vẫn hoạt-động trên lĩnh-vực khảo-cứu.

Đến năm 1956, Viện Khảo-cổ được thành-lập với mục-dịch sưu-tầm các tài liệu khảo-cổ và nhân-chủng trong nước và các nước láng-giềng Cam bốt, Ai-lao Thái-lan để khảo-cứu các nền văn-minh lịch-sử của các nơi này và những thẩm-quyền của Sở Quốc-gia Bảo-tồn Cổ-tích cùng thuộc về phạm vi hoạt-động của viện Khảo-cổ.

Viện-khảo-cổ là một cơ-quan của chính-phủ Việt-nam hoạt-động song song với Học-viện Viễn-đông của Pháp.

Trong chương-trình hoạt-động của Viện Khảo-cổ việc nghiên-cứu lịch-sử lệ phụ, chỉ để cung-cấp tài-liệu cho công-việc khảo-cứu các nền văn-minh trong nước và ở các nước láng giềng và công việc chính của viện Khảo-cổ

vẫn là một công việc rất chuyên môn : bảo-tồn các cổ-tích trong nước (1).

Cũng vì thiếu hẳn một cơ-quan chuyên về lịch-sử Việt-nam nên ta đã thấy nhiều cơ-quan phải hoạt-động để phiên-dịch các sử-liệu. Nha Văn-hóa. Sở Tu thư dịch-thuật (sau đổi thành Sở Học-liệu) Ủy-ban phiên-dịch sử-liệu Việt-nam (thuộc viện đại học Huế), Viện Khảo cổ phiên-dịch các tài-liệu lịch-sử Việt-nam.

Ta thấy rằng việc nghiên-cứu lịch-sử Việt-nam đã hoạt-động không có hệ thống, không có chương-trình mạnh ai nấy làm. Trong khi đó thì ngoài Bắc-việt đã thành-lập Viện Sử-học và đã dịch xong nhiều bộ sử của Việt-nam.

Bên Nhật-bản Viện đại-học Keio đang in bộ Đại-nam Thực-lục (sử triều Nguyễn) và Ấn-độ-chi-na nghiên-cứu hội tại Tokyo đã xuất-bản bộ Đại-nam nhất thống-chí; v.v ..

Và hiện nay Viện-đại-học Harvard của Hoa-kỳ đã có vi-ảnh của các châu-bản triều Nguyễn (2)

(1) Xem Nghiêm-Thâm : « Công việc bảo-tồn và trùng-tu các cổ-tích lịch-sử và Mỹ-thuật » đăng trong tạp-chí Quê-Hương số 39, tháng 9-1962, tr 66-83.

(2) Ủy-ban phiên-dịch sử-liệu Việt-nam, Đại-học Huế, đã xuất-bản : Mục lục các chiếu-bản triều Gia-long in năm 1960, triều Minh-Mạng, in năm 1962; An-nam chí lược (1961).

Nha Văn-hóa đã dịch được bộ Đại-nam nhất thống-chí (1959-1962). Viện Khảo-cổ dịch được : hai quyển đầu (in năm 1960 và 1965) của bộ Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục (Bộ sử này gồm có 53 quyển); Hoàng-Việt Giáp-tý niên-biêu (1963), Bản-triều bản nghịch liệt-truyện (1963).

Nếu cứ để tình-trạng hỗn-độn này kéo dài thì miền Nam Việt-nam tuy mang danh là miền quốc-gia, là theo truyền-thống dân-tộc mà lại không có một cơ-quan thống-nhất việc dịch sách và in sách về sử Việt-nam. Chẳng lẽ cứ để ngoài Bắc-việt và những nước ngoài in dịch và phổ-biến các tài-liệu lịch sử về Việt-nam mãi hay sao ? Đó là một điều không hay trên phương-tiện quốc-thê.

Ta nên theo gương các nước khác như Đại-hàn, mới thoát khỏi ách nô-lệ, đã lập « Quốc-sử biên toản ủy-viên hội trực thuộc bộ Văn-giáo (văn-hóa và giáo dục) Đại-hàn để sưu tầm và xuất-bản các tài-liệu lịch-sử của Đại-hàn.

Như vậy, không vì một lý do nào mà miền Nam Việt-nam lại không noi theo truyền-thống cũ của « Quốc sử quán để sưu-tầm các sử-liệu Việt-nam và để in lại bộ sử Việt-nam. Đại-hàn đã vượt ta quá xa về vấn-đề này.

Ta cũng không thể để tình-trạng một Viện-đại-học Nhật-bản in các bộ sử Việt-nam để phổ biến đi mọi nơi mà chính ngay nước Việt-nam độc-lập lại không nghĩ đến in lại nguyên-bản các bộ sử cũ của mình. Ta nên hiểu là nếu sử ta in nguyên bản bằng chữ Hán thì các nhà khảo-cứu về Đông-phương ở khắp các nơi trên thế-giới đều đọc được chữ Hán và như thế họ có thể khai-thác ngay chính các bộ sử cũ của ta. Nếu ta dịch ra Việt-văn thì trong nước hiểu được sử cũ nhưng trái lại những nhà khảo-cứu quốc-tế chỉ biết chữ Hán lại không dùng được, vì, rất ít học

giả thạo tiếng Việt. Thế cho nên công việc của Viện Quốc-sử là phải vừa in lại các bộ sử cũ vừa dịch ra Việt-văn.

II.- NHIỆM-VỤ CỦA VIỆN QUỐC-SỬ

1/Vì các bộ sử cũ của ta rất ít người có nên nhiệm-vụ của Viện Quốc-sử là phải in lại nguyên bản (bằng cách chụp hình bản cũ và in lại) để phổ biến cho các giới học-giả ở trong nước cũng như ngoài nước

Những bộ sử cần in lại là :

- Việt-sử lược
- Đại-việt sử-ký toàn-thư
- Khâm - định Việt-sử Thông - giám cương-mục

- Đại-nam thực-lục
 - Đại-nam liệt-truyện
 - Đại-nam Hội-diễn sự-lệ
 - Đại-nam nhất-thống-chí
 - Lịch triều hiến-chương lại-chí
 - Nguyễn triều châu-bản
- và nhiều bộ sách khác nữa.

Ta cần phải in lại các bộ sách trên để phổ-biến trong nước và ngoài nước vì những sách này viết bằng chữ Hán, các nhà khảo-cứu quốc-tế đều có thể đọc được. Chính vì lý do này mà bên Đại-hàn đã in lại các bộ sử của họ viết bằng chữ Hán để gửi đi mọi nơi mà cũng vì vậy mà bên Nhật-bản đã in lại nguyên bản các bộ sách của ta như Đại-việt sử-ký, Đại-nam thực-lục, Đại-nam liệt-truyện và Đại-nam nhất-thống-chí.

2/Một mặt khác Viện Quốc-sử phải phiên-dịch gập những bộ sách trên và

các tài-liệu bằng tiếng la-tinh hay các ngoại ngữ ra Việt-văn để phổ-biến trong nước cho các sinh-viên, các giáo-sư không thông-thạo chữ Hán và ngoại-ngữ dùng để làm tài-liệu khảo-cứu.

Trong giai-đoạn này không cần phải chú-thích nhiều Chỉ cần dịch cho sát-nghĩa.

3/Viện Quốc-sử có nhiệm-vụ quan-trọng là sưu-tầm các tài-liệu có liên-quan đến sử Việt-nam: tài-liệu trong nước như các bộ sử cũ, các gia-phả, thần-tích có tính cách lịch-sử, các văn-bia và các tài-liệu do các nước ngoài viết về Việt-nam hay có liên-quan đến Việt-nam để thành-lập một *thư viện Lịch-sử Việt-nam* thật đầy đủ.

4/Viện Quốc-sử phải có nhiệm-vụ xuất-bản những cuốn thư mục ghi các tài-liệu có liên-hệ đến sử Việt-nam. Những thư-mục này rất cần cho các nhà khảo-cứu.

5/ Viện Quốc-sử có nhiệm-vụ biên-soạn những sách khảo-cứu về lịch-sử Việt-nam, về những danh-nhân liệt-sĩ, về những định-chế của các triều đại cũ tại Việt-nam, về một thời-kỳ trong lịch-sử nước nhà v.v., Lẽ dĩ nhiên là những bộ sách này phải được biên-soạn với tinh-thần khách-quan và khoa-học chứ không được thiên-lệch như các bộ sử cũ.

6/ Viện Quốc-sử thường-xuyên phải liên-lạc với:

- Viện Khảo-cổ để dùng các tài-liệu về lịch-sử văn-hóa tàng-trữ trong các Viện Bảo-tàng và để dùng các tài-liệu do công cuộc khai-quật cổ-tích đã tìm ra.

- Sở Lưu-trữ công văn thuộc Nha Văn-khố và Thư-viện để khai-thác các tài-liệu về lịch-sử, chính-trị, kinh-tế, tài-chánh, tư-pháp, giáo-dục Việt-nam.

- Các cơ-quan khảo-cứu ngoại quốc hoặc trực-tiếp hoặc qua trung-gian Bộ Ngoại-giao và các tòa Đại-sứ Việt-nam để nhờ cung-cấp các tài-liệu.

7/ Trong Quốc-sử-viện, nên thành-lập những tiểu-ban để phân chia trách-nhiệm và các công cuộc. Thí dụ: tiểu-ban khai-thác các châu-bản triều Nguyễn tiểu-ban dịch các bộ sử cũ, tiểu-ban soạn các thư-mục (thư-mục tổng-quát, thư-mục từng vấn-đề, từng triều đại, thư-mục ghi các tác-phẩm ngoại quốc có liên-hệ đến Việt-nam), tiểu-ban nghiên cứu các địa-danh qua các triều đại cũ của Việt-nam. v.v...

III.- CÁCH TỔ-CHỨC CỦA VIỆN QUỐC-SỬ.-

1/ *Nhân-viên*: Viện Quốc-sử được đặt dưới quyền điều-khiển của Viện-trưởng Viện Quốc-sử chọn trong các nhân-viên khảo-cứu của Viện hay trong các học-giả có những công-trình khảo-cứu có giá-trị về sử Việt-nam

Đề nhà khảo-cứu khỏi phải hy-sinh công việc nghiên-cứu của mình cho trọng-trách điều-khiển Viện quốc-sử, mỗi nhiệm-kỳ của Viện-trưởng Viện Quốc-sử được ấn-định là bốn năm và không được tái bổ hai nhiệm-kỳ liền. Như vậy sau một nhiệm-kỳ làm Viện-trưởng nhà khảo-cứu lại trở về với công việc chính là nghiên-cứu lịch-sử như các nhân-viên khảo-cứu khác của Viện.

Các nhân-viên khảo-cứu của Viện Quốc-sử được tuyển trong số các người có văn bằng Đại-học (Cử-nhân hay tương đương), do một đại-học trong nước hay ngoại quốc cấp, chuyên về sử-học hay các bộ môn khoa-học trợ giúp cho khoa sử-học.

Các nhân-viên khảo-cứu là thành phần hoạt-động chính của Viện Quốc-sử. Mỗi nhân viên khảo cứu chuyên về một thời kỳ hay một vấn đề của lịch sử Việt Nam hoặc chuyên về lịch sử các nước láng giềng.

Tổng số nhân viên khảo cứu không ấn định tối đa là bao nhiêu vì sẽ tăng tùy theo nhu cầu của chương trình hoạt động của Viện Quốc sử.

Sau một năm làm việc, mỗi nhân viên khảo cứu phải tường trình về công việc nghiên cứu của mình và sau thời hạn tối đa là ba năm nếu không làm được một công trình khảo cứu có giá trị thì đương nhiên bị loại ra khỏi ngành nhân viên khảo cứu của Viện Quốc sử.

Nhân viên khảo cứu được hưởng lương và phụ cấp của một nhân viên giảng huấn của trường Đại học Văn khoa hay Khoa học, khởi đầu từ cấp giảng nghiệm viên.

Những học giả không đủ điều kiện văn bằng Đại học, nhưng có những công trình khảo cứu về lịch sử Việt Nam có giá-trị cũng có thể xin làm nhân viên khảo cứu của Viện Quốc sử sau khi được ông Viện trưởng đề nghị và được ông Tổng trưởng Bộ Giáo dục tuyển dụng.

Ngoài các nhân viên khảo cứu, Viện Quốc sử còn có một số các chuyên viên Hán học tuyển trong những người biết thành thạo chữ Hán. Các chuyên viên Hán học chuyên dịch các sử liệu bằng chữ Hán ra Việt văn theo chương trình hoạt động do Viện trưởng Viện Quốc sử ấn định.

Những chuyên viên Hán học có những công trình khảo cứu có giá trị về Quốc sử được Viện trưởng đề nghị lên ông Tổng trưởng Giáo dục để được tuyển làm nhân viên khảo cứu.

Vì công cuộc khảo cứu lịch-sử cần những nhà khảo-cứu lão-thành, những chuyên viên Hán-học nhiều kinh nghiệm nên hạn tuổi về hưu của Viện trưởng, và các nhân viên khảo cứu và chuyên viên Hán học có thể gia tăng như trong quy chế các giáo chức Đại học, với điều kiện là từ 58 trở lên, các đương sự phải còn có đủ sức khỏe để phục vụ.

2) *Thư-viện Khảo-cứu* : Phương-tiện làm việc của Viện Quốc sử là Thư viện khảo cứu, các hình ảnh, các tranh vẽ, các bản rập, các bìa, các phim ảnh, các vi ảnh, các băng thâu thanh.

Những sách của Thư viện Quốc sử quán và của Nội các triều Nguyễn sau đưa vào Thư viện Bảo-Đại, rồi sau năm 1954 bị chia cho các thư viện của các cơ quan sau đây : Viện Khảo-cổ, Viện Đại-học Huế, Nha Văn khố và Thư viện ; đều phải hoàn lại tất cả cho thư viện của Viện Quốc sử.

Thư viện của Viện Quốc sử sẽ được Nha Văn khố của và Thư-viện cung cấp một bản những sách báo đưa nạp bản.

Thư viện sẽ được cấp một ngân khoản đầy đủ để mua các sách viết tay hay sách in, các tạp chí, v.v.. cần cho công việc khảo cứu quốc sử.

3) *Văn-khố sử-học* : Viện Quốc sử có một văn khố sử học để chứa các tài liệu bằng chữ Việt, các ảnh, các vi ảnh và các công trình khảo cứu liên quan đến Quốc sử.

Tất cả những bản thảo và các công trình sưu tầm, ghi chép của các nhân viên khảo cứu và các bản dịch của các chuyên viên Hán học đều phải trao lại cho văn khố của Viện Quốc sử.

4) *Hành-chánh và Kế-toán* : Viện Quốc sử có một phòng Hành chánh và kế toán để giải quyết các vấn đề hành-chánh, nhân viên, kế toán, lương bổng, vật liệu và có một phòng ấn loát để trông nom công việc ấn loát các tài liệu các sách khảo cứu và tạp chí của Viện để phổ biến trong nước và ngoài nước

IV.— KẾT-LUẬN.

Việc thành lập một Viện Quốc sử là rất cần với nước Việt Nam ngày nay. Vì đã đến lúc ta cần phải có một cơ quan chuyên môn để thu thập các tài liệu lịch sử rất tản mát.

Còn gì khổ tâm cho các người yêu nước mà khi muốn đọc về lịch sử Việt Nam phải gửi mua ở bên Nhật bản những bản Đại Việt Sử ký toàn thư, những bản Đại Nam liệt truyện, Đại Nam thực lục, Đại Nam nhất thống chí. Sở dĩ có sự đó là tại trong nước nhà không có một cơ quan nào lo việc in các bộ sử cũ của cha ông chúng ta để lại

Chẳng lẽ cứ phải để người Nhật Bản in sử cũ của ta để bán cho ta ư ?

Ngoài Bắc Việt cũng đã thành lập một Viện Sử học và đã cho in nhiều bản dịch của các bộ sử cũ của ta rồi.

Chỉ ở miền Nam Việt Nam là chưa có một cơ quan trung ương chuyên lo về Quốc sử.

Ta nên theo gương nước Đại Hàn. Bộ Văn hóa Giáo dục Đại Hàn đã lập một « Quốc sử biên toàn ủy viên Hội » để ấn hành các tài liệu về lịch sử Đại Hàn.

Phải thẳng thẳng nhận định là các tài liệu lịch sử của ta rất hiếm. Vậy phải in lại các tài liệu cũ để phổ biến, việc dịch các tài liệu đó ra Việt văn là rất cần. Nhưng chỉ dịch thôi, như ngoài Bắc-việt đã và đang làm, cũng chưa đủ. Phải một mặt in các tài liệu cũ và một mặt in các bản dịch. Vì những bản dịch không bao giờ được toàn hảo và rất có thể là các người làm các công việc dịch đó phạm những sự nhầm lẫn mà chỉ các học giả khi khai thác nguyên bản mới thấy rõ được.

Phải lập một Viện Quốc sử chuyên lo về sử Việt-nam và những cơ quan văn hóa khác thì nên trở lại với hoạt động riêng biệt của mình. Nha Văn-hóa trở lại với các công việc văn-hóa. Viện Khảo cổ trở về với việc bảo tồn các cổ tích và các Viện Bảo-tàng. Tình trạng hỗn độn trong việc dịch tài liệu sử Việt-nam cần phải chấm dứt. Phải hoạch định một chương trình dài hạn và ngắn hạn về các công việc của Viện Quốc sử để không mạnh ai

người ấy làm như ngày nay. Vì vậy nên công việc khảo cứu lịch sử Việt-nam ngày nay rất khó khăn. Muốn có đầy đủ tài liệu để khảo cứu ta vẫn phải đi Paris vì ở đó tập trung được nhiều tài liệu.

Tại sao ta lại không thể bỏ một ngàn khoản dồi dào để mua các tài liệu lịch sử để tập trung vào Viện Quốc sử cho người Việt-nam hay người ngoại quốc đến nơi này mà khảo cứu về sử của Việt-nam.

Những ý-định lập một cơ quan chưa là đủ, nếu ta không đề ý đến tuyển lựa người để vào làm việc ở cơ quan này.

Hiện nay phải nói là ta đã có nhiều cơ quan khảo cứu lắm nhưng nếu xét kỹ thì ta đã đặt đúng người vào các việc chưa ?

Một cơ quan khảo cứu của chính-phủ như Viện Quốc sử cần phải chọn người đủ khả năng chuyên môn để điều khiển. Vì cơ quan này sẽ bắt buộc phải giao dịch trên phương diện chuyên môn và khoa học với nhiều các cơ quan khảo cứu và các học giả nhiều nước. Ta nên biết là hiện nay có những vị giáo sư ngoại quốc rất thành thạo về Việt-sử và đang dạy học về lịch sử Việt Nam ở các nước ngoài như g.s. T. YAMAMOTO dạy Việt sử ở Đại học Tokyo ; g.s. E. GASPARDONE dạy Việt-sử từ gần 20 năm nay ở Collège de France (Paris) ; g.s. M. DURAND hiện dạy bác ngữ và sử Việt Nam tại Ecole pratique des Hautes Etudes à la Sorbone (Paris). Viện Quốc-sử phải có những học giả đứng dẫn đề có thể giao thiệp với các học giả ngoại quốc trên bình

diện khảo cứu. Các học giả nước ngoài sẽ xét đoán tình-trạng một cơ-quan khảo-cứu của ta theo thành-tích của các vị chỉ-huy cơ-quan này. Vì vậy khi cử ai làm Viện trưởng Viện Quốc-sử tôi thiết-tha xin chính-quyền nên cử một vị đã có những công-trình khảo-cứu có giá-trị về sử Việt-nam chứ đừng vì những cảm-tình cá-nhân hay bè phái mà cử bất cứ ai lên điều-khiển một cơ-quan quan-trọng như vậy (1).

Ngay đến việc tuyển các nhân-viên khảo-cứu cũng vậy, cũng cần phải thận-trọng chỉ chọn các người đủ khả-năng chuyên-môn để vào khảo-cứu về sử-học để đỡ phung-phí tài-chánh của quốc-gia. Nếu có đủ bằng cấp đại-học mà không có đủ khả-năng để khảo-cứu thì cũng không nên lấy vào làm việc ở bất-cứ một cơ-quan khảo-cứu nào. Vì những người thiếu khả-năng như vậy sẽ chỉ sống dựa dẫm vào những việc làm của các đồng-sự mà chả có ích-lợi gì cho công việc khảo-cứu cả. Họ là những ký-sinh-trùng ăn hại tài-chính của quốc-gia.

Ta cũng nên biệt-đãi những người định hy-sinh cả đời phụng-sự cho các ngành khảo-cứu, chẳng hạn Trung-tâm khảo-cứu khoa-học sẽ cho họ những trợ cấp đặc-biệt để họ hoàn-thành từng công việc khảo-cứu, hay cũng có thể cấp cho họ những phụ-cấp đặc-biệt, gọi là phụ-

(1) Trường-hợp này đã xảy ra ở Saigon, khi một chính-phủ trước đã cử một vị để chỉ-huy một cơ-quan rất chuyên-môn nhưng tiếc thay vị này lại không biết tí gì đến các công việc chuyên môn của cơ-quan này. Trường-hợp này đã làm các nhà khảo cứu ngoại quốc từ Âu sang Mỹ đến cả Nhật-bản đã phải than là ta đã không đếm xỉa đến kiến-thức chuyên-môn và kinh-nghiệm trong một ngành khoa-học.

cấp khảo-cứu. Và chỉ những người nào hàng năm xuất-trình được những công-trình khảo-cứu có giá-trị mới được tiếp-tục công việc ở Viện Quốc-sử.

Viện Quốc-sử cũng có thể tuyển những người có bằng cử-nhân muốn soạn các luận-án đề thi lấy bằng Cao-học hay tiến-sĩ (như trường-hợp các Ecole Française d'Athènes hay Ecole Française de Rome của Pháp). Sau khi đã có những văn-bằng cao-học hay tiến-sĩ ai muốn ra ngoài để hành-nghề giáo-sư thì ra khỏi Viện và ai muốn suốt đời khảo-cứu thì ở lại làm việc với Viện.

Viện Quốc-sử là một cơ-quan khảo-cứu vậy cần được có một quy-chế tự-trị như Trung-tâm Khảo-cứu Khoa-học. Quy-chế tự-trị về nhân-viên và tài-chánh rất cần cho công việc của Viện có thể tiến đều hòa được. Có như thế ta mới tránh được những cảnh khi thay đổi một chính-phủ thì lại muốn thay đổi cả những người chỉ-huy và nhân viên của những cơ-quan rất chuyên-môn. Quy-chế tự-trị mới có thể cho cơ-quan này quyền từ-chối những người thiếu

khả-năng chuyên-môn mà mỗi chính-phủ muốn đưa vào làm việc ở Viện Quốc-sử.

Các nhân-viên khảo-cứu phải có tinh-thần khoa-học và lương-tâm nhà nghề để tránh những sự su-nịnh đề cao một chính-phủ tại chức hay hủy bỏ những tài-liệu không đẹp dễ đối với một chính-thể hay một cá-nhân. Với tinh-thần khoa-học ta có thể tránh được những nhầm lẫn của các sử-thần trong «Quốc-sử-quán» của ta thời trước. Vì Quốc-sử-quán lúc trước được thành-lập dưới triều Nguyễn nên các sử-thần muốn làm vừa lòng các vua triều Nguyễn đã không dám nói đến những công việc hay tốt của các chúa Trịnh, của triều Tây-sơn, rồi đến khi người Pháp sang chinh-phục Việt-nam thì các sử-thần lại vội-vã hủy những tài-liệu của Việt-nam nói đến bang-giao với Pháp vào cuối thế-kỷ XIX.

Chỉ nhờ có quy-chế tự-trị thì các công việc sưu-tầm tài-liệu và khảo-cứu của Viện Quốc-sử mới hoàn-toàn khách quan được,

NGHIÊM THẨM

ĐÍNH CHỈNH

Trên BK.TĐ. số 205, trong bài « Trở lại bài Lịch-sử Lạc-Việt » của G.s. Nguyễn-Phương, có những lỗi sau đây, mong bạn đọc sửa lại giúp chơ :

— Trang 35, cột 1, hàng 9, đã in « hoặc góp bài » xin sửa là : « hoặc viết bài ».

— Trang 35, cột 2, hàng 9, đã in « cũng có quyền phê phán tôi », xin sửa là « người đọc sẽ có quyền phê phán chúng tôi ».

— Trang 37, cột 1, hàng 28, đã in « như về đề » xin sửa là « như vấn đề ».

— Trang 39, cột 1, hàng 16, đã in « sự nhân trong nhân dân » xin sửa là : « sự trong nhân dân ».



• TẠ TRỌNG HIỆP

đọc cuốn

Hiệu-chú Bích-câu Kỳ-ngộ

của ô. Hoàng Xuân Hân

(x in xem từ BK số 205)

8. Thương-xác thêm về bản HXH.

Tôi nghĩ rằng, với bản này, đại-đa-số các điểm ngờ hay khó trong BC nay đã được giải-quyết ổn-thỏa; nhờ nó mà thanh-niên chúng ta có thể đi thật sâu vào các ngõ-ngách của một áng văn đẹp, đẹp nhưng kín-đáo. Nhân tôi thấy vài chỗ cũng cần bàn thêm nên không quản tiếng múa riu qua mắt thợ mà trình ý của tôi như sau, trước khi ngừng bút.

a) Thêm chứng đề củng-cố giải thuyết của bản HXH.

Nhân cái dư-luận trách ông « sửa văn cổ-nhân », tôi xin dẫn một thí-dụ chứng tỏ rằng thật ra ông có ý-niệm rất chính-xác về sự tồn-cổ chứ không võ-đoán như ta tưởng. Trong văn-chương ta, có một cái lầm vì tự-dạng là *xuân* đọc lầm ra *thung* trong danh-từ *xuân-huyên* (điền-cổ trở cha-mẹ, lấy chữ trong *Trang-tử* và *kinh Thi*). Nếu theo đúng sách Trung-

hoa thì phải đọc *xuân-huyên*. Nhưng đọc như vậy thì không đúng nguyên-thoại của tác-giả nôm đời xưa. Bởi vậy mà Hoàng-quân giữ âm *thung-huyên* (BC, vế 19) và dẫn hai chứng biện cho lối đọc ấy: một chứng trong tự-vị De Rhodes (sơ-ấn: năm 1651), một chứng gieo vần trong *Kiều* (vế 1353-1354: Ở trên còn có nhà thung / Lượng trên trông xuống biết lòng có thương?) tỏ rằng Nguyễn Du đọc *thung* -chứ không đọc *xuân*. Mà chẳng riêng gì Nguyễn Du, tôi còn thấy nhiều người khác cũng vậy: « Tống Trân số phận long-đong. Lên ba bổng bị nhà thung chầu trời » (*Tống Trân Cúc Hoa*, 25-26), « Tuyết-sương trắng diềm cành thung / Phan phu.nhân mới rướm dòng nước hoa (*Phan Trần* 35-36, ý nói cha đã già mới sinh Phan Tất Chính; bản Durand giải đúng ý diềm nhưng đọc *xuân*, khiến lạc vần), « Con giữ đạo tam tông / Riêng còn một cội huyền-

thung/ Muộn mắt chưa nảy chồi lan-
quế» (chèo *Quan-âm Thị Kính*), « Tủ;
thân sớm vắng nhà thung/ Lấy ai dạy
đổ cây-trông sau này? » (*Thạch Sanh*
115-116), « Chị nhờ em gánh biếu-
trung/ Chồi huyền gần cội gốc thung
gần già » (*Nhị-dộ-mai*, 973-974).

— chữ *giâm* (BC 68 : Mấy thu hạ^t
ngọc Lam-diễn chưa giâm), Hoàng-quân
giải nghĩa là « gieo hạt hoặc cấy mầm
cho cây mọc giống ». Trong *Hoa-tiên*
(sau đây sẽ gọi tắt là HT) có chỗ dùng
đúng như vậy : « Nhớ ngày nào liễu đã
giâm » (vẽ 563). Chữ nôm viết 播, mà
ô. HXH cho là khắc lăm, có thể là nôm
thông-dụng hồi thế-kỉ XIX chứ không
phải là lăm. Tự-vị Taberd và Génibrel
cũng viết như vậy.

— về điển *non Thần* (BC 162), tôi
có thấy một văn-liệu giải-thích rất giống
như Hoàng-quân : thơ Từ Thức vịnh
cảnh tiên, trong *Mạn-lục*, có câu *Thanh
quang sái-sái bức tam Thần* (nghĩa là
« trong-sáng lầu-lầu hơn cả ba núi thần »),
nguyên-chú của sách nói rằng « Tam
Thần là núi thần giữa biển : Bồng-lai,
Phượng-trượng, Doanh-châu ».

— *cánh mây* (BC 348), trong phần
Tự-vị ông giải-thích gốc chữ theo lối
giả-tá, cho rằng *mây* là dịch *vân* 雲,
vân này thông-giả với *vân* 雲 trong chữ
vân song 雲窓. Giải như vậy có vẻ kì
lạ, riêng tôi tin là có thể đúng : trong
Hán-văn chỉ có danh-từ 雲窓, không
có 雲窻; *cánh mây* trong BC và trong
Kiều 283 mà Hoàng-quân đã dẫn, phải
hiểu theo *cấp hai* như vậy, nhất là nếu
ta xét câu « Quyển vàng lần mở *song
mây* » trong *Quân-trung-dối*. Có thể

nói rằng đây là một lối chơi chữ lắt
léo của thi-sĩ nhóm Hồng-sơn chăng?

— *bén* (423 : Phím loan từ thuở bén
dây), phần Tự-vị giải là « quen-thuộc,
quen thích nhau ». Giải như vậy giúp
ta hiểu được mấy câu ca-dao này : « Bao
giờ cho hương bén hoa/ Cho đào bén
lúi, cho ta bén mình » (1). « Vì ai cá
chăng bén câu/ Lược chẳng bén đầu,
chỉ chẳng bén kim » (2).

— *Chong* (BC 559 : Mắt nhìn chong
cả con người), ông nhận xét rằng « các
bản đều làm ra *chung* 終, ý là « cả đôi
bên ». Nhưng ý không thông. *Chong*
trở ngọn đèn để cháy lâu; nghĩa rộng
trở con mắt mở lớn và lâu không chớp.
Trong *Nhị-thập-tứ hiểu* 37 cũng có
chứng dùng chữ *chong* như vậy : « Ba
năm hầu hạ thường như một ngày/ Mắt
chong bóng, dăm say giấc ngủ/ Áo liền
minh, dăm xò đai lưng », ô. Dương
Quảng Hàm giải *chong* là « thức suốt
đêm », kể cũng khá đúng tuy chưa tinh-
tế như lời giải của Hoàng-quân. Các
bản *Nhị-thập-tứ hiểu* khác không hiểu
tiếng cò, đôi làm « Mắt *trông* bóng...

— ba đỉnh *mười châu* (BC 608),
Hoàng-quân có tinh-tế lắm mới nhận ra
rằng thoại *chín châu* của các bản làm
lạc mất tứ văn của cả đoạn. Xin bổ-
chứng thoại HXH bằng văn-liệu rút từ
điều *du-tiên chậm* trong *Từ-hải* (dẫn
sách *Khai-nguyên Thiên-bảo di-sự*) :
« nước Cưu-tư (Koutcha) tiến dâng một
chiếc gối màu sắc như mã-nã, tron

(1) *Tục-ngữ phong-dao* của Nguyễn Vănⁿ
Ngọc, tái-bản Bốn-phương, II, tr. 30.

(2) idem, tr. 160.

nhân như ngọc, chế-tác thật công-phu. Gối lên mà ngủ thì *mười châu ba đảo bốn biển năm hồ* thấy đều hiện trong mộng. Nhân đó vua đặt tên là gối du-tiên). Bốn điển công-thức trong văn-liệu này đều trở chốn tiên (: do đó mà gọi gối là gối chơi tiên), lại đều thấy dùng trong BC (Đọc ngang bốn bề năm hồ/ Khắp trong ba đỉnh mười châu mặc dầu), vậy thì thoại HXH có khả-năng ăn khớp với mạch văn hơn là thoại *chín châu*.

b) *Bồ-chính hiệu-đỉnh và vài chú-giải từ-ngữ.*

Nhân tôi có dịp tham-khảo các bản nôm mà Hoàng-quân đã dùng (một bản Thịnh-văn-đường, hai bản Cầm-văn-đường), tôi thấy có một chỗ ông đã sơ-suất, là chữ *trắng* ở vế 181 (Có khi ngấm bóng trắng tàn), không hiểu tại sao ông lại chép làm vậy, vì các bản nôm (và bản PT, TVG) đều chép là sao 宰 + 星 *Sao* hay *trắng*, thật ra không quan-trọng cho lắm, nhưng thoại *sao* có rành rành trong văn-bản, tôi chưa thấy lẽ gì đổi đi như ông đã đổi.

Ngoài ra, có vài từ ngữ mà tôi xin đề nghị một cách đọc và hiểu như sau :

— *trung-lùng* (BC 72 : Nức-nô cảnh Phât, *trung-lùng* hội xuân), ông cho rằng có thể đọc là *chung-lùng* (tôi cũng nghĩ như vậy), nhưng không thấy ông giải nghĩa, chỉ thấy ông liên-hệ đến những văn-liệu như thành-ngữ « đèn sáng chung » hoặc câu « Ngày nắng chung-chung 1001 chó lè » trong tập thơ Hồng-đức như nay còn nói « nắng chang-chang ». Theo tôi, ông liên-tưởng rất đúng, chỉ tiếc rằng sau đó ông không nói cách

hiểu của ông ra sao. Tôi hiểu *chung-lùng* là *tung-bùng* và vang *lùng* ; không cần tra tự-vị nào, ta còn có vài văn-liệu bảo tồn nghĩa như tôi xác-định : « Thốt thôi cả mở tiệc mừng/ Dặt-diu chén chuốc, *chung lùng* khúc ca » (*Quân-trung-đối* 989-990) (1) ; « Xiêm nghề chan-chứa, làn mây rủ/ Khúc phượng chung-lùng, tiếng đá vang » (thơ *vịnh động Từ Thức* của Trịnh Sâm (1739-1782) trong *Tâm-thanh tồn duy tập*) (2) ; « Đông Tây sĩ-nữ đều mừng-Huyền-hoàng dâng (?) phi, *chung-lùng* gần xa » (vế 392-393) trong thơ diễn-ca của Nguyễn Bá Lân, dịch đoạn trong *kinh Thư* thiên Vũ thành : « Tuy quyết sĩ nữ, duy quyết sĩ nữ, phi quyết huyền hoàng, chiêu ngã Chu-vương, thiên hữu *chấn-động*, dụng phụ ngã đại-áp Chu » nghĩa là « võ yên nam-nữ, nam-nữ dâng giở dụng lựa màu xẫm và màu vàng, làm rạng đức vua Chu nhà ta, phúc trời *chấn-động*, khiến trăm họ theo về đại-áp nhà Chu ta ») (3).

Trong *chung-lùng*, có hai tiếng gốc là : *lùng* có nghĩa « cái gì nổi lên và đập mạnh vào giác-quan ta » (trở mũi : thom lùng, ngát lùng ; trở tiếng : vang lùng, lùng-lây ; trở màu : đỏ lùng) và *chung* cùng gốc với *tung* trong *tung-bùng*. Xét rộng, hình như tiếng Việt có một chuỗi tiếng vẫn ửng (hoặc — ang, —

(1) cf. chú-giải của Nghiêm Toàn trong *Luận-đàm*, tháng 1-1962, tr. 60, chú 373 : « *chung-lùng* » là *tung-bùng* và *tực-rô*. Ta thường nói : sáng chung, đỏ lùng.

(2) tôi chưa được đọc bản nôm ; đây dẫn theo Phạm Văn Diêu, *VHVN*, I, tr. 746.

(3) bản dịch *Thượng-thư* của Nguyễn Tổng, Tân Việt, Saigon 1963, 107-108.

ăng) đồng nghĩa như : sáng *chung*, *tung* *bùng*, *hùng*, *hùng*, *bùng*, *phùng*, *rụng* *vang* *lùng*... ; *tung-tung* là trời vừa sáng. *Tung* đối chuyển với *chung* như *tần văn* với *chần văn* (cf. điều tần văn trong Tự vị bản BC/HXH), như *châu chấu* với *tâu tấu* (trong phương ngôn tỉnh Thái bình).

Trong Phan Trần 894, có bản nôm khắc hai chữ 噌 唳 (cf. bản Durand, I, trang 166) mà ta đọc *tung-lùng*, đối-chuyển trực-tiếp với *chung-lùng*.

— *tăm-rấp* (BC 500 : Cánh hồng tăm-rấp, hạt sương dăm-đĩa), ông giải là « thẳng đều một mạch, không sai-lệch ». Lời giải đúng về nghĩa, nhưng cần chú về âm rằng đó là tiếng cùng gốc với *răm-rấp*. Thoại 𢇛 注 (注) của bản nôm có thể đọc *tăm-rấp*, nhưng nếu đọc *răm-rấp* cũng vẫn đúng âm nghĩa : chữ nôm hay dùng hài-thành t- để ghi âm nôm r-, như :

táo 燥 đọc *ráo* : Kiểu 701 (Thè hoa chưa ráo chén vàng).

ráo 𢇛 (hài-thanh *tạo*) : Kiểu 52 (Nàng thì vội trở buồng thêu/ Sinh thì *ráo* gót sân đào vội ra)

rập-rình 習情 (h. th. tập, tình) : Kiểu 2236 (Om-thòm trống trận rập-rình nhạc quân).

rúc-rích 𢇛𢇛 (hth tích) : *Trình-thử* 251 (Khí vui rúc-rích đầu hè).

rồn 𢇛 (hth : tổn) : Kiểu 1486 (Để dò rồn bề, khôn lường đáy sông), *Trình-thử* 774 (Bây giờ cần rồn lại còn được ru ?)

rốt 𢇛𢇛 (hth tốt) : Kiểu 13 (Một trai con thứ rốt lòng)

rút 𢇛 (idem) : Kiểu 593 (Giường cao rút ngược giầy oan), 1580 (Rút giầy sợ nhớ động rùng lại thôi), 2721 (Đoạn-trường-sở rút tên ra).

răn 𢇛 (hth tán) trong kinh Phật *Báo phụ-mẫu ân-trọng* khắc đầu thế-kỉ XVIII, 29 a/cột 8 (dịch chữ xà là «răn»).

— *Nảy* và *đơm* (BC 36 : Thôi đồng *nảy* lá, lại đào *đơm* hoa).

Nửa vế trên là trở mùa thu (cf. lời bàn về tiếng *nảy*, dưới đây), nửa vế dưới trở mùa xuân là mùa cây đào ra hoa, *đơm* hoa.

Đơm là thoại hiệu-đỉnh của Hoàng-quân, thay cho thoại *buông* mà ông cho là khắc lăm vì tự-dạng: 攪 lăm ra 攪. Ý hẳn ông cho *buông* là lăm vì ông đã hiểu tiếng ấy theo nghĩa thông thường là « thả ra, bỏ cho rơi xuống, rử xuống ». Theo nghĩa ấy, *buông* *hoa* gần như « rụng hoa ». Bởi vậy Hoàng-quân mới cho là không hợp với tứ văn, và tìm cách hiệu-đỉnh.

Thoạt tiên, tôi cũng tưởng rằng bản nôm khắc sai ; nhưng nghĩ lại thì tôi cho rằng thoại *buông* là đúng : hiểu cho thật lộn nghĩa thì tiếng ấy có nghĩa là « trả lại tự-do cho cái gì bị trói-buộc cầm giữ chặt chẽ ». Khi hoa chưa nở, cánh hoa còn khép kín, bó chặt thành nụ : đến mùa nở, cánh hoa được tự do mà xòe rộng ra : *buông* *hoa* là nở *hoa*

Xưa ta học chữ nho theo lối « nghe nghĩa » của *Tam-thiên-tự*, các cụ dạy ta chữ *phóng* là *buông* (như khu : đuổi, khước : ruồng, phóng : buông : khiên ; dất...). Mà khẩu-hiệu *bách* *hoa* *tề* *phóng* nay ta chẳng dịch ra *trăm* *hoa*

đua nở là gì ! Đã biết *phóng* là *buông* lại biết *phóng* là *nở*, vậy biết rằng *buông* là *nở*. Tìm thêm văn liệu, tôi thấy trong hát quan-họ có chỗ dùng nghĩa *buông* như ở đây, có điều là dùng theo cấp-hai, nghĩa là theo lối ví-von (métaphore), ví miệng người đẹp với nụ hoa nở : « Một tôi nhớ đến bạn chung-tình. Hai nhớ yêu-điều, ba nhớ tiếng nói, bốn nhớ người đồng-tâm. Năm nhớ người *buông* nụ cười, nên tôi phải nhớ... » (cf. cuốn *Dân-ca quan-họ Bắc-ninh* của nhà Văn-hóa, Hà-nội 1962, tr. 289, bài *Mười nhớ*).

Về chữ *nảy*, trở về lá cây ngô-đồng, có hai vấn đề.

Thứ nhất, ai cũng biết *nảy* có nghĩa là « mới mọc ra » ; *nảy* lại có một nghĩa nữa là « rơi xuống, rụng », nay không còn thông dụng. Ô. HXH xác-định được nghĩa này bằng rút chứng từ tự-vị De Rhodes, thơ Nguyễn Công Trứ, và từ kinh-nghiệm bản-thân (: tập-quán trong phương-ngôn vùng Nghệ). Tôi còn thấy *nảy* dùng với nghĩa ấy trong bài *Văn-tế Quang-trung* thường gán cho công chúa Ngọc Hân : « ôi ! gió lạnh buồng đào, *rơi* cầm *nảy* sắt. Sương pha cung đỏ, hoen phấn mờ gương » (1) ; trong diễn-ca *Tì-bà-hành* của Phan Huy Thực : « Mâm ngọc đâu bỗng *nảy* hạt châu », diễn thật sát nguyên-tác : « Đại-châu tiều châu *lạc* ngọc-bàn », tả tiếng đàn như hạt trai lớn nhỏ *rơi xuống* mâm ngọc (2) ; trong *Hoa-tiên* 1548, theo bản nôm của Đỗ Hạ Xuyên, có câu : « Thấy tên *nảy* xuống, nộp vào trình xem », các bản khác không

hiều tiếng cò, tự đòi ra « Thấy quân bầm đực thư nào trình xem », hoặc « Thấy tên dưới trướng, nộp vào trình xem ».

Vấn-đề thứ hai là đặt *nảy* vào mạch văn ở đây thì trong hai nghĩa tương phản của nó nghĩa nào thích-hợp hơn. Theo tôi, một khi ta biết rằng ý-nghĩ tượng trưng của cây ngô-đồng bao-giờ cũng là trở *mùa thu*, theo vật-hậu-học ta lại biết rằng thu là lúc ngô-đồng *rụng lá*, vậy thì chỉ có một cách hiểu thôi : *đồng nảy lá* là đồng *rụng* lá. Hoàng-quân cũng hiểu như vậy, không hiểu sao ông còn tỏ ư-ông-lự rằng : « đồng mọc là ý nói mùa xuân, đồng rụng lá thì ý nói mùa thu. Tuy ý nào hình như cũng có lí... ». Không, ý *mọc* ở đây hoàn-toàn không có lí, vì trong cò-thi không bao giờ ngô-đồng có dính-dáng gì đến mùa xuân ; hễ nói đến ngô-đồng là muốn nói đến thu, ngược lại hễ nói thu sang thì thấy nói đến ngô-đồng : BC 317-318 (Êm trời vừa tiết sang thu). Ngàn sương chất bạc, lá ngô rụng vàng), Hán-thi : « Ngô-đồng nhất điệp lạc. Thiên-hạ cộng tri thu », « Ngô-đồng nhất điệp báo thu lai » (: không cần nói nó rụng, chỉ nói « thấy một lá ngô » là đủ thấy thu sang. Mà thu là mùa ngô rụng lá !). Trong thơ nôm, ta thấy BC 39 và 317-318 thoát từ hai câu đầu trong *Chiêu-hồn-ca* của Nguyễn Du : « Tiết tháng bảy mưa dầm sùi-sụt. Toát hơi may, lạnh lẽo xương khô. Nào,

(1) *Thi-văn bình-chú* của Ngô Tất Tố, I tr. 133.

(2) bản *Tì-bà* của Đ. Thê Húc (Saigon 1952) giải *nảy* là vọt lên, tuy không thật sai, nhưng cũng không đúng hẳn nghĩa của *nảy* (và của *lạc* trong nguyên-tác).

người thay ! buổi chiều thu. Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng ».

Vậy tôi đề nghị chữa chữ *xuân* ra *thu* trong lời giải *ngĩa xuôi* của đoạn này (trang 10) : « hết *thu* này *xuân* khác »
Đem *thu* ghép với *xuân* để tỏ ý các mùa đổi thay, lấy *xuân* *thu* để khái quát cả bốn mùa, thật ra rất cân đối, rất hợp thủ pháp *cử ngung*. Giống như ở BC 643 (Lần thâu gió liễu trắng đồng) ô. HXH giải rất đúng ý là « tả gió *xuân* thổi rung lá liễu và trắng *thu* đọng lá đồng », ý cả vì là « lần lần qua mùa này sang mùa khác ». Đúng lắm. Ý hai về BC 35-36 cũng chỉ có vậy mà thôi.

Nảy ở đây là rơi rụng. Nhưng tại sao bản nôm lại viết bằng chữ *nảy* có bộ thảo đầu ? Đó là vì trong về có những tiếng *đồng*, *lá*, *đào* *bông* *hoa*, đều trở về thực-vật : người viết đề khắc bản in có một thứ ám-ảnh giăng trải trước mắt, không những đã thêm thảo đầu trên *nảy* lại thêm mộc bàng bên chữ *thôi* ở đầu về : 權. Dữ Việt, trong *Cờ-thư nghi-ngĩa cử-lệ* (lệ 80), gọi loại sai-ngoại này là *thêm bộ vì ảnh-hưởng của thượng hạ văn*. Chữ Hán đã vậy, chữ nôm ta cũng vậy.

Không những *nảy* ở BC 36 có nghĩa là *rụng*, mà cả ở về 260 (« Chờ sau *mai nảy* thơ đào chẳng lâu »), nó cũng có nghĩa ấy nữa, chứ không có nghĩa *mọc* ra như Hoàng-quân đã hiểu (cf. lời bàn trong các chú-thích 36 và 260).

BC 260 dùng hai điển, đều lấy trong kinh Thi, để ám-chỉ việc hôn-nhân đến kịp thì, đến nhằm lúc. Một điển lấy từ thơ *Đào yêu*, Hoàng-quân đã hiệu-thích

rất đúng (nguyên chữ *thơ* khắc lầm ra *thì*; trong *Nhị-độ-mai*, về 2727-2728, có câu : « Trai tài gái sắc hai bên kịp thì / *Thơ* đào ngợi chữ vu-qui », có thể cũng cố cho hiệu-đỉnh của Hoàng-quân). Một điển, tức là *mai nảy*, lấy từ thơ *Phiếu hữu mai*. Tác-giả BC nôm dùng điển rất đắt : ở đoạn này, Hà-sinh khuyên Tú Uyên đừng có sốt ruột, vì tuổi Uyên đang *xuân*, chẳng bao lâu sẽ gặp buổi hôn-kỳ. « Tâm-sự » người con gái trong thơ *Phiếu mai* cũng vậy : cô ấy thấy *mai* chln và *rụng* dần (mười phần *rụng* ba còn *bảy*, càng *rụng* thì mười phần *rụng* *bảy* còn *ba*) thì cũng « sốt ruột » như Tú Uyên ; cô e rằng nếu người bạn lành không đến đính hôn ngay thì sẽ lỡ mất giai-kì. Gọi là *giai-kỳ* vì *mai* *rụng* vào tháng *trọng-xuân* (tháng tư) tức là mùa cưới gả vợ chồng, theo phong-tục ghi trong *Chú-lễ* (chương Địa-quan, mục *Môi-thị*).

Nếu tôi gán sai điển *Phiếu mai* cho hai chữ *mai nảy* thì *nảy* chỉ có thể hiểu là *rụng* mà thôi, vì *phiếu* (có người đọc *xiếu*) là *rụng*.

Tôi tự tin là không gán-ghép điển một cách gượng-gạo vì trong truyện *Kiều* cũng có chỗ vận-dụng hai điển *Phiếu-mai* và *Đào yêu* để diễn ý *Cưới gả kịp thì* (và chỉ để diễn ý ấy thôi, chứ không phải là tỏ tuổi cô *Kiều* như các nhà chú-giải đã hiểu lầm). Khi Thúy Vân nói (ở về 3075-3076) : « Quả *mai* ba *bảy* đương vừa/Đào non sớm liễu xe tơ kịp thì » là muốn nói rằng sau 15 năm luân lạc *Kiều* đã được đoàn-tụ với Kim Trọng, vậy nay *chính là lúc* *Riêu* nên kết-hôn với chàng *Kim* đề nối lại lời nguyện xưa :

hôn-nhân đến rất nhằm lúc, rất kịp thì, chẳng nên do-dự dùng-dăng gì nữa. Các nhà chú-giải không chịu hiểu giản-dị như thế, ngộ-nhận ý của điển, đã tưởng rằng *đào non* trở tuổi Kiều còn son-trẻ, lại tưởng rằng *quả mai ba bảy* là trở tuổi quá lứa (= lỡ thì, « hơi già rồi »), nên người thì trách Nguyễn Du vụng dùng điển, người thì mỉa-mai rằng *đào non* đâu còn hợp với cái thân cô Kiều lúc ấy! Có lẽ cũng vì Hoàng-quân đã chịu ảnh-hưởng của họ, nhất là ở chỗ họ thất giải điển *Phiếu mai* trong *Kiều*, nên, ông không dùng điển ấy để tìm hiểu chữ *nấy* trong BC 260 chẳng?

Khuôn trời, khuôn duyên,

Như ta đã thấy, với chữ *thung* trên đây, ô.HXH biết xử-lí rất linh-hoạt mềm dẻo chứ không lấy lí đời nay sửa cái nhằm-lấn của đời xưa; lại như đối với chữ *rèm* (BC 26: ... trúc thưa rủ rèm) ông nhận-xét rằng « nay ta phân biệt *rèm* và *mành* và nói rủ mành và trương rèm. Nhưng chính nghĩa xưa hay lẫn hai ý ấy. Cho nên đây mới có dùng *rủ rèm* ».

Linh-hoạt như ông, không hiểu sao mỗi khi gặp chữ *khuôn* (khuôn trời, khuôn duyên) trong BC, ông lại « truy kích » nó đến cùng, luôn-luôn cho đó là thoại viết sai, cần phải hiệu-định. Ví như BC 53, các bản nôm in đều chép là: « ... dầu-mặc có trời », mà PT (và TVG) chép là: « ... *khuôn* trời », thì ta còn có thể không theo thoại *khuôn*, tuy Hoàng-quân cũng nhận rằng thoại ấy vừa đúng tứ, vừa đúng tự-dạng (囿 gần 囿). Đề bác thoại ấy, ông cho rằng « thật ra

thành-ngữ *khuôn* trời hình như không có điển ». Lẽ này không đúng, như tôi sẽ nêu dưới đây. Đến như BC 624 (Con chim bay mãi cũng trong *khuôn* trời), các bản nôm đều chép chữ *khuôn* hẳn-hoi, mà ông cũng hiệu-định ra *khung* trời, thì tôi phải phản-đối: tôi sẽ nương theo giải-thích linh-hoạt của ông về *rèm / mành*, nhận-định rằng cò-nhân không phân-biệt như ta; đề hình-tượng-hóa quan-niệm của họ về thuyết định-mệnh, họ dùng lẫn-lộn nhiều chữ mà ta nay muốn phân-biệt: *khung*, *khuôn*, *vòng*, *vành*. Riêng về Hoàng-quân, có một sự lạ là một danh-từ phổ-biến như *khuôn-khò* mà ông cũng viết là *khung* *khò* (cf. bài Dẫn, trang XV, dòng 12 đếm từ dưới: sống trong *khung-khò* nho..)

Khuôn, không, vành, vòng (dùng đề tượng-trưng Trời -- theo quan niệm Trời tròn Đất vuông -- và bàn tay của Trời an-bài và hạn-định mọi sự, đặc-biệt là tình-duyên -- theo quan-niệm « giai-ngẫu tự thiên thành ») đều gần như là đồng nghĩa, trở chung một vật tròn-trình có khuôn-khò nhất-định.

Khuôn trời (BC 624) vừa có điển trong Hán-văn vừa có điển nôm. Trong chữ Hán, nó là chữ *hoàn* 環 (cái vòng tròn), chữ *hoàn* 寰 (âm gần nghĩa gần: bầu trời. Cf. BC 614); người ta cũng ví Trời tròn như một cái *hồng quân* 洪鈞 (cái bàn xoay hình tròn. BC 594), còn gọi là *thiên-quân*: diễn nôm ra *khuôn* trời là đúng lắm. Điển trong thơ nôm thì có HT 1-2 (Trăm năm một sợi chỉ hồng / Buộc người tài sắc trong *khuôn* trời),

khuôn trời), ca-đao (trăm năm xe sợi khi hồng). Bắt người tài sắc buộc trong chuồn trời. Bao giờ tài sắc có lời. Thì ta lại cỡi *khuôn trời* cho ra) (1).

Tình-duyên vốn do trời định, nên gọi là *khuôn duyên* là đúng lắm. Ngoài BC 248, 359, ta còn thấy chữ ấy trong HT 759 (Khuôn duyên trộm nghĩ linh đời, Dãy-dun báo nước hương trời sánh nhau) 1511 (Mấy duyên nghĩ đã vào khuôn. Toan nài chỉ thăm cho tròn tuổi xanh. Nếu chữa *khuôn ra khung* thì lạc văn), 1788 (Vẹn-tròn bên nghĩa bên tình. Khuôn duyên kia đã chiều mình là hay). Cũng trong ý này mà thi-nhân dùng *vành* và *vòng*, trở chung Trời, hoặc bầu trời-đất, và trở riêng chuyện tình mà không ai thoát khỏi (cf. BC 2, 207-208, 333-334 430, HT 1520, 1782, *Kiểu* 3172, *Mai-đình* 2). Vì cái quan-niệm như vậy về trời đất mà có những *khuôn thiêng*, *khuôn xanh*.

Tóm lại *khuôn* hay *khung* đều đúng cả. Bản nôm ở BC 248 và 359 đã chép *khuôn duyên* thì ta cứ phiên âm như vậy, chẳng cần chữa ra *nhân duyên* (vả chữ *nhân* có bộ nữ bâng, chứ không giống hẳn chữ nôm đọc *khuôn*). Thoại *khung* của Hoàng quân (BC 624) có thể là có điển trong chữ Hán. Nhưng tôi phải thú thật rằng tôi chưa hề thấy xuất-hiện trong thơ văn nôm.

c) Bỏ chính chú-giải điển-cổ

BC 69: Lững lờ *chiếc lá duềnh* Nhâm ông giải nghĩa xuôi rất đúng là «Tú Uyên không nghĩ gì đến chuyện nhân-duyên; đối với con gái, chàng vốn thờ-ơ...». Nhưng ông chưa tìm đúng điển nên tưởng rằng chữ *lá* là trở «chiếc

thuyền lẻ-loi trôi một cách vô-định»; trong Tự-vị, ông lại dặn ta chớ làm điển dùng ở đây với điển *lá thắm*. Các bản BC khác cũng làm như ông, hoặc bỏ qua, không chú-giải.

Thật ra, *lá* ở đây là chiếc lá ngô-đồng, gốc điển có từ đời nào thì tôi chưa biết, đây xin dẫn «thoại» kể trong *Tình-sử* của Phùng Mộng Long, theo bản dịch của Phan Mạnh Danh (2):

«(Danh-sĩ Hầu Kế-đồ) một hôm gió thu hiu-hắt, tựa câu-lan trên lầu chùa Đại-từ, bỗng thấy một lá ngô-đồng rơi xuống, Hầu-công cầm lấy xem thì thấy một bài thơ viết trên cái lá ấy.

Sáu bảy năm sau công lấy một người họ Nhâm làm vợ. Lúc nhàn-hạ, công đem bài thơ ấy ngâm chơi. Nhâm-thị lấy làm kinh sợ mà rằng: «Bài thơ ấy là của thiếp, sao lại ở tay chàng?», Hầu-công nói: «Trước ta đứng trên gác chùa Đại-từ thấy gió đưa đến». Thế mới biết vợ chồng là *duyên-số*».

Xem vậy ta thấy rằng. trái với ý của o.HXH, điển này khá giống điển *lá thắm* cả hai đều kể một chuyện kì-ngộ liên-quan đến một chiếc lá *đề thơ* chính vì vậy mà đã gây ra đồng-hóa (contaminati-on) trong óc thi-nhân ta; nhân *chiếc lá hữu-tình* ấy mà kéo thêm ý *duềnh* là ý vốn không có trong điển Nhâm-thị nhưng lại có trong điển Vu-Hựu.

(1) *Tục-ngữ phong-dao* II, 211-212.

(2) *Cổ thi trích-dịch*, Hanoi 1953, Thanh-hoa thư-xã, trang 139.

Cũng nhân sự dùng điển như thế, ta có thêm một chứng (như đã thấy ở chữ *cánh mdy*) đề nghị rằng BC nôm là do ngòi bút của người trong nhóm Hồng-Sơn, ngoài BC 69, tôi mới chỉ thấy *duềnh Nhâm* xuất-hiện trong HT 326 mà thôi : «Lá ngô mau-mác duềnh Nhâm dập-dềnh» (1). Phải chăng tác giả BC nôm đã mượn thẳng điển ở HT ? (2).

— BC 105 : «Đưa tình một lét sóng dào», ông giải rất đúng là trở «ánh mắt lấp loáng trong khi liếc». Nhưng *dào* là gì thì, trong hiệu-chú và Tự-vị, lời giải của ông tuy xảo-biến nhưng chưa đúng.

Đào đây phải viết hoa, vì nguyên là tên họ một mi-nữ có sóng mắt đẹp. Chương *Nữ tử* trong *Ấu-học* có câu tóm điển và tự-chú-giải như sau : *Hoàn nhạ Đào Diệp nữ, hoành-ba nhân tối hảo* nghĩa là «lại lấy làm lạ về nàng Đào Diệp mắt liếc trông tuyệt đẹp» (3). Nguyên-chú nói : «Thiếp của Vương Hiến Chi (: con thứ của Hi Chi : em Huy Chi) tên là Đào Diệp. Hiến Chi có tặng bài ca, có câu : «Lá đào lại lá đào, qua đò chẳng cần chèo», ý nói *sóng mắt đưa nhanh*» (4). Tra thêm các điều *Đào-Diệp* và *Đào-Diệp ca* trong *Từ-hải* thì thấy quả đúng như chép trong *Ấu-học* : xưa có mi-nữ họ Đào thật. Cứ theo mấy chữ *hoành ba nhân tối hảo*, ta hiểu rằng cô ta có cái sóng mắt đẹp; do đó mà thi-nhân gọi cái liếc mắt của bất-cứ mi-nhân nào là sóng Đào điển *nhấn cá* (BC 253), phần Tự-vị (trang 152) giải rằng đó là lấy «từ điển Cát Nguyên nhờ cá đem thư đến thần Hà bá». Đúng, lắm tuy có chút lăm về tên người : người ấy họ Cát tên *Huyền* một đạo sĩ nước Ngô đời Tam quốc, nổi

tiếng đặc đạo trường sinh. Các sách in trước đời Thanh, khi kể truyện Cát Huyền trong đó có tích nhân cá đưa thư đều viết chữ *Huyền* 玄, tỉ như truyện trong *Thần tiên truyện* của Cát Hồng và *Nhữ nam tiên hiền truyện* của Chu Phi :

Đời Thanh, vua Thánh tổ (Khang Hi 1662-1722) có tên húy là *Huyền Việp*, khiến các sách quan bản cổ lệ kiêng : khắc chữ *huyền* thiếu một nét, hoặc đổi ra chữ *Nguyên* (âm gần, nghĩa gần) (5). Ý hân ô.HXH đã tra điển Cát Huyền trong sách in đời Thanh, chẳng hạn trong sách *Vận phủ* (sơ ấn : 1711), nên mới làm theo thoại húy của họ.

— Tăng Nhụ (cf. trang 107, chú 36) : đó là Nguru Tăng Nhụ, người đời Đường,

(1) các bản chú-thích HT đều không hiểu đúng điển, giải sai hoặc bỏ hẳn không chua gì cả. Chỉ có bản Dương Quảng Hàm (đăng ở trong *Giáo-dục tân-san* năm 1946) là giải chính-xác. Bản Lại Ngọc Cang gần đây giải đúng hình như chính là nhờ có tham-khảo bản DQH.

(2) Có thể mượn từ nguyên-tác của Nguyễn Huy Tự, chứ không cần xuyên qua HT nhuận-chính của Nguyễn Thiện. Câu này có y-nguyên trong thoại nguyên-tác (vẽ 336) phụ-lục ở bản Lại Ngọc Cang, trang 273.

(Phụ-chú) : Xét ra, ý-kiến của tôi không đúng hẳn. Trong *Cung-oán*, vẽ 319 đã có : «*Duềnh Nhâm một dải nông nông*» (mà các nhà chú-thích đều thất-giải điển-cổ).

(3) tôi dịch *hoành ba nhân* là «*mắt liếc*» là theo lời giải ở điều *hoành ba* trong *Từ hải* : «*trò mắt nhìn chệch như sóng nước đưa ngược*» (ngôn mục là thị, do thủy-ba chi hoành lưu).

(4) nàng họ Đào tên Diệp, tôi giữ lối chơi chữ của họ Vương, nên dịch.

(5) *Sử-húy cử-lệ* của Trần Văn, Bắc-Kinh 1938, trang 169.

có gặp tiên, sau tự mình kể truyện kì ngộ ấy trong bài *Chu tần hành kỉ* nay còn nguyên vẹn (1), Đọc toàn văn, không thấy Nguru có «lộ chuyện» gì cả như Hoàng quân đã phỏng đoán: Nguru chỉ làm thơ xướng họa với các tiên. Trong sách *Mạn lục* cũng có nhắc đến sự tích này hai lần: đặc-biệt là trong truyện *Tây viên kì ngộ*: «Từ đấy hai nàng sớm lại tối đi, ngày nào cũng vậy. Hà Sinh tự cho mình bình sinh được kì ngộ chưa dễ có ai hơn, có thể sánh ngang Bùi Hàng và hơn hẳn Nguru Tảng Nhụ».

— Chuyện chàng Thâm (tr. 111, chu 50).

Xét điển *đài Tần* tức là Phượng đài do Tần Mục công sai làm để cho con gái mình là Lộng ngọc ở chung với Tiêu sử cũng ở đó mà một hôm hai người này cỡi phượng bay lên cỡi tiên—thì biết chắc rằng Thâm đây là Thâm Á Chi. Tương truyền Á Chi có lần nằm mộng, mơ thấy được Mục công đem Lộng Ngọc khi — ấy — đã góa chồng — gả cho mình.

Kì ngộ này chỉ là duyên trong mộng cho nên thơ trong truyện TK mới nói rằng một đêm hợp hoan của Tú Uyên là «vui hơn chàng Thâm khi chơi đài Tần» (nguyên văn: Tần đài lậu Thâm nhi).

Chuyện Thâm Á Chi cưỡi Lộng ngọc, nay còn thấy chép trọn vẹn trong *Thái bình quang kí quyển* 282 (2). Ở nước ta truyện *Kim thoa thi thoại* trong tập *Mạn lục* có chép câu thơ (Như hà hậu nhật Tần-đài mộng - Bất kiến Tiêu-lang, kiến Thâm-lang) và có nguyên-chú nhắc vấn tất sự tích ấy (cf. bản dịch của Trúc Khê trang 250).

d) *Thượng-xác về cách hiểu ngữ-khí từ-pháp và văn-pháp.*

— BC 63 mà bản HXH viết: «Giắt ngang lưng, túi phong tao» (đề ý: chỗ đặt dấu phẩy ngắt hơi ở giữa vế), và giải như sau: «các bản đều khắc *giắt nghiêng*; tuy ý nghiêng có thể trở rằng túi phong-tao nặng, nhưng nó không ăn với tiếng giắt, giắt nghĩa là chêm vào giữa hai vật. Cái túi buộc vào dây thắt lưng, tức là giắt ngang lưng».

Ở BC 276, ta cũng thấy ông chưa tìm nghĩa *giắt* là «nhét vật mỏng hay mềm vào chỗ rất hẹp». Giải như vậy thật là tinh tế, nhưng chỉ hợp với loại văn thực tả thiết thực như trong câu ca dao: «*Ngang lưng thì giắt bao vàng / Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài...*». Còn ở đây thì văn hư tả, vi von rất giống *Kiểu 137*: *Đề-huề lưng túi gió trắng*: *lưng túi phong-tao* là nửa túi phong-tao, *lưng túi gió-trắng* là nửa túi gió-trắng (lấy từ chữ Hán *bán nang phong nguyệt*).

Lưng là nửa, như trong «Thơ một túi, gieo vắn Đỗ Li / Rượu lưng bầu rót chén Lưu Linh» (thơ Nguyễn Công Trứ, theo bản Lê Thước (3) tr.100), «Được thua hơn kém: lưng bầu rượu» (thơ Nguyễn Khuyến), «*Thơ lưng lưng túi, rượu vui-vui bầu*» (BC 75).

Giắt chỉ nên hiểu giản-dị là «mang theo, đem theo», «giống như *đề-huề* trong

(1) có bản in trong *Tùng-thư tập-thành* tập 2733.

(2) cf. tái-bản năm 1961 của Trung-hoa thư-cục, tập 6, trang 2248-2250.

(3) Hanoi 1958, nhà x.b. Văn-hóa.

Kiều 137. Chữ *ngiên* của các bản nôm BC thật đúng ngữ-khí : thật ra cả về có cái khí nhất-quán, không nên ngắt hơi ở chỗ nào cả, nhất là không thể ngắt ở sau chữ *lưng*. *Ngiên* chứ không phải *ngang* : ở đây tả người tài-hoa có cái phong-lưu phóng túng. lúc nào cũng *ngắt-ngường lưng-chùng* Tỉ như trong BC 454 (Dốc chung Li Bạch, *ngiên* bầu Lưu-Linh), hoặc như « Lắc đầy phong-nguyệt lưng bầu rượu / Giắt lỏng giang-hồ nửa túi thơ » (thơ mới phát-hiện (1) của Hồ Xuân Hương), « Mỡ túi giang-sơn cò một cuộc / *Ngiên* bầu phong-nguyệt, rượu ba chung » (thơ Nguyễn Công Trứ. idem, trang 208), « Giắt lỏng giang-sơn vào nửa túi / Rót *ngiên* phong-nguyệt cạn lưng bầu » (idem, trang 133).

Chính ô. HXH cũng không lạ gì lối nói « *lưng-chùng* » như vậy của cồ-nhân. Ta còn nhớ lời giải trong Tự-vị (trang 150 và 155) về cách dùng các tiếng *nửa* (*nửa song, nửa mái, riêng nửa*). Không hiểu sao đối với *ngiên* và *lưng* ông lại thất-giải như vậy ?

— *Giật tỉnh* hay *chợt tỉnh* ? (cf. BC 289 : Vội mừng *giật tỉnh* hồn hoa)

Hoàng-Quân chọn đọc *giật tỉnh*, cho rằng « tứ đây là *giật* mình tỉnh giấc ». Ông cũng dẫn *Kiều*. *Giật* mình thoát tỉnh giấc mai.

Xét về từ-pháp, thoại *giật tỉnh* là bất-loại ; tiếng đứng sau động-từ *giật* phải là một danh-từ, đúng như trong vế *Kiều* mà ông dẫn (*giật mình*) ; còn *tỉnh* thì không bỗng-tức được cho *giật* vì chính *tỉnh* cũng là một động-từ. Đứng trước

động từ *tỉnh* chỉ có một tiếng thuộc loại phó-từ mà thôi : như *thoắt tỉnh* (trong vế *Kiều* đã dẫn). Bởi vậy tôi đề-nghị đọc *chợt tỉnh*, từ-pháp giống như vế *Kiều 224* : « Nhà *huyền* *chợt tỉnh* hỏi con-cớ nào ».

Nhưng phải chăng Hoàng-Quân cũng cho rằng vế *Kiều* này phải đọc « Nhà *Huyền* *giật tỉnh*... » !

— BC 117 : Giọng *Kiều* nghe *rót* vào tai.

Tuy ông nhận rằng đọc *lọt* hay *suốt* cũng có nghĩa, nhưng ông chọn *rót* như trong tục-ngữ « lời ngọt như *rót* vào tai », cho rằng « hợp tứ hơn ».

Thật ra *rót* viết nôm với *hài-thanh tốt* có chẩm thủy, chứ không biết có ai dùng *hài-thanh luật* không ? Và ông không phân-tích thiệt-hơn giữa ba thoại *lọt, suốt, rót*, khiến ta chưa hiểu tại sao *rót* lại hợp với tứ hơn. Sự ông dẫn câu tục-ngữ nói trên tỏ rằng ông hiểu về BC 117 như có ẩn một âm-tỉ, nghĩa là có một tiếng *như* ngấm giữa hai tiếng *nghe* và *rót*.

Tôi đề-nghị đọc *lọt* vì theo tôi BC 117 là văn trực-tả chứ không vì-von gián-tiếp giống như *Quân-trung-đối* 159 : « Thoạt nghe nàng đã *lọt* tình » ; *lọt* tình là hiểu thấu hết cả sự-tình. Vậy *giọng* *Kiều* *nghe* *lọt* vào tai là « đã nghe thấu hết tất cả các lời nói của cô gái »

d) Một vài phân vân.

xống *Tương* (BC 96). Điều phân vân của tôi không là ở *xống* mà tôi công nhận

(1) trong tập *Lưu Hương* kí Cf. Trần Thanh Mại, *tạp-chỉ văn-học* (11-1964) trang 75.

là ông hiệu đính rất đúng. Phân vân là chữ Tương mà ông cho là 湘 có mạch bằng (nghĩa : « lụa màu vàng »), mạch viết nhanh thì rất giống chữ thủy (糸 → 纟 → 纟, do đó mà bị nhận lầm với chữ Tương 湘 là tên một con sông ; lầm này kéo thêm lầm *xống ra sông*

Về chữ *xống* tôi thì không cãi. Nhưng Tương đây là Tương nào ? lụa màu vàng hay tên sông ? Trong bài văn tả mi-nhân Đào Hàn-than (truyện Đào-thị nghiệp-oan, trong *Mạn lục*, bản in năm 1737, 11/22 a). có câu *Quần phao Tương thủy / tằng tằng*. phần nôm trong sách dịch là : « Bỏ quần trong (: trong treo) như nước sông Tương đời lần », nguyên chú nói : « Tương thủy là nước sông Tương, trong treo từ trên tới đáy », lại dẫn hai câu trong bài *Sở Vu sơn mi nhân thi* : *Quần phao lục bức Tiêu Tương thủy. Mấn ứng Vu sơn nhất đoạn vân* (« Quần ném sáu chiếc, trong như nước Tiêu Tương. Tóc mai vén chặt, quần như mây non Vu »).

— BC 666 : Ba nghìn chín vạn cỡi ngoài trường sinh.

Phải chăng đó là vì niêm luật bằng trắc nên có đảo vị ? Đảo từ *bà vạn chín nghìn*, một con số suýt soát với *ba vạn sáu nghìn*, nghĩa là trăm năm, trăm năm là đời người trong cõi trần tục. Ở về này, trở riêng đời Tú Uyên, từ khi đắc đạo thì thân thể chàng « tiêu dao trong thánng ngày trời », sống ở cõi trường sinh mà người trần gọi là *cõi ngoài*.

Trước khi ngừng bút

Tôi còn định viết thêm một mục nữa.

lượt kê gần ba chục lỗi in chưa thấy cải chính trong tờ giấy in kèm theo bản BC HXH. Nhưng bài này dài quá rồi, vừa khô khan, nếu tăng thêm phần đuôi vô vị ấy thì độc giả chắc phải nhức đầu lắm. BC là một truyện thơ êm dịu, vậy mà bài điềm sách này chẳng mát mẻ được tí nào. Lí do là từ sau khi nàng tiên BC nhập thế, trải qua hơn một thế kỉ, bộ mặt nên thơ của cô đã bị nhiều bàn tay bất thông mó vào làm sứt mẻ cả ; muốn khôi phục cái tươi dịu nguyên sơ thì phải có (và may thay : đã có) bàn tay cao diệu của Hoàng quân. Công việc *khử ngoa bỏ khuyết* của ông không đơn giản ; chính văn giới hình như cũng chưa hiểu nó cho lắm. Bởi vậy mà kẻ điềm sách phải chặt vật, vừa giới thiệu, vừa biện luận, vừa bỏ chính, quanh co lằng nhằng. Nhưng có vậy mới bỏ cái công của người hiệu đính.

Từ nay chúng ta đã có đủ dễ dàng để tìm đến « người ngọc trong sách ». Nói riêng về Hoàng quân thì cuốn BC này cũng lộ cho ta thấy vài nét tâm tình và nghệ thuật của ông. Trước hết là bài *Tựa duyên dáng*, rồi đến phần bình giá văn chương, phần dịch nguyên tác TK, nhất là dịch các bài thơ và từ khúc ; bên cạnh cái chín chắn nghiêm nghị của con người khoa học, ta thấy hiện ra một nhà thơ có tài, một nghệ sĩ tế nhị. Ông thật là xứng đáng với cái nên thơ của đề tài.

T.T.H.

CẢ TÍNH ĐỊA PHƯƠNG

VÕ PHIỄN

Đối với cuộc sống, mỗi nhà triết học có một quan niệm khác nhau ; đề thề hiện nó, mỗi nghệ sĩ có một nghệ thuật khác nhau. Cùng đối với một cuộc sống ấy, tại sao có nhiều thái độ suy tưởng và cảm xúc khác nhau vậy ?

Trong các ký do qui định thái độ của một người, có kẻ cho rằng quan trọng hơn hết là lý do thuộc về kinh tế. Trong thời kỳ sinh sống bằng nông nghiệp, người ta quan niệm về cuộc đời khác thời kỳ mà kỹ-nghệ đã phát triển. Và cùng trong một thời kỳ thì có hạng nắm giữ các phương tiện sản xuất, có hạng không được nắm giữ, hạng này đối với cuộc đời có cái nhìn khác hạng kia.

« Platon duy tâm hả ? ông ta tưởng tượng ra cái thế giới của những Ý niệm thuần túy ? Có gì đâu, ở Hy Lạp hồi đó đã có những thành thị mà công nghiệp và thương mại phát đạt cực thịnh ; đối với hạng thị dân trưởng giả như Platon thì mỗi sản vật, trong sự mua

bán chỉ có ý nghĩa là một giá tiền, mỗi vật thề đã bị lột hết đặt tính tự nhiên của nó, nó đã được coi như một ý niệm trừu tượng rồi mà. Quen với sự nhận định về các vật thề như vậy, làm sao Platon không có một triết thuyết duy tâm?

— Zénon hô hào khắc kỷ hả ? Đó là thái độ hợp lý nhất của giai cấp đại trưởng giả Hy Lạp lúc bấy giờ : họ phải khép mình công nhận uy quyền độc đoán đang bành trướng của vua Alexandre thì mới giữ được các quyền lợi kinh tế của họ. — Epicure lại rủ rê hưởng lạc ? Đó là vì ông này thuộc tầng lớp tiểu trưởng giả đang trụy lạc. — Khổng Tử hả ? Ông này là thuộc hạng phong kiến nhỏ, mong dùng lễ nghĩa tôn ti trật tự mà chế ngự các lực lượng công nghiệp và thương mại đang phát đạt ở xã hội Trung Hoa đương thời. — Còn Lão Tử ? Đây là hạng nông dân sống gần với trời đất cỏ cây, với thiên nhiên, cho nên muốn cá nhân đồng hóa với tự nhiên » v.v...

« Ông hãy nói cho tôi biết ông thuộc giai tầng nào trong xã hội, tôi sẽ cho ông hay ông cảm nghĩ ra sao » Quan niệm ấy từ lâu đã có một uy tín.

Nhưng thái độ của các triết gia, nghệ sĩ cũng được giải thích bằng những lý do khác. Chẳng hạn về chuyện Khổng Tử và Lão tử ta thường gặp ý kiến này. « So sánh Khổng tử với Lão tử ? Chuyện ấy nằm trong vấn đề đối chiếu hai cá tính miền Bắc và miền Nam của nước Tàu. » Rất nhiều nhà nghiên cứu về văn nghệ và học thuật Trung Hoa nghĩ như vậy. Ở xứ ta, từ trước đến nay chỉ có một cuốn sách khảo về văn học Trung quốc của ông Nguyễn Hiến-Lê, thì ông Nguyễn cũng tán đồng quan điểm ấy.

Trung quốc có hai con sông lớn : sông Dương tử ở phía Nam, sông Hoàng Hà ở phía bắc. Trên lưu vực mỗi con sông ấy, địa thế mỗi khác, khí hậu mỗi khác, và dân cư sống ở vùng lưu vực này có một cách thể suy nghĩ cảm xúc khác với dân cư sống ở vùng lưu vực kia. Phương Bắc giá rét thê lương, cây cỏ thưa thớt, phong cảnh tiêu điều, sản vật ít ỏi, mưa hiếm đất khô; con người ở đây sinh nhai vất vả, tính tình nghiêm khắc, có đầu óc thực tiễn, thiên về lý trí. Còn phương Nam thì đất đai phì nhiêu, khí hậu ôn hòa, cây cỏ tươi tốt, phong phú, phong cảnh lại đẹp đẽ, có núi cao hùng vĩ, có sông rạch uốn khúc; con người sống thanh nhàn, thiên về những tình cảm lãng mạn, ủy mị, huyền hoặc, vẩn vơ, xa thực tế.

Sự phân biệt ấy, trong sách *Trung dung* đã thấy nói tới. Và trong quá trình phát triển lâu dài của hơn hai nghìn năm văn học, hình như ở thời nào người ta cũng

tìm thấy được chứng cứ dị biệt giữa hai miền. Từ thuở xa xưa, *kinh Thi* miền Bắc đã khác với *Sở từ* miền Nam. Rồi về triết học Khổng tử, Mạnh tử, của miền Bắc thiết thực, Lão tử, Trang tử của miền Nam cao siêu bay bướm. Về hội họa, về điêu khắc : Nam tông thì có nét bút diễm lệ, mềm mại như của Vương Duy; Bắc tông thì nghiêm cần như Lý Tư. Cho đến tuồng chữ viết của hai miền cũng có đặc tính riêng : bút pháp của Vương hy Chi miền Nam không rắn rỏi như bút pháp của miền Bắc. Về âm nhạc, Nam khúc Bắc khúc không hợp nhau. Mãi tận đến đời Minh về sau này, các nét dị biệt vẫn chưa hoàn toàn dung hòa : tuồng ở phương Bắc thì thịnh về loại tạp kịch, tuồng ở phương Nam thì thịnh về loại truyền kỳ.

oOo

Ảnh hưởng của hoàn cảnh địa lý, của khí hậu đối với tính tình con người, cái đó ở một quốc gia rộng lớn như Trung Hoa thì thấy rõ, còn ở những nước nhỏ hẹp chắc chắn nó không rõ rệt bằng, tuy vậy ta vẫn nghe nói đến đây đó có những miền mà cá tính địa phương rất độc đáo : tính bần xỉn của người Ái nhĩ lan, nét huênh hoang nơi quê hương Tartarin, truyền thống cách mạng của dân Nghệ-Tĩnh Nam-Ngãi, tâm lý đa tình của gái Bắc Ninh, gái Huế v.v

Những nét cá tính ấy càng là về xưa có lẽ nó càng sâu đậm, cho nên mới có cái trường hợp tác giả *Đại Nam nhất thống chí* nêu đích danh những thôn xã nhỏ mà vạch tâm lý dân làng bằng cái giọng chắc nịch của một vị quan ở Quốc

sử quán vâng mệnh vua chép sách : «Chí như Bồng Sơn tặc Tân quan chi nữ hiếu dân Phù Mỹ tặc Ô Phi chi dân hiếu tụng» (đến như tại Bồng Sơn thì con gái Tân quan (1) thích dân dục, tại Phù Mỹ thì dân Ô Phi thích kiện tụng). Chết ! Tam quan với Ô Phi bất quá là hai làng tí teo, dân cư xưa kia được mấy lăm người, ảnh hưởng các cơ của núi sông nào tụ về đây, người ở đây họ đã làm gì quá quắt mà tiếng dữ đồn xa đến nỗi ấy ? Dầu sao, đó là chuyện ngày trước, chứ còn bây giờ từng địa phương nhỏ hẹp không thể còn giữ bản sắc đậm đà ấy nữa. Bây giờ, nhờ phương tiện giao thông phát triển, người tứ xứ gặp nhau hằng ngày, phong tục các địa phương dung hòa với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, sắc thái riêng của từng miền, từng vùng, lần lần bị xóa nhòa đi. Một ngày kia, người cả nước sẽ như trong một nhà, sẽ không còn miền nào buồn chú ý đến điểm cá biệt của miền nào nữa.

Và bởi vì các nét đặc tính địa phương đang có xu hướng mất dần đi, cho nên nếu có dịp tưởng nên tìm hiểu về nó trước khi nó phai nhòa mất, tìm hiểu để giúp thêm vào sự tìm hiểu về các tác phẩm văn nghệ, về thái độ của các nhân vật lịch sử, về cách phản ứng riêng của quần chúng mỗi địa phương qua các giai đoạn lịch sử.

Đi từ vĩ tuyến 17 vào vào mũi Cà mau, người ta dễ ý thấy từ tỉnh này sang tỉnh khác ở ngoài Trung giọng nói của dân chúng khác nhau nhiều hơn là ở trong Nam. Trong này, người sinh trưởng ở Biên hòa và người Long xuyên Rạch giá chẳng hạn, cùng nói chuyện,

giọng nói nghe không có chỗ khác nhau rõ rệt. Trái lại, ngoài kia, người Huế phát âm khác hẳn người Phú yên, người Phú yên khác hẳn người Quảng trị v.v. . .

Và theo chỗ nhận xét riêng, tôi thấy rằng giữa giọng nói, giọng hát, với tâm lý của người ta vẫn có những mối tương quan. Tiếng nói của người ta phát ra, cũng như bao nhiêu hình thức biểu hiện khác : cử chỉ, tuồng chữ viết, nét mặt, vóc người v.v ... đều tiết lộ ít nhiều về tâm hồn người ta. Bởi vậy, chỉ riêng sự khác biệt dễ nhận thấy nhất là sự khác biệt về giọng nói, nó cũng cho ta ước đoán về một vài nét tâm lý riêng của địa phương.

Ai có dịp sống bên cạnh một gia đình người Huế, đêm đêm nghe giọng hát của người đàn bà ru con, nghe những tiếng ngân kéo dài, dài mãi, dài thăm thẳm, kéo dài và nhỏ dần như mất hút, rồi đến tận cùng sự chờ đợi của người nghe bỗng dưng bất ngờ xuất hiện lại, ai có dịp thưởng thức giọng hát ấy rồi nghĩ đến các điệu hò điệu hát ở Quảng Ngãi tất sẽ ngỡ vì sự cách biệt. Nguyên cái giọng nói của người Huế đã trầm bổng dịu dàng hơn hết ở mọi vùng miền Trung. Thứ giọng nói khiến ta nghĩ đến một thái độ giao tế mềm mỏng, khéo léo, một nếp sống đài các. Thứ giọng nói thích hợp với những buổi tiếp tân trong gia đình, với các câu thù tạc, các chuyện tâm tình trong vòng những cuộc tiếp xúc nhỏ hẹp, thứ giọng nói không thể hùng hồn. Không, giọng Huế không phải là thứ

(1) Bây giờ gọi là Tam quan.

giọng nói của sinh hoạt tập thể, công cộng, đông đảo : giữa một hội trường lớn, giữa một cuộc mít-tinh, bên cạnh những giọng nói rần rỏi của miền Nam Ngãi, giọng nói dững mãnh rang rang của người Bắc, thì tiếng Huế cất lên nghe yếu ớt làm sao !

Các điệu hát ở Huế càng làm nổi bật các sở trường của giọng nói. Hát ru con cũng như hò mái nhì, mái dầy, đầu đầu cũng một vẻ khoan thai, lững đững, chùng chình. Nghi đến giòng sông lờ đờ không chịu chảy ở đây chẳng ? nghi đến những mùa mưa dài bất tận, làm ê ẩm cả tâm hồn ở đây chẳng ? Toàn là những hình ảnh sáo cả. Tuy nhiên, giữa người ấy, cảnh ấy, nếp sống ấy chắc hẳn có sự liên hệ. Vốn sinh trưởng ở cách xa Huế trên năm trăm cây số về phía Nam, lúc mới đến ở Huế, gặp mùa mưa ở đây, trời ơi, tôi sốt ruột ! Cũng như thế, nghe điệu hát Huế lần đầu, tôi bỡ ngỡ lạ lùng ; và sau này được nghe đi nghe lại mãi, lắm lúc tôi vẫn không khỏi bàng hoàng trước cái tiếng ngân dài vút thẳm như đi sâu hun hút vào một nỗi buồn cô đơn quanh quẽ. Trong đêm khuya, người nghe hát không thể không thức mắc suy nghĩ về những nỗi u ầu, về cái đời sống tình cảm thâm trầm lạ kỳ của người đàn bà địa phương; bởi lẽ người hát nếu không có tình cảm phong phú thì lấy gì gửi gắm vào những tiếng ngân nga dài dòng đến bậc ấy ? Tiếng nói, khi chỉ nhằm mục đích thiết thực là diễn đạt ý tưởng, thì cốt ngắn gọn. Lối phát âm trong trường hợp ngôn ngữ dùng « tải đạo » tất phải giản đơn. Bởi thế những cái không cần thiết,

những cái phụ thuộc, thêm vào, mọi đưa đẩy, bông trầm, uốn éo, ngân nga, mọi phù phiếm ấy, đều không dùng để diễn ý mà là để « tải tình ». Làm quen với lối phát âm đa tình này ít lâu, nghi đến lối nói của địa phương sinh quán mình tự dưng tôi thấy nó gấp gáp lấu tấu, ngay tình, « chân phương » quá lẽ !

Vượt qua khỏi đèo Hải vân, đi quá vào phía Nam một chút, người ta nhận thấy cái tình tứ kín đáo ấy biến mất. Tại đây bỗng gặp một giọng nói oang oang oai dững. Tiếng Quảng và tiếng Huế có nhiều thờ ngữ giống nhau, như răng, chừ, rừa, ri, mô, tê, nớ v.v... ; nhưng cách phát âm thì khác hẳn nhau. Riêng giọng Quảng Ngãi lại càng là xằng xớm, mạnh mẽ, như quật tháo. Phải chăng vì vậy mà Quảng Nam thường sản xuất ra những ý chí quật cường, và mỗi phong trào cách mạng thường gặp Quảng Ngãi một biểu lộ quá khích ? Dầu sao, tiếng Quảng không phải là thứ tiếng thích hợp với những cuộc đàm đạo tỉ tê, nhỏ nhẹ ; nó sở trường trong các cuộc tranh luận, nó diễn tả đặc lực những cơn phẫn nộ sôi nổi.

Lại qua khỏi một ngọn đèo Bình đê, không biết vì sao tự dưng giọng nói của người Việt nam liền mất đi cái vang âm chất chứa dữ dội ấy.

Cứ thế, giọng nói ở ngoài miền Trung đổi khác không những từ tỉnh nọ sang tỉnh kia, mà lắm khi còn từ quận này tới quận khác. Kể thông thạo không thể nào lẫn lộn được giọng nói của một người ở Tam quan với một người ở Tuy

phước chẳng hạn, tuy cả hai nơi cùng thuộc một tỉnh Bình định.

Tôi không biết ở ngoài Bắc thì ra sao, chứ ở miền nam này không có cái tình trạng ấy.

Nguyên nhân có lẽ là vì ở miền nam nhờ có nhiều sông ngòi, kênh, rạch, sự đi lại sớm được dễ dàng và ít tốn kém, dân cư các vùng thường gặp nhau, cho nên cuộc sống sớm chan hòa với nhau. Đọc tiểu thuyết miền nam, thường gặp những đoạn nói đến ghe thương hồ ngang dọc trên sông, những đoạn tả cảnh buôn bán tấp nập: dựa Hà tiên, măng cụt Lái thiêu, bưởi Biên hòa... mỗi mùa mỗi vùng mỗi sản phẩm, chở đi bán khắp xứ, có những dịp ghe thuyền tụ tập san sát ở một bến người chen nhau mua bán, làm quen, bắt tình, lại có những dịp tam bản lính đình xuôi ngược trên sông, gặp nhau theo nhau trao đổi những câu hò câu hát suốt các quãng đường dài... Như vậy, trai Biên hòa, Châu đốc, gái Long xuyên Cần thơ không cảm thấy có gì chia cách.

Ở ngoài trung, trước đây, không hề được như thế. Tỉnh này thường cách tỉnh kia một cái đèo. Và một cái đèo, một cái truông thuở trước là cả một trở lực ghê gớm. Trong bài *Sinh tế Trường lưu nhi nữ* của Nguyễn Du ta thấy khi nhắc đến chuyện tình ái hồi thiếu thời, thi sĩ đã có những kỷ niệm ai oán về cái truông. Trong ca dao, người bình dân thường thường cũng than vãn về cái nạn truông đèo; nổi tiếng nhất có lẽ là câu: «Thương em anh cũng muốn vô Sợ truông nhà Hồ.»

Ở trong Nam này, có một câu hát ân tình tuyệt đẹp:

« Ai về Giồng Dứa qua truông,

Gió run bông sậy đề buồn cho em. »

Tôi không được biết cái truông ở chỗ Giồng Dứa ấy nó thế nào, nhưng rõ ràng nó đã làm khổ người con gái rất sâu xa. Những kẻ có dịp buồn vì một chút « gió run bông sậy » ấy sẽ thông cảm dễ dàng với nỗi lòng người dân miều Trung ngày xưa. Ba mươi năm trước, ở Bình Định chẳng hạn, nếu thỉnh thoảng có người con trai mạo hiểm hoặc người con gái buồn chuyện gia đình mà bỏ làng vượt đèo Cù Mông «phiêu lưu» vào tỉnh Phú Yên (ở sát cạnh phía nam) hoặc vượt đèo Mang giang «phiêu lưu» lên Pleiku, Kontum (sát cạnh phía Tây) thì là đối với bà con người ấy coi như là đã đi «hoang», đã đi vào chỗ mịt mù, đã mất tông mất tích rồi.

Như vậy bảo sao tại đây mỗi vùng không có một bản sắc địa phương sâu đậm?

* *

Nhưng nói đến bản sắc địa phương, tôi thường bị hấp dẫn hơn cả về cái bản sắc của miền Nam — của toàn bộ miền Nam, bởi vì địa thế trong này không bị chia cắt thành nhiều vùng nhỏ cô lập. Miền nam mới gia nhập sau cùng vào gia đình Việt nam, chưa kịp phô bày đầy đủ các đặc điểm của mình, sách biên khảo về miền này còn ít, tác giả thể hiện cuộc sống của miền này cũng chưa nhiều, cho nên mỗi khi tìm hiểu được điều gì về miền nam ta có cái thú khám phá. Lời văn trong

các sách giáo khoa lớp năm lớp tư ta học hồi nhỏ đều là viết theo cách nói ngoài bắc; cảnh trí nhân vật được trình bày trong đó phần lớn đều là của ngoài bắc; lớn lên một chút, lên bậc trung học, những tác phẩm văn chương được trích giảng cho nghe, được đưa ra cho suy cứu, hầu hết cũng là của ngoài bắc; cho nên ta được nghe nói quá nhiều về tâm lý của người, nét đẹp của cảnh, phong tục tập quán, lai lịch anh hùng, di tích lịch sử của miền bắc. Và sau đó là đến miền trung. Nghe nhiều quá rồi cho nên khó có chỗ để cho ta chen thêm lời vào.

Còn về miền nam... Từ thời kháng chiến, có câu thơ nói về Đồng Tháp Mười «muỗi kêu như sáo thổi, đũa lội như bánh canh» được nhắc nhở rất nhiều. Giá trị nghệ thuật của câu đó, nếu có, cũng không thể có bao lăm. Nhưng tôi chắc nó được chú ý là vì nó giới thiệu một khung cảnh hãy còn xa lạ đối với phần đông người trong nước. Như vậy đủ rõ mối tò mò bỡ ngỡ của dân tộc đối với miền Nam.

Gần đây, đọc truyện của các nhà văn lớp trẻ sinh trưởng ở các vùng quê miền nam, tôi nhiều lần say mê không những trước những cảnh trí, nếp sống khác lạ tả trong sách mà còn vì cái giọng viết rất đột ngột, và nhất là vì những chỗ đối thoại thật «mê toi». Những lời lẽ ấy, cái ngôn ngữ ấy, rõ ràng là của chỗ quê hương, mình vừa cảm thấy nó rất gần gũi với cuộc sống Việt nam, mà vừa cảm thấy một nét độc đáo tinh khôi. Nó như mở ra trước mắt mình một

khía cạnh mới của tâm hồn Việt nam, từ trước không ngờ đến.

Tâm lý của một nhân vật tiểu thuyết thành công, tâm hồn của một cá nhân đã là một cái gì rất phức tạp rồi, huống chi của cả một dân tộc. Và chính bởi nó phức tạp rắc rối như thế cho nên mới có cái thú viết tiểu thuyết, cái thú phân tích con người, có cái thú cố gắng tìm hiểu về tâm hồn mệnh mông của dân tộc.

Một hôm, tại một báo quán, nhiều người đang nói chuyện, bỗng có kẻ đề cập đến thi sĩ Đông Hồ, rồi tới vấn đề ngâm thơ. Một học giả tuổi tác, người miền nam, cười bảo: ngâm thơ thì phải giọng bắc, còn ở trong nam, dù là thi sĩ cũng không ngâm được đâu.

Kiểm điểm lại các giọng ngâm thơ xuất sắc trên làn sóng điện phát thanh thì quả có thể thật. Tại sao lạ vậy? Người nam giọng rất hay, có nhiều nam nữ ca sĩ nổi tiếng. Có cả những kẻ như bà Mộng Trung, như ông Trần Văn Trạch, có biệt tài trình bày hầu hết các điệu cả bắc lẫn nam; ca sĩ người bắc, mấy ai được như vậy? Có thể nào hát đủ hết mọi điệu được mà lại không ngâm thơ được?

Vị học giả nọ lại cười, và cắt nghĩa. Người trong nam này lai nhiều lắm; đã đành không có chủng tộc nào là thuần túy, ngay từ tiên chúng ta ở ngoài bắc cũng pha trộn đôi ba giòng máu, nhưng càng tiến về phương nam càng gặp nhiều giống người chiếm lãnh đất đai này từ trước, càng có nhiều sự chung

đụng với họ và càng pha trộn nhiều thêm. Bởi trong giòng máu của mình đã có sự hòa hợp rộng rãi ấy, cho nên người nam tiếp nhận dễ dàng tư tưởng của người, sử dụng dễ dàng cái ngôn ngữ của người, bắt chước dễ dàng các điệu hát của người... Người trung người bắc không theo kịp người trong này về các phương diện đó đâu, nhưng còn tự mình phát ra một điệu ngâm riêng, cái đó lại là chuyện khác...

Tại sao ngâm thơ không được? chỗ đó vẫn chưa được giải thích minh bạch. Nhưng về các điệu khác thì sự nhận xét vừa rồi nghiệm ra hữu lý. Người miền nam chẳng những phát âm các điệu hát, nói các thứ tiếng của người rất giỏi, rất giống, mà còn thâm nhập rất nhanh chóng vào tinh thần các ngôn ngữ khác. Họ như có cái năng khiếu đặc biệt về ngoại ngữ. Nước ta xưa nay không thiếu gì những bậc thông minh học rộng nhớ nhiều, nhưng về trường hợp học ngoại ngữ được nhanh thường nghe nhắc nhở vẫn là trường hợp học giả Trương Vĩnh Ký. Mấy năm trước đây, ông Nguyễn Hiến Lê giới thiệu một tác phẩm của Phạm công Thiện cũng khen ngợi sự thông hiểu ngoại ngữ của tác giả này ngay từ hồi tuổi còn rất nhỏ.

Ngày nay, đối với chúng ta, cái bến tàu lớn nhất trong nước là ở Sài Gòn, miền nam. Thành phần có khả năng thích ứng tài tình nhất, có khả năng tiếp nhận, thấu thái mau mắn nhất, thành phần cởi mở bén nhạy nhất của dân tộc lại được đặt sống ở ngay tại ngưỡng cửa quốc gia, đầu tiên trực tiếp với mọi sản vật, nhân vật tư tưởng, nghệ thuật .v.v

từ các xứ tràn đến; như vậy thật là xứng hợp. Điều ngẫu nhiên ấy thành ra may mắn.

*
*

Lại hôm khác, nhân đọc tờ *Liên Minh* số 3, thấy trong bức thư của ông Hồ Hữu Tường gửi cho ông Hồ Chí Minh có câu: "Cụ chớ ngần ngại gì mà chẳng áp dụng "chủ nghĩa xét lại" để nói chuyện với quần chúng trong Nam là một khối quần chúng đượm nồng ảnh hưởng tôn giáo: hoặc phật giáo, hoặc hòa hảo, hoặc cao đài, hoặc thiên chúa. "

Cũng là một nhận xét ngộ nghĩnh về miền nam nữa, cũng lại do một học giả miền nam nữa.

Đọc qua ý kiến ấy, tôi sực thấy mình vô tình quá. Tại sao lâu nay vào sống ở miền Nam, chứng kiến bao nhiêu là chuyện xảy ra trước mắt, mà có thể không đề ý đến cái đặc điểm ấy? Tôn giáo đóng vai tuồng hết sức quan trọng trong cuộc sinh hoạt ở miền đất này, điều đó sờ sờ trước mắt. Dân tộc chúng ta đến ở ngoài bắc ngoài trung, cho đến nay suốt cả khoảng lịch sử dài hai ngàn năm dằng dặc nào có phát sinh ra được một thứ tôn giáo nào riêng đâu.. Đa số là thờ phụng tổ tiên, lớp học thứ theo nho, theo lão, rồi đạo Phật được truyền sang ta cũng theo, rồi đạo thiên chúa được người Tây giới thiệu, ta hưởng ứng. Thế thôi. Tự mình, người Việt nam ngoài trung và bắc chưa xứng lên được một tôn giáo nào. Ở trong nam thì không thể.

Ở trong nam, trái lại, từ hồi chúng ta vào đây lập nghiệp đến nay bất quá đôi ba trăm năm, thế mà đã có mấy thứ

tôn giáo ra đời : đạo Hòa hảo, đạo Cao đài. Ấy là không kể rải rác đó đây còn những tu sĩ có hẳn một đường lối riêng, chẳng hạn như ông Đạo Dừa, đạo Ót, đạo Liếm v.v.. (trong đó lắm ông có trình độ học thức hẳn hoi). Ngay như ông Hồ hữu Tường, ông cũng có một năng khiếu tiên tri: chưa từng thấy có một học giả nào ngoài trung và bắc thường có những «thị-kiến» như ông. Một hiện tượng như vậy hẳn không phải là một điều tình cờ.

Và lại sự xuất hiện một tôn giáo mới ở đây không phải chỉ là kết quả suy cứu của một vài khối óc tách rời khỏi quần chúng, một vài cá nhân tẻ tẻ. Tôn giáo như thế này sinh ra là để trả lời một đòi hỏi của khối người đông đảo; bởi vậy sự truyền bá các đạo mới, như Cao đài, hòa hảo ở trong Nam không có vẻ gì là khó khăn. Đạo phát triển rất nhanh, rất mạnh tưởng như trong quần chúng đã có sẵn một tâm lý đón đợi, trong nếp sinh hoạt; đã có cái không khí chờ vị giáo chủ. Sấm vãng của Hòa hảo, gom góp lời đức thầy Huỳnh phú Sồ, tất cả bầy tập, mỗi tập dày bảy tám trăm trang; tập nào in ra cũng đến hàng triệu cuốn, trước sau tái bản cũng ba bốn trăm lần như thế: nghe qua thật phải hoăng vía, nhất là khi chúng ta biết rằng loại sách bán chạy nhất ở ta hiện nay in không quá năm ba nghìn cuốn, và ít mong tái bản.

Cũng ở trong nam này, tôn giáo có khả năng kết tập quần chúng vô địch, không có phong trào cách mạng nào không có đảng phái chính trị nào bằng. Trước đây, khi phải chống Pháp để giành độc lập, đạo Cao đài đã là một lực lượng làm cho thực dân lo ngại. Trong thời kỳ kháng

chiến, Hòa hảo đã làm khó khăn cho Cộng sản đến nỗi chúng phải thủ tiêu Huỳnh giáo chủ. Các nhà chính trị quốc gia thường nương cậy vào lực lượng tôn giáo để chống thực dân, rồi trong lúc đánh nhau với cộng sản đến lượt Pháp lại phải công nhận hiệu lực chiến đấu của các giáo phái vũ trang. Và mới rồi, biến cố ngày 1-11-1963, biến cố chính trị trọng đại nhất trong khoảng chín mươi năm nay, cũng lại do một nguyên nhân tôn giáo. Sau đó, trải qua gần hai năm xao động ở miền nam rồi cuộc người ta đành nhận rằng các đảng phái chính trị quốc gia đều bất lực, rồi cuộc huy động được những khối quần chúng lớn lao vẫn là tôn giáo, ảnh hưởng được các chính phủ vẫn là tôn giáo. Cho đến nỗi ngày nay, tại miền Nam mà bảo loại ảnh hưởng tôn giáo ra khỏi chính trị là điều không thực tế nữa. Tôn giáo ở đây không chỉ phối có chính trị mà thôi, nó còn chi phối mọi ngành sinh hoạt của xã hội.

Ở Âu châu, từ lâu rồi, tôn giáo đã hết làm động cơ của chiến tranh, của các tranh chấp lớn. Ở miền nam châu Á tình hình nhiều nơi không như thế. Nước Ấn độ mới đây đã có lần khốn đốn vì một sợi râu của đức Mahomed; tại Tây tạng hiện nay công cuộc giải phóng dân tộc khỏi nền đô hộ Trung Cộng chỉ còn trông cậy vào các vị giáo chủ. Trong không khí của một miền nam Á như thế, các phong trào tôn giáo ở miền nam Việt nam ta mấy năm rồi vẫn nổi bật, vẫn được dư luận thế giới chú ý.

*
*

Tại sao vậy? Tại sao người Việt nam

chúng ta ở vào khoảng miền trong này tự dưng có đặc điểm ấy ?

Vì kỹ thuật sản xuất, vì chế độ kinh tế chẳng ? Tôi không tìm được cách giải đáp nào theo đường lối đó.

Vì hình thế núi sông, vì khí hậu, cảnh vật chẳng ?— Không lẽ. Không có gì chứng tỏ rằng sống bên con sông Cửu long, uống nước sông Đồng nai, ta bỗng cần đến nhiều tín ngưỡng hơn là thuở sống ven sông Nhị hà, sông Hương. Trường hợp chúng ta có lẽ không giống như trường hợp nước Tàu của hai miền lưu vực sông Hoàng hà và sông Dương tử.

Tôi bỗng nhớ đến chữ «lai» đã đề cập tới trên đây. Có thể là do chỗ đó chẳng ?

Đối với vấn đề nguồn gốc của người Việt nam, sau khi cân nhắc nhiều tài liệu nhà sử học Nguyễn Phương mới đây kết luận : (Người Việt nam) «tách sự giòng giống Trung quốc, cho đến khi cá tính của họ này nở dần dần theo đà một quốc gia độc lập và một số những điểm dị biệt đối với Trung quốc phát sinh.» (1)

Cái dân tộc «tách tự giòng giống Trung quốc» ấy, lan xuống tới Bắc Việt thì pha lẫn với giống Lạc Việt, tới miền trung pha thêm giống Chăm, và vào đến miền nam thì còn thêm sự chung đụng với giống Chân Lạp nữa. Và đây là chỗ quan trọng. Cái «lai» đáng chú ý là cái «lai» này đây, cái «lai» sau chót, đặc biệt của miền nam. Do cái «lai» này, giòng giống Trung quốc gặp gỡ một giòng giống khác biệt, một văn minh khác biệt, và là một giòng giống,

một văn minh trọng yếu. Ở đây «China» dụng đầu «Ấn độ».

Tại vùng đất miền nam xưa kia từng kế tiếp sinh sống các dân tộc Phù nam, Chân Lạp... Phù nam, Chân Lạp, Khơme đều là những quốc gia ấn-hóa (état hindouise), chịu ảnh hưởng nặng nề của Ấn độ : xã hội tổ chức theo Ấn độ, tôn giáo, văn tự, kiến trúc v.v...đều theo ấn độ. Ngay từ sơ nguyên, vì vua đầu tiên của nước Phù nam đã là một vị bà-la-môn từ Ấn độ sang (tên là Kaundinya). Cho đến khi người Việt tràn đến thì các dân tộc cũ sống ở miền nam đã trải qua mười bảy mười tám thế kỷ sống với văn hóa Ấn độ rồi.

Chúng ta tiến vào lập nghiệp trên một miền đất đã có di vãng riêng, tiếp xúc với một dân tộc đã từng có nền văn minh riêng khá cao như vậy, dầu chúng ta lúc ấy bản lĩnh thực đã vững vàng nhưng tránh sao khỏi có sự ảnh hưởng, Nhất là trong thuở ban đầu chúng ta hãy còn ít oi lắm ; mãi đến đời Gia long, tỉnh An giang (cũ) dân ta vẫn thừa thớt quá, đến nỗi vua còn ra lệnh đưa dân từ ngoài vào thêm nữa. Chúng ta vào ít, ở bên cạnh thờ dân đông đảo, vả lại những nhóm người Việt đầu tiên mạo hiểm rời bỏ các tỉnh miền trung miền bắc vào đây hẳn là phần lớn gồm binh sĩ và trai tráng khoẻ mạnh, rất hiếm đàn bà ; do đó cái ảnh hưởng kia có lẽ không phải chỉ trên phương diện văn hóa mà còn là về mặt nhân chủng nữa.

Vậy thì trên bán đảo Ấn-độ Chi-na, ở nước ta, ảnh hưởng của mỗi bên phân định rõ rệt : về không gian thì Chi-na

(1) Bách khoa số 200 ra ngày 1-5-65.

bắc Ấn độ nam, về thời gian thì Chi-na trước Ấn độ sau. Có phải chính cái ảnh hưởng sau này ở phía nam ấy đã làm phát triển tôn giáo tại đây?

Có lẽ như thế chăng?

Trước khi vào nam chúng ta chịu hưởng của Trung hoa. Mà Trung hoa, trên những biểu hiệu về văn học nghệ thuật vẫn tỏ ra là một dân tộc thực tế, ít có tài tưởng tượng những điều huyền hoặc, ít suy tưởng đến những chuyện xa vời.

Trung hoa thuộc vào những nước văn minh sớm, nhưng kể từ khi biết nghi ngơi đến nay người Trung hoa không từng cung ứng cho nhân loại một tôn giáo nào. Trung hoa không phải là quê của một đấng cứu thế quyền năng nào cả. Ở Trung-hoa chỉ có cao nhất là các ông thánh, tức là những con người đạo đức và sáng suốt. Tiêu-biểu cho tư-tưởng học thuật Trung-hoa là nho giáo: ở đây Không tử dặn dò những điều thiết thực về phép giữ mình, ăn ở trong gia-đình và phép trị nước. Mạnh-tử, Tuân-tử, Hàn phi-tử v.v... sau này càng là tử mỉ đối với việc đời hơn nữa. Những phần tử phóng khoáng nhất cũng chỉ biết theo đến các ông Lão-tử Trang-tử là cùng, nghĩa là xa lánh việc đời, an-dưỡng tinh thần hòa hợp với thiên-nhiên, không kinh không kệ, không khắc khổ trầm tư mong tìm một cõi đời nào sau kiếp sống ở trần gian.

Trên cõi trời của người Trung-hoa chỉ có ông Trời và trong trí người Trung

hoa ông Trời ấy vô định, không có mặt mũi. Khi đức Phật từ bên Tây-vực được rước sang, Ngài không gặp một đối thủ nào cả; trong lịch sử Trung-hoa không có tranh chấp tôn-giáo.

Tuy nhiên qua Trung-hoa, Phật giáo có bị óc thực tiễn của dân tộc này giản lược đi. Sau này Việt-nam chúng ta tiếp nhận lại cái Phật giáo đại thừa ấy qua trung-gian của Trung-hoa. Ở bên kia dãy Trường-Sơn, các dân-tộc Miên, Lào, Thái, Miến v.v. tiếp đón giáo thuyết Phật thẳng từ Ấn độ.

Người Trung-hoa không bận tâm về các vấn đề siêu hình mà họ cũng không có óc tưởng tượng phong phú. Lương-khai Siêu công nhận rằng người Tàu mà biết viết tiểu thuyết ấy là nhờ người Ấn độ. Thực vậy, trong các bộ môn nghệ-thuật, tiểu thuyết xuất hiện rất chậm ở Trung-hoa, và lại phát triển vào khoảng đời Đường tức là thời kỳ đạo Phật truyền qua mạnh mẽ nhất (với nhà sư danh tiếng Huyền Trang). Đọc kinh điển nhà Phật, người Tàu bắt chước viết những chuyện thần quái. Cho đến những cuốn truyện danh tiếng sau này như *Sưu thần ký*, như *Thủy-Hử*, *Hồng lâu mộng*... cũng được xem là sáng tác dưới ảnh hưởng của các kinh Đại trang nghiêm Hoa nghiêm v.v...

Ấy, Trung-hoa vốn dĩ là một dân tộc như vậy, người Việt miền bắc "tách tự giòng giống" ấy, lại sống trong vòng ảnh hưởng văn hóa của giòng giống ấy suốt từ thế kỷ nọ sang thế kỷ kia, bảo sao tâm lý không biểu lộ những nét duy lý, thực tiễn.

Trái lại, Ấn-độ là nguồn gốc của các đạo Bà la môn, đạo Phật. Từ nghìn xưa cho tới bây giờ, lúc nào sinh hoạt xứ Ấn cơ hồ cũng bao trùm trong bầu không khí tôn giáo: các tầng lớp dân chúng say mê tín ngưỡng chính phủ lẫn phen khốn khò vì các mối chia rẽ tín ngưỡng, văn thơ Tagore cao xa siêu thoát mà cái cách làm chính trị của Gandhi cũng thoát phàm.

Các dân tộc Phù nam, Chân Lạp, Khor-me v.v... về mặt nhân chủng không biết là «tách tự giòng giống» nào, nhưng về mặt văn hóa thì có liên hệ chặt chẽ với Ấn-độ. André Migot (1) cho rằng văn minh Khor-me thiết yếu có tính cách tôn giáo.

Ta có thể chắc chắn các tổ tiên của người Khor-me — giống người Chân Lạp — cũng không thiếu cái tính cách thiết yếu ấy. Và chung đặng với họ, những người Việt vào ở miền nam đã thâm nhiễm ít nhiều đặc điểm của họ.

Trong cuộc nam tiến, rốt cuộc không những ta được thêm đất đai mà còn là một sắc thái nữa thêm vào những khả năng tinh thần của dân tộc. Trên cái bán đảo mang tên là Ấn-độ Chi-na này, thực sự chỉ có Việt nam ta là tổng hợp được cả hai nguồn văn hóa lớn của Á châu, hai nguồn văn hóa đã bị dây Hy mã Lạp sơn và dây Trường sơn chia cách.

* *

Trước đây có lần (2) tôi đề ý nhận thấy trong các tác phẩm văn nghệ của miền Nam không có những thách thức siêu hình. Sự kiện ấy tưởng có thể giải

SÁCH MỚI, SÁCH HAY, GIÁ RẺ (I.C.)

Hãy tìm lại nhà sách

VIỆT - BÀNG

Số 78 Đại lộ Lê-Lợi Saigon
Từ đầu tháng 9-65 trở đi sẽ
về thêm :

Các loại sách mới nhất của
những nhà xuất bản : Galli-
mar, Calman, Lévy, Fayard,
Grasset, Plon, Julliard, Ed.
du Seuil, Ed. de Minuit...

thích được do chính lòng say mê tín của người Việt miền Nam. Ngày nào mà chúng ta còn có được đức tin ở một quyền lực thiêng liêng thì chúng ta hãy còn vững dạ; chỉ khi đức tin ấy bị lung lay, con người mới đâm ra hoang mang, bị các mối băn khoăn siêu hình dày vò. Lệ thường trong lịch sử tư tưởng ở các nơi đều như thế. Vậy trước khi đưa tin đồ lên cõi cực lạc, ít ra tôn giáo đã đem lại một niềm an lạc thanh thoi cho tâm hồn người dân miền Nam này, niềm an lạc phản ảnh trong cái tác phẩm Văn nghệ.

VÕ PHIÊN

VIII — 1965

(1) Les Khmers.

(2) Trong bài «Cá tính văn học miền nam» trên Bách Khoa số 6², ngày 15-8-1959

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, okyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

• Y UYÊN

miền không vết chân người

(Xin coi Bách Khoa T.Đ. từ số 207)

Sau ngày cưới Kiều bàn với Hai Rạng sang cây số 8 mang cái máy may về. Trong lúc Hai Rạng giúp chị Kiều sửa lại cái bếp sau nhà, Kiều nói với mẹ :

— Tôi không ham nghề may nhưng tôi làm nông sao được. Má và chị hai gần đành dùm rồi mua cái máy khác. Trong bữa cơm trưa, mẹ Kiều lập lại điều may mắn có con rề ở gần. Kiều đưa mắt nhìn chồng, cười. Hai Rạng không hiểu ý vợ. Hắn chỉ thấp thoáng một chút ngây ngất đã qua. Lúc Kiều cười cũng như lúc Kiều thông thả lấy nón đội đi, dáng mong manh yếu ớt của Kiều thành gọn, nhanh nhẹn. Hai Rạng vẫn tưởng vợ vẫn còn là cô gái ngồi may trong quán.

Mang máy về, Kiều muốn Hai Rạng cất một gian nhà nhỏ ở gần chợ để đặt máy, Kiều nói gần chợ mới sẵn khách. Chừng nào tình chuyện vô Nam, nhà và máy sẽ là món tiền mang theo. Hai Rạng phân vân. Một đám cưới cũng là một thay đổi quá lớn lao rồi. Lúc này mọi thay đổi dù nhỏ, mọi tính toán, dù vụn vặt đều có vẻ phiền hà. Hai Rạng có vợ, đủ rồi. Ý tưởng vô Saigon làm ăn, dù có thật cũng chỉ là một dự tính tương lai bất cứ người đang yêu nào cũng có nguồn phác họa

Hai Rạng phân vân nhưng mẹ Hai Rạng lại quả quyết. Biết chuyện này bà gạt đi, không chịu. Bà kêu trong làng không như thành thị, may miết rồi cũng có nhiều khách quen. Kiều thu dọn gian nhà dành cho vợ chồng mình, thu hẹp sinh hoạt, tối ngày cặm cùi bên máy. Nhiều bữa Kiều ngồi cả giờ; máy đi máy lại mảnh vải cũ thành nhiều đường kỳ dị. Cũng từ đó, Minh bỗng có những ngày bỏ đi bất thường, xuống tỉnh thăm thầy giáo. Kiều đành dờn máy, thay Minh ra đồng làm việc với mẹ chồng. Bà mẹ Hai Rạng đã rõ Kiều không muốn sống cuộc đời của gia đình bà, coi nơi đây chỉ là tạm bợ. Bà nghi ngờ con trai có điều giấu mình. Ngồi đập nước hoặc cặm cùi cuốc đất bên Kiều, bà thường hỏi Kiều những câu

lộn xộn chẳng đâu vào đâu. Bà muốn nghe Kiều nói; vẻ im lặng của Kiều để khiến bà nghĩ Kiều đang âm thầm toan tính nhiều điều, có lẽ chỉ mình con trai bà biết. Kiều cho những câu hỏi của bà có vẻ thiếu tự nhiên, dò xét, trả lời một cách dè dặt, Kiều không ngờ mình có thêm một hoàng cảnh nữa để thôi thúc mình ý nghĩ đi xa. Cửa hiệu của mẹ, cây số 8, rặng núi trùng điệp và những tiếng ru giọng hò của mẹ và chị chỉ khiến Kiều mơ ước tới một xứ có nhiều vẻ đẹp nhưng chẳng để hình dung. Những buổi ra đồng thấy mình như lạc mất hướng Saigon. Những ồn ào, lam lũ của cả gia đình Hai Rạng bên mâm cơm, những lúc đập máy như để quên thời gian trong lúc đợi chờ Kiều đã rõ rệt con đường mình sẽ đi tới. Hai Rạng chẳng phải quê hương Kiều muốn tìm kiếm. Nhưng chắc chắn Hai Rạng là người hướng dẫn Kiều, giúp đỡ Kiều và sẽ cùng Kiều sống trong quê hương đó. Những năm bên cây số 8 đã biến Kiều thành một người khao khát. Những ngày trong gia đình Hai Rạng đã khiến Kiều dạn dĩ với ý tưởng vô Nam. Thấy chồng muốn lánh tránh, bỏ quên những phác họa trước kia, Kiều không nghĩ Hai Rạng là người lờng gạt, nhưng cũng không thể không có phần thất vọng. Dù sao Kiều vẫn khiến Hai Rạng luôn luôn bị đặt trong tình trạng triền hạn của ngày ra đi. Dần dần Hai Rạng chắc chắn trong lòng có ngày mình sẽ vô Nam. Những thúc giục xa xôi, những nhắc nhở khéo léo của Kiều như thừa, chỉ khiến Hai Rạng nghĩ mình có người vợ ưa nhõng nhẽo. Có đêm ôm vợ trong lòng, để vợ xoa vuốt khắp lưng mình, Hai Rạng thấy giận tính nhõng nhẽo đó đến cực độ, cũng thấy miễn thích hai bàn tay ve-vuốt của vợ đến cực độ. Hắn thắt chặt vòng tay ôm vợ. Vợ hắn kêu lên một tiếng nửa đau đớn, nửa âu yếm. Ban ngày, nhiều lúc giận vợ quá, Hai Rạng cũng muốn xử sự như vậy. Chỉ có cách đó mới làm hắn hết bực mình thấy gần gũi vợ, tránh có cảm tưởng vợ biệt lập với mình, chuyên gây những điều rắc rối. Có lần ông nội Hai Rạng đã hoảng hốt thấy hắn hăm hăm chạy lại bên máy của vợ. Ông cụ chưa kịp chạy vào can thiệp, đã nghe tiếng Kiều cười rình ríc lẫn với tiếng Hai Rạng kêu nhột. Sự che chở của ông cụ, dù chỉ ở trong ý tưởng cũng bằng thừa. Ông cụ vốn tội nghiệp về mong manh, yếu đuối của cháu dâu, vốn chịu những lời nhỏ nhẹ của Kiều hơn những đũa khác. Trong nhà ông thương thằng Đồn và Kiều hơn cả. Cả hai như từ đâu lạc tới gia đình này, không có những cái vui của người trong nhà. Những lần ra đồng cày phụ với Hai Rạng một buổi hoặc thay con trai lên núi chở củi về lò đốt than, ông cụ không thấy ngại bằng lúc thấy thằng Đồn thay đứa em trai bị ốm, ra ngoài mương ngồi giặt ngưỡng trên lưng bò, giữ bò cho mấy đứa em gái múc nước tắm cho bò, hay lúc thấy bàn chân nhỏ nhắn, xanh xao của Kiều bám trên mặt đất thịt trơn tuột tay xách nước từ ngoài giếng lên nhà, tay giữ hai ống quần kéo cao. Nhất là từ ngày Kiều có mang, mặt dóc hần đi, hai gò má nhô ra, mỗi khi thấy Kiều làm việc nặng, ông cụ thường làm giúp. Lúc đó Kiều chỉ việc đứng yên một chỗ, chờ ông cụ xong việc, nghe ít câu ca ngợi sức khỏe dũng mãnh của người xưa. Theo ông cụ, khỏe như Hai Rạng bây giờ cũng chẳng thấm tháp gì với các cụ ngày trước. Hồi làng mới lập, một ngôi chùa được dựng ở thôn dưới, chiếm hết cả một thửa vườn. Sau này ông thầy địa lý đi qua, chê địa thế ngôi chùa xấu. Lập tức các cụ hè nhau khiêng cả ngôi

chùa lên thôn trên. Ngôi chùa bây giờ cũng còn nhiều vết tích chứng tỏ sức mạnh của các cụ. Ngày lập chợ, mỗi cụ đã chạy lên núi vác về một cây cột đá. Về tới chợ các cụ giỡn với các bạn, vác cây cột đá chạy quanh chợ ba vòng rồi ném cột đá xuống đất. Cột bị gãy nát tức thì, khiến cụ lại phải lật đật lên núi vác cây khác về. Nghe ông cụ thuật lại, nom những ô nhẵn trên da ông cụ. Kiều tưởng những ô đó là những vẩy sắt. Một thể giới hoạt động với những người mạnh như thần chột quấy mạnh trong trí Kiều rồi vụt tan đi nhường lại cảnh đồng ruộng với những người rách rưới như những thân bù nhìn tơi tả. Trong những bù nhìn đó, có người mang tên Hai Rạng đã từng bẻ dây thép hàng rào ấp chiến lược nung đỏ khắc lên da thịt tên Kiều. Không ngờ việc đó đã thành dư-âm. Và chuyện vô nam chỉ còn là một hứa hẹn không ai cố gắng đạt tới. Kiều đã có mang. Những ngày Kiều thấy khỏe trong người. Saigon thu nhỏ lại thành một nhà hộ-sinh, Hai Rạng biến thành bà mẹ Kiều xách giỏ đưa Kiều đi đẻ. Những ngày mỗi mệ, đau nhưc Saigon nhường chỗ cho hình ảnh mẹ Hai Rạng ngồi loay hoay bên giường Kiều nằm. Bà cụ vốn không sinh ra đề sản sóc con dâu. Nhưng tài «lề» của bà đã làm bà đề ý đến sức khỏe Kiều không ít. Bà là một thứ thầy thuốc chuyên tìm đến con bệnh chuyên trị bệnh bằng một phương pháp độc nhất. Được một con bệnh thỏa-thuận cho mình ra tay, bà cụ mừng như gặp một người nhắc lại thời mình đang làm con gái. Nỗi mừng của bà cụ có một vẻ bí ẩn, giấu diếm. Bộ mặt bà lúc nào cũng sẵn sàng gục xuống, đôi mắt nhấp nhàng hay lờm lờm trợn lên. Trước con bệnh, bà cụ tỏ ra rất từ tốn vỗ về bằng điệp-khúc «không có đau chớ có hỡi Chớ có hỡi» Bệnh-nhân nếu không phải là những đứa trẻ cần người đề ngửa chân tay xuống giường, thường không giấu được vẻ bối rối lúc thấy bà cụ buộc chặt cái khăn cho tóc khỏi vãi xuống trán, mắt nháy lia lịa, cổ nhướng lên để đưa đúng mảnh thủy-tinh vào nếp da bà đương bẹo lồi ra. Khi những giọt máu đầu tiên ứa xuống mắt, xuống mũi người bệnh, bà cụ vừa cầm từng nắm bông thấm khắp mặt bệnh nhân, vừa bật lên những tiếng suýt soa «Me chay ! me chay» mãn nguyện Kiều biết bà cụ có tài «lề» từ khi có mang, hay đau yếu vặt. Sau một lần bị những mảnh thủy-tinh cứa trên da mặt mình, Kiều sợ bà gặp bội trước kia. Mỗi lần bị sốt, nhưc đầu. Kiều thường kín tiếng không để bà cụ biết. Kiều gắng gượng kéo nước, làm com cười nói để che mắt bà. Nhưng thần sắc Kiều đã không giấu nổi cặp mắt nhấp-nhèm của bà cụ Bà cụ lại vỗ về lại sẵn lòng phần nộ, nếu Kiều coi thường phép lề của bà. Trước bà, Kiều hết còn những nhẽ như khi gần Hai Rạng bình tĩnh như khi cạnh mẹ. Kiều lộ hẳn bản chất yếu đuối hơn bao giờ. Nửa thấy nề, nửa e ngại bà cụ gây chuyện. Một đêm Kiều đem chuyện nói với Hai Rạng ngờ ý muốn về cây số 8 để mẹ sản sóc. Hai Rạng hơi ngần-ngại. Nhưng lúc nghĩ tới vẻ yếu đuối của vợ trước tính cục mịch của mẹ. Hai Rạng đành nói với cha mẹ đưa Kiều về cây số 8. Mẹ Hai Rạng có vẻ phật ý nhưng biết Hai Rạng đã quyết nên chỉ biểu lộ sự bất bình một cách hết sức giới hạn. Từ ngày lấy nhau, đây là lần đầu tiên Hai Rạng định được một việc. Cũng đầu tiên Kiều thực hiện được ý muốn dời xa gia đình này, dù chỉ là tạm bợ.

Vào tháng tám Kiều sinh một đứa con trai giống cha như đúc. Thằng Đờn với mấy em mang đèn, qua sông sang cây số 8 hát hò cả đêm hôm mười bốn. Kiều bế con cho tụi nó bu quanh. Kiều cho tưng đứa « lên chức ». Thằng Đờn nghe Kiều cho chức « chú ba », mừng quá, cúi xuống toan sờ cháu một cái thì con hen nổi lên. Nó ôm ngực, há mồm trợn mắt thờ khò khè. Lát sau nó lau mép, rờ lại đứa cháu, cười nhếch nhác nói :

— Có « chú ba » thôi kèn cho nghe mầy khoái dữ hả mày.

Kiều nựng con :

— « Chú ba » mi tên Đờn nhưng chỉ biết thổi kèn. Đừng buồn chú tội nghiệp nghe.

Đờn nhăn răng cười quên cả mệt.

— Chừng nào mày lớn, chú cho theo ra soi bắt rắn. Chú trộm ông nội chút ít trái dưa thắt eo dưa cháu ăn cho phẻ. Hôm đầy tháng thằng bé, Đờn cũng theo anh sang đón cháu về. Nhưng ngày chưa trồng dưa, nó chỉ quanh quẩn bên Kiều ngủ gà ngủ gật, chờ Kiều nhờ lấy giùm cái khăn lau bột, cầm giùm chai sữa cho cháu... Có lần nó bảo Kiều :

— Chừng nào thằng nhỏ này lớn đủ sức kéo cái neo ở dưới biển lên, tụi cho nó phụ tụi chở xuống đi biển. Chú cháu tụi không thèm làm nông, không thèm đốt than, không thèm ra soi canh chừng dưa hấu.

Đề thưởng công cho Đờn, thỉnh thoảng Kiều lại cho Đờn ít miếng thịt heo ướp muối do mẹ Kiều gửi sang cho. Kiều cũng lấy những miếng vải màu may thành nhiều lá cờ cho Đờn làm xiếc. Những lá cờ may như cái túi, lá nọ dờn được vào trong lá kia. Đờn giơ cho bọn trẻ coi lá cờ lớn nhất rồi nhét lá cờ vào cặp quần. Nó nhào lộn mấy vòng trên đất, đoạn uốn người, hô to, từ từ móc cặp quần ra cả mười mấy lá cờ đủ màu. Bọn trẻ có vẻ khiếp phục. Đờn lắc đầu, không vừa lòng :

— Trò này thường mà. Chừng nào tao có tiền mua xuống đi biển, tụi bay mới ngán tài tao. Xuống tụi bay có dượt theo cũng không bắt kịp. Mà rồi tụi bay có ngó theo cũng không thấy tao đâu. Tao ở ngoài cái lẳng xanh xanh tụi bay vẫn còn nom thấy ở cuối biển đó.

Kiều biết chuyện Đờn nói, cười hỏi :

— Mày có cho anh hai chị hai theo mày không ?

Đờn phân-vân một lát rồi im lặng bỏ đi.

Đến mùa dưa. Đờn lại ra ngoài soi với ông nội. Suốt ngày, Đờn đi kiếm những cây rau đắng chợ ông, Ngồi trong chòi, ông nội Đờn bó những cây rau đã phơi trên nóc chòi thành những bó lớn. Trưa đến, lúc Kiều mang cơm ra sẽ ôm mớ rau khô về. Rau đốt ra than, lọc lấy ít tô nước đổ đề Kiều nấu chè mang

ra cho hai ông cháu cùng suýt soát ăn. Những cục đường đen còn lại từ mùa mía năm ngoái đủ để chè không kém ngọt. Ông cụ chẳng có điều gì nghĩ ngợi ngoài những bát chè, những tô canh bí rợ và chuyện chết của mình. Nhìn đứa cháu còi cọc, ông chắc khi mình buông xuôi hai tay, con cháu vẫn chưa khá được. Cái cối giã gạo hồi cưới ông đã từng giã hàng chục chậu bánh dày, khi ông chết chắc vẫn còn bỏ bụi. Cái cối đó gọi lại tuổi trẻ của ông và tấm áo dài màu lụa non của vợ. Vợ ông đã chết không có tiếng cối giã bánh dày. Ông rồi cũng vậy, Đòi hai người chỉ có sự chào đón mà thiếu sự tiễn đưa.

Nỗi chết càng ám ảnh ông khi trên bãi cát mé sông bắt đầu bừa bãi những vết chân lạ, khi ông hay tin Hai Rạng đã sang cây số 8 đào lên dùm mẹ vợ một cái hầm. Tết dưa lớn hàng loạt. Đi trong đám cây leo, vô tình vấp phải những trái trước mặt, té nhào lại đụng phải những trái xung quanh. Lúc này cần trông coi nhiều nhất, bỏ soi về nhà ngủ đâu đành. « Người ta giết người có chủ nghĩa, ai thêm giết chi thứ mình ». Ông già chỉ cần hiểu màu sau câu nói. Như một tin đồ dù chỉ đọc những trang còn lại của một cuốn kinh cháy dở vẫn thấy an-lòng, một màu sau câu nói đủ để ông già có chút bình yên sau những hoang-mang tự-nhiên kéo đến.

Thằng Đờn không như ông nội, không hề có chút an-lòng. Nhưng nó sợ cha mẹ hơn sợ những đêm nằm ngoài soi. Càng ngày nó càng hay mơ thấy mình được ngủ bên một đám đông, bên những tiếng động quen tai trong nhà, Lúc chiều tối, lúc người tập cho bò cày ở bãi cát sát bờ tre làng đã về, Đờn thấy ngán nhất. Nó chạy loăng-quăng, hai tay giơ ngang làm máy bay cho người bớt lạnh. Những con chó cái kéo theo cả đoàn chó đực ra bãi cắn nhau bắt kẻ tối. Con đực nào thắng được quẩn quít bên con cái. Con thua, lưỡi thè ra, lờ đờ, thảnh thọt nhắc từng cẳng chân trên cát, lang thang như chó dại. Chuyện tình ái của loài chó Đờn đã quen mặt. Nhưng Đờn vẫn thích lại gần chúng. Buổi chiều lạnh, bãi cát bắt đầu có sương. Chỉ có những tiếng ửng ửng của chúng mới to được ngoài soi còn có sinh hoạt. Đờn thường từ già đoàn chó khi trời tối hẳn. Ở ngoài soi tối muộn hơn trong làng nhưng bóng tối khi đã dâng lên, dâng thiệt mau. Những tờ truyền đơn vừa rải rác phơi trên sân cát, chỉ sau mấy bước đi của Đờn, quay lại đã nhòa lẫn trong bóng tối. Cũng từ lúc đó, ông cháu Đờn hoàn toàn thu nhỏ trong chòi. Bên ngoài như xa lạ và lạnh lẽo. Một vài tiếng chim kêu thánh thót trong sương rồi vụt tắt, Bình thường, chẳng bao giờ ông nội Đờn để ý tới tiếng chim. Hôm Đờn chết, ông cụ đột nhiên kêu đó là những điềm báo gở. Đêm hôm đó sau khi đã nghe tiếng chim hót, đã đếm xong tiếng súng đại bác, hai ông cháu bắt đầu ngủ. Thằng Đờn lại mơ thấy mình ngủ bên một đám đông. Lúc nó tỉnh dậy đám đông vẫn còn. Họ lơ nhố phía ngoài chòi, nói cười âm ỉ. Ông nội nó đã dậy từ bao giờ đang trả lời những câu hỏi của một người cao lớn đứng trước cửa lều. Từ tay người đó bật loé lên một luồng ánh sáng quét khắp chòi và dừng lại trên mặt Đờn lúc nó lật đật nhồm dậy. Đờn nhắm mắt quay đi, tiếng cười của người cao lớn bật lên, ròn-rã.

— Mắc mớ chi mà hãi. Lâu lâu về ghé vô thăm bà con chút đó mà.

Đờn vẫn quay mặt vào góc chòi. Có nhiều tiếng đàn bà, trẻ con lẫn lộn ở bên ngoài. Ông nội Đờn một mảnh vai nhô ra ngoài cái bóng người cao lớn, mồm « dạ dạ liên hồi » Thỉnh thoảng mảnh vai của ông lại chệch sang bên cái bóng thêm một chút. Ông cụ như sót ruột vì những trái dừa nằm ngoài bãi. Người đàn ông chui hẳn vào chòi, kéo vai Đờn cho Đờn quay ra. Người Đờn rung mạnh như khi cơn hen lên tới cực độ.

— Mặc mớ chi mà hỏi, Qua cũng có mấy đứa con dễ thương như em.

Vừa nói người đàn ông vừa bỏ ra ngoài. Đoàn người đã bỏ đi, tiếng cười ròn rã vẫn còn vang trong chòi. Nghe ngóng một lát, ông nội Đờn vớ rựa chui ra ngoài. Ông chuệnh-choạng bước giữa những trái dừa những đám dây leo.

— Đờn ra biểu đây.

Ông cụ gọi, giọng hấp-tấp. Đờn lò dò chạy ra. Ông nội Đờn như một cái bóng, lom khom rờ từng sợi dây leo, cắt từng trái dừa Đờn mang vào chòi. Hai ông cháu im-lặng di-động từ chòi ra vạt cát trồng dừa, từ vạt trồng dừa vào chòi. Nghe tiếng chó sủa ở bãi cát gần làng, Ông cụ bảo Đờn :

— Không phải nấu sũa soạn biểu tình đâu. Nấu về xã đó. Gấp lên chút.

Đờn nghe nói càng linh quính. Những trái dừa trên tay nó càng trở nên nặng nề. Trong làng có nhiều tiếng súng nổ và một giọng đàn bà gọi loa. Trên trời chợt có vụt lên những trái hỏa châu ở phía quận. Trong đoàn người lúc này còn lại một toán người nằm phục bên mấy mô đất ở sát làng. Những con chó hiện ra giữa khoảng cách của bọn người và ông cháu Đờn, thi nhau sủa.

— Vô mau.

Ông nội Đờn la lớn. Ánh sáng đã soi rõ mọi nguy-hiểm. Tiếng la của ông cụ như vang tới tận chỗ toán người nằm phục, dội ngược lại tai ông. Một tràng đạn dội theo. Thằng Đờn ngã bật ra sau, bên mấy tiếng chó tru đau đớn. Những tiếng chó biểu hiệu sinh hoạt trong đêm ngoài bãi cát đã vang lên lần cuối theo một tiếng nấc nhẹ của Đờn. Ông già nhảy bổ lại ôm thằng bé. Nó không gặp những thứ như con rắn nên ông không thể giúp gì nó được. Nó gặp những người « cũng có những đứa con như em ».

oOo

Từ ngày thằng Đờn chết, ý tưởng đời làng ra đi lại hiện trong óc Hai Rạng. Lần này không cần vợ lên tiếng, hẳn cũng cảm thấy bị thôi thúc mãnh liệt. Tiếng gọi hoảng-hốt của ông nội vào lúc đêm về sáng thành một ám ảnh vào những buổi chiều trời bắt đầu tối. Từ buồng ngủ của vợ chồng hẳn, tới cánh đồng, con sông cây số 8 đều mang vẻ hoang vắng ngoài bãi cát. Sau nhiều đêm bàn tính với vợ, một hôm Hai Rạng nói với cha mẹ.

— Tôi không thể ở nhà một ngày nào nữa. Làng xã bây giờ chỉ dành cho ông già, bà già, con nít với những người có bom đạn. Tôi không thể ở lại nhà một ngày nào nữa.

Mẹ Hai Rạng khóc suốt một buổi chiều sau khi rõ Hai Rạng đã quyết. Tính dữ dằn của bà dường như đã bị cái chết của Đồn làm thuần đi. Bà khóc cho Đồn cho bà, cho Hai Rạng... cho cả nhà. Mấy đứa em gái Hai Rạng thấy mẹ khóc, chột nhốt đã lâu không gặp mặt thằng Đồn cũng òa khóc theo. Hai Rạng phải quát lớn cho mọi người im :

— Thôi đi bà, thôi đi bọn bay, mệt quá.

Kiều ngồi đưa vông cho con, im lặng, nửa buồn, nửa vui. Những toan tính ước muốn trước kia của Kiều như chẳng ǎn nhập gì với quyết định của Hai Rạng. Kiều cũng không ngờ ngày nay vợ chồng mình rời khỏi gia đình này, mọi người lại buồn thảm thế. Trong nỗi buồn đó Kiều cũng góp mặt. Cái chết của thằng Đồn, những bản khoán của Hai Rạng khiến Kiều mong đi sớm được ngày nào hay ngày đó. Nơi đây dù chỉ một phần đất đề ngồi mà vọng tới một nơi khác sung sướng hơn cũng không còn nữa.

Hôm vợ chồng Kiều ra đi, mẹ Kiều cũng sang tiễn chân. Bà cho hai vợ chồng Kiều một cái địa chỉ ở trên tỉnh để gửi thư. Trên những chuyến xe nối tiếp, Hai Rạng thỉnh thoảng nói với Kiều một câu.

Vào Saigon, vợ chồng Hai Rạng được một người quen giới thiệu một xưởng dệt ở Cĩa Định. Cả hai vợ chồng cùng học dệt, cùng làm công cho mấy người quen trong thời gian tập nghề. Sau đó hai vợ chồng mua lại một khuôn dệt cũ, biến thành một chủ nhân nhỏ trong xưởng. Đa số gia đình dệt ở đây từ miền ngoài vào. Mỗi gia đình có một hoặc khá hơn, hai khuôn. Ông chủ xưởng chỉ cho thuê chỗ đặt khuôn và điện chạy máy. Nhưng tất cả các khuôn dệt đều mang tên ông hoặc người nhà ông. Nhờ vậy, hàng năm số sợi Hợp tác xã nhập cảng phân phối cho ông một số lượng đáng kể. Chỉ có gia đình ông là xã viên nên số sợi cũng chỉ gia đình ông được xử dụng. Ông thường bán lại cho các nhà buôn khi sợi còn nằm nguyên kho chính phủ với giá chợ đen. Bán được tiền, ông mới đem vốn trả Hợp tác xã. Đề bù lại sự thiệt thòi của những người có khuôn thật sự, hàng năm ông cho mỗi người có khuôn, dăm ba trăm gọi là tiền cho « anh em dzui dẽ ». Mọi người đều biết mình bị thiệt thòi nhưng với một hai cái khuôn, làm sao đủ tiền, đủ tư cách để làm một người có chân trong Hợp tác xã ?

Xưởng dệt lợp tôn. Những cửa ra vào quá nhỏ so với mấy bức tường quá rộng và số người quá đông. Suốt ngày vợ chồng Hai Rạng làm việc dưới ánh điện thay ánh sáng bên ngoài. Ngày và tối được phân biệt bằng tiếng la của bà chủ ở bề nước bên kia vọng sang. « Tắt máy đi chứ. Quá giờ rồi » như nhiều gia đình khác, Kiều mua một tấm phản kê sát khuôn làm giường nằm cho cả hai vợ chồng. Đêm ngủ, không ai dám trở mình mạnh. Một buổi tối, cơm xong, Kiều thấy chồng đốt diêm soi khắp gầm giường, Kiều hỏi, Hai Rạng cười gượng :

— Coi lại xem mấy cái chân giường có còn chắc như cũ ? Đêm nó mà kêu rắc rắc như mấy cái giường của nẫu, nghe dị chết cha.

Kiều bật cười, bẹo chồng hằn cồ tay. Trong xưởng, có mấy chiếc giường không kê, nhưng nghe chồng nói, Kiều hiểu ngay chiếc giường Hai-Rạng muốn ám chỉ. Chiếc giường đó của vợ chồng Hai Bát, chủ khuôn bên tay mặt khuôn Hai-Rạng. Hai Bát mặt dài tím những tàn nhang. Có người trong xưởng đã lăm cái lưng hằn với lưng Hai-Rạng. Hằn cũng ít nói. Nhưng bộ mặt lãnh-đạm, ít nhìn người khác. Có nhìn cũng nhìn thật mau, thật ngắn. Như phần đông người trong xưởng, hằn không ưa thân-thiết. Hằn thường ra cái quán ngoài cổng xưởng, ngồi uống một mình, lăm nhăm những tiếng không ai nghe rõ. Buổi tối, sau bữa cơm, hằn lấy dầu chải tóc, thay quần áo, thả bộ dọc theo mấy cột đèn. Một lần Hai-Rạng lân la lại gọi chuyện hằn. Hằn đang cầm cúi tìm kiếm cái gì trong cái hộp gỗ dưới chân giường. Nghe tiếng cười của Hai-Rạng, hằn vùng ngừng lên. Những nếp nhăn riu lại hai bên đuôi mắt hằn. Thấy vậy Kiều bảo thông :

— Thứ người đó nói chuyện chi cho mệt.

Từ đó, Hai-Rạng không nói với hằn một lời. Nghe người nào nói mình giống hằn Hai-Rạng khó chịu. Với những người khác, Hai-Rạng cũng dè dặt. Mỗi người như có một sự thủ thế. Từ nụ cười, câu nói đến cái đập nhẹ vào vai lúc gặp nhau cũng hết sức cầm chừng. Một đêm đèn trong xưởng đã tắt, mọi người đã ngủ, hai vợ chồng Hai-Rạng vẫn còn rì rầm nói chuyện. Hai-Rạng kêu lưng muốn sụm vì ngồi suốt ngày. Từ hồi nhỏ tới giờ chưa bao giờ hằn phải ngồi một chỗ lâu như vậy. Hai-Rạng than hoài. Trước, vợ hằn còn xen từng câu cầm chừng lát sau, Kiều nằm im như ngủ. Mấy tiếng nói sau cùng của Hai-Rạng thành lưng lơ. Giữa lúc đó, Hai-Rạng chợt đề ý đến những tiếng « rắc rắc » từ bên giường Hai-Bát nổi lên. Những tiếng « rắc, rắc » buông từng tiếng một, chậm rãi, đều đặn. Hai-Rạng chợt thấy lưng mình bị bấm mạnh. Thì ra Kiều chưa ngủ, đang yên-lặng nghe những tiếng động ở giường bên kia. Trong lúc bất ngờ, Hai-Rạng bật lên cười. Cười xong, Hai-Rạng mới biết mình lỗ mãng. Kiều có vẻ ngượng vì chồng, bẹo chồng liên hồi. Bên kia giường, những tiếng « rắc » đã tắt. Có tiếng trở mình của Hai-Bát. Một lát sau, tiếng Hai-Bát đột ngột vọng sang :

— Chưa ngủ sao anh Hai ? Trời nóng quá... hì hì.

Hai-Rạng cười trong tối. Giọng Hai Bát tiếp-tục :

— Nghề mình mệt quá anh Hai. Vất vả thì nhiều mà kết quả chỉ có một xí. Hồi chưa vô đây, ai mà ngờ tới cái nghề này.

Thì ra đó là tâm sự của con người có bộ mặt lãnh đạm. Hai-Rạng chưa biết nói câu gì đã bị vợ lấy tay bụm chặt miệng. Sáng hôm sau, ngồi bên khuôn dẹt ngó sang Hai-Rạng thấy Hai Bát vẫn lạnh lùng như mọi ngày. Nếu Hai Rạng cười chắc hằn lại cau mặt. Suốt ngày hôm ấy Hai-Rạng đề ý, thấy Hai Bát không hề có một lời nói với mình như đêm qua. Tới chiều, lúc tan xưởng, ngồi hóng gió ngoài cổng, Hai-Rạng mới thấy hằn nhìn mình, cười gượng gạo lúc hằn đưa cho chị đàn bà điên trong xưởng một liều thuốc. Chị đàn bà này như đứa trẻ nít vừa

lớn, đến xưởng từ hồi chưa có điện, còn dùng máy kéo cho khuôn chạy. Chừng điên chưa tới thời kỳ nặng, chỉ khiến chị hiền thêm, ngần ngại thêm. Vốn chậm chạp, từ ngày có bầu chị càng chậm chạp hơn. Trước kia, thỉnh thoảng chị mới lộ những nụ cười khờ khạo. Đến xưởng được ít lâu, chị sinh ra hay hoảng hốt. Một dạo chị bỏ đi sáu bảy ngày liền. Trở về, ít lâu bụng chị tròn dần. Có người quả quyết chị đã có chửa trong thời-gian bỏ xưởng, lang thang ngoài phố. Dự đoán này không gặp một sự xét lại nào, tự nhiên thành một điều chắc chắn. Chồng chị cũng nhiều lúc tỏ ra nghi ngờ. Anh không nghi vợ như mọi người trong xưởng. Anh nghi luôn cả họ. Anh nghi họ cả khi vợ anh đã có bầu. Như một con chuột chửa trong phòng chứa đồ, bóng chị điên và cái bụng của chị thường ẩn hiện bên những khuôn dẹt chẳng chịt. Ngày cũng như đêm. Anh chồng khổ tâm vì cái bụng của vợ bao nhiêu, buồn bực vì những đêm vợ xuống khỏi giường, mò mẫm đi trong xưởng bấy nhiêu. Con giận của anh như một cơn sốt định kỳ. Lúc nghi dẹt, không thấy có cơm ăn, thấy vợ vươn bụng hút thuốc phi phèo chọc cười cho thiện hạ, anh túm vợ đánh lấy đánh để rồi chui vào bếp vừa nấu cơm vừa khóc. Anh ghen với tất cả mọi người trong xưởng. Ai cũng có thể là kẻ « cho mi một tô mì để ngủ với mi », « mi ham bản cải-lương, ham mấy điếu thuốc hút của nó, mi đem cái bầu của mi cho nó đầy vò ».

Hai-Rạng nhiều lúc bực mình về anh chồng. Hấn bảo vợ :

— Nó ăn nói bậy bạ vậy mà không biết mắc cỡ.

— Bộ anh bị nghi sao anh kêu người ta bậy bạ.

Kiều gắt chồng. Kiều vẫn quen không muốn ai nói xấu vợ chồng chị điên. Lòng thương vợ chồng chị không rõ rệt nơi lòng Kiều nhưng lòng ghét mọi người trong xưởng, mỗi ngày mỗi đậm mãi. Những lúc nom họ bỗng đứng bỏ về lãnh đạm, cười cợt với nhau chuyện chị điên, Kiều không muốn nhìn họ lâu. Từ ngày ở đây, Kiều vẫn có nhiều lúc bực tức bâng quơ. Sẵn những bộ mặt ít thân thiện, Kiều hướng mọi tức bực vào đó. Dù chỉ hướng vào họ để mình ấm ức thêm. Có đôi lúc ở dưới bếp, thấy những người đàn ông — trong đó có Hai-Rạng — ra khỏi xưởng, vào xem các món ăn vợ nấu, Kiều cũng khó chịu vu vơ. Nỗi khó chịu đó không còn do người khác, mà do cảm tưởng mơ hồ vợ chồng mình giống mọi người khác nghèo hèn. Nhưng vào các bữa ăn, đã ngồi bên chồng con, Kiều ít làm Hai Rạng phật lòng. Kiều hiểu những sợi vải dẹt hết ngày này sang ngày khác, những ngày nọ dẹt ngày kia chỉ để Hai-Rạng có sự khoan khoái khi đứng dậy, vươn vai vắn người cho xương kêu rôm rốp và khi được ngồi dềnh dàng xuống mâm cơm. Những lúc sau bữa cơm, bên Hai Rạng nằm gác chân lên thành khuôn, Kiều ôm con, Kiều thấy gần chồng nhất. Cây số 8 và làng Hai Rạng chẳng gì còn lại nơi Kiều, ngoài giọng hò Kiều bắt chước mẹ và chi đề ru con Sài-Gòn cũng chẳng con gì ngoài Hai-Rạng đang nằm bên Kiều. Trong lòng Kiều nếu còn, chỉ còn miền đất ở ngoài cái lằn xanh xanh cuối mặt biển của thàng Đồn.

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LẬY

PHẦN THỨ HAI

3 | Buổi sáng non, mờ nhạt như màu trắng của đêm, như một vết thương chưa lành vừa là sự khởi đầu vừa là sự nối tiếp, Thuận thức giấc. Nỗi niềm thao thức bỏ lại trong đêm vừa qua, sớm mai còn mới như một ký ức sạch không. Một huyền hoặc, một hứa hẹn lừa dối. Tôi đã trở dậy nhiều lần trong sớm mai tinh sương, từ trong giấc ngủ mịt mùng vây kín như đường hầm ngõ chui ra một khoảng quang đấng mở cửa lên ra khỏi nhà, đi trên đường thoát xa những ngày cũ, nhưng rồi buổi mai tan mau vào ánh nắng; ánh nắng khô khan soi tỏ hình dạng sự vật, nhắc nhở sự kế tiếp của quá khứ và hiện tại, và tôi phải trở về ngủ vùi, ngược trở lại hầm tối. Nhưng dù sao những buổi sáng sẵn là những thời khắc mong ước bắt gặp với ảo tưởng thoát bỏ được mình trong dĩ vãng, những ý nghĩ, ám ảnh, luôn cả hiện hữu nữa... Tôi đi trên đường xóm, cơn gió thổi đùa trên hoa cỏ cây lá mới, trong những khu vườn im ắng xa dài, ra khỏi xóm làng tới khúc kinh dờ nước mọc khít khao như một bức màn, ngồi trên cây cầu gỗ, ngó về phía bung jầy xa tít. Nay tôi đi trong các đường phố còn màu xám trên cái mặt nhà, vỉa hè rác rưởi, vắng xe cộ, rộng thênh thang; những tiếng động thưa thớt lẫn trốn trong thành phố như cao lớn thêm; tới các khu chợ náo nhiệt mà ngày bắt đầu từ hai ba giờ khuya... Buổi sáng như một nỗi quên lãng thoải mái, là lúc bắt đầu dần dần phải nhớ lại. Phải nhớ lại để trở về sau khi đêm dài đã nghiền nát sự sống thành kỷ niệm, mai sáng khục hồi cố gắng một cơ hội làm lại tất cả. Làm lại tất cả?

Tôi vẫn tự hỏi có được không và tôi bất lực. Chỉ còn là một trí tưởng tượng bị tri kéo và hủy hoại bởi chính những ảnh tượng do nó tạo ra. Và những sớm mai như những huyền hoặc tuyệt vọng của tưởng tượng. Thuận cũng đã thức dậy trong cái màn sương truyền hoặc ấy. Cả Diệp và cả tôi nữa. Chúng tôi mở mắt và nhìn thấy như buổi sáng chết treo khắc khoải, hấp hối đợi chúng tôi vùi chôn, những buổi sáng không còn tương lai nên trở thành bất tận và vĩnh cửu. Đó là hiện tại miên man ngưng đọng.

Tiếng vó ngựa của chiếc xe thồ mộ chạy ngang hướng về chợ, lanh lảnh lọc xọc, chiếc roi mềm nện lên mái tôn xe, tiếng chẹt lưỡi trong miệng đồ dành của người xà ích. Một chiếc xe dò nò không cho ấm máy, xa hơn nữa, tiếng rào rào kỳ lạ. Thuận không thề ngồi dậy ngay, một cánh tay ê ẩm vì bị đè nặng trông đêm, trán nhẹ bâng như một thỏi gòn bay trong gió, giấc chiêm bao vỡ đọng thành những vũng cảm giác trên thân. Thuận gặp những gì trong giấc ngủ? Tôi được nhìn thấy như thế nào trong mộng của Thuận? Tôi là cái bóng đen theo đuôi trên những quãng đường vắng vẻ trong những buổi chiều thấp vàng như nghệ, những đêm sâu như lũng tối. Thuận hỏi đũa nhỏ hung dữ: tại sao nhiều người yêu tôi làm vậy? Mỗi một tình yêu như một sợi dây siết chặt lấy cõ tôi... Buông tha cho tôi. Tôi không buông tha, tôi tảo bạo đến ngông cuồng, níu lấy vai Thuận-Sự sợ hãi làm cho Thuận yếu mềm đi như một cành cây gãy, nàng ngồi xuống ghế và mờ hôi vãi lấm tấm. Còn tôi, tôi chết sững trong mớ cảm xúc rối bung của tôi. « Không .. Trí... Không... » Không, chị Thuận, không... Thuận nằm yên trên giường, ngó qua mùng gặp ánh sáng cố che giấu của ngọn đèn trên bàn viết. Hiệp ngồi đó tự bao giờ, phơi tấm lưng trần về phía giường, hý hoáy viết.

— Máy giờ rồi anh

— Năm giờ. Còn sớm...

Thuận nhồm người lên, vén mùng, thả chân thỏng xuống đất, đưa móng tay trở về những đường viền vòng vào lưng Hiệp, Hiệp nhột rùng mình, bấp thịch giật co rút. Thuận ghé qua vai Hiệp nhìn vào tờ giấy trên bàn và đọc thấy tên Kim. Kim — cái tên chỉ là một âm vang kêu khôn. Hiệp viết những gì cho Kim? Hay Hiệp vẫn còn nằm trên giường, ngủ thanh thản, không hay biết Thuận đã khóc-Thuận xuống sân, trời còn một con trăng muện lẻ loi không thấy sao, cúi đầu vào trong « phuy » nước lớn. Buổi sáng đó trời xa như đáy giếng sâu và vọng lên những tiếng gọi hun hút, tôi nhìn qua cửa sổ thấy như đã sáng bạch. Trên lối đi, tiếng bước chân nhộn nhạo, người ta tập hợp sang châu thành biểu tình, ngoài bến những chiếc dò máy của quân đội nổ ầm ỉ đến rước dân làng. Thuận chỉ nhìn thấy con trăng lẻ loi, nghe vang vọng trên trời những chuyển động của một đám đông đang tụ tập. Nàng nghe tiếng Hiệp từ trên nhà:

— Đi uống cà phê không em?

Những ngọn đèn khắp trong nhà được bật lên, Thuận ngấm mặt trong chậu nước đầy, nghe lỗ tai lũng bùng và người như lơ lửng. Buổi sáng bỗng nhiên hoang

vắng lạnh lẽo như trên bãi biển im lìm lúc mặt trời sắp mọc ; trong phút ấy, hồi ức bị xô đẩy và kỷ niệm bị trấn áp, tiếng thì thào ngoài khơi xa. Hiệp đã thay xong quần áo, bảo cho Thuận biết mẹ xuống Sài Gòn; có lẽ muộn mới về và sẽ mang theo một sự ngạc nhiên cho Thuận. Thuận cười lơ đãng, điều gì sẽ làm cho em ngạc nhiên ? Nàng chải tóc, hình dung ngày sẽ đến trống trải thờ ơ như bước chân chậm chạp đi quanh. Hiệp lại muốn kêu Diệp tới cho có người trò chuyện. Thuận phải nói : Phiền, em ở nhà nột mình cũng được.

Ngoài đường, đèn còn sáng cùng với ánh trăng trải mỏng trên lộ. Đốm thuốc trên môi Hiệp cháy lập loè. Hai người đi về phía chợ tại công trường trước nhà việc thị xã, xe vận tải quân đội đổ xuống dân các quận về họp mít tinh. Quần áo bà ba đen lẫn lộn với bóng tối, biểu ngữ vải trắng còn cuốn chập xung quanh gậy. Người ngồi không thành hàng lối ngay trên mặt lộ, trên lề trước hàng ba các cửa tiệm còn đóng, trên các ghế đá, bãi cỏ trên công viên, lan tràn di động mập mờ trong một khoảng giới hạn vô hình, tiếng kêu gọi la ó inh ỏi. Thuận nắm chặt tay Hiệp, len lỏi đi vào giữa đám đông hỗn độn, lòng bàn tay xám xấp mồ hôi, ngực hồi hộp kinh dị. Bất thành linh mọi người có thể đứng dậy vây kín reo hò và mình bị tràn ngập mất hút. Hàng quán đầu chợ, nơi bến xe đều đã mở cũng ồn ào. Đây quán cóc kế cận chỗ xe đò, đèn măng xông xanh biếc. Tôi đặt chân lên bến từ chuyến đò thứ nhất chỉ có mình tôi và người trèo trên một giòng nước thẳm lạnh mênh mông. Trên các góc cao của mặt tiền nhà việc, loa phóng thanh bắt đầu mở ọ ẹ, kêu inh lên khắp phố như một tiếng kèn xe. A lô, a lô, một hai ba, một hai ba, nghe rõ chưa? A lô... gió từ sông lùa vào, đẩy vào lưng tôi đi tới. Thuận và Hiệp ngồi ngay bàn tròn ngoài hè cùng ông Pháp và một người đàn đờ đi chợ., đầu vấn khăn, co một căng trên ghế-phía trong tiệm đông ních, ánh đèn chiếu trên các mặt gương gắn quauh đường viết chữ kê các thức ăn uống, đầu người lô nhô (các bạn hàng, tài xế, lơ xe), chú phở ky tàu bưng khay dờ cao khỏi đầu len lỏi quanh co giữa các bàn. Thuận đối diện với ông Pháp, nghe ông nói về chăm chú

— Công phu tôi mần bao nhiêu năm, thằng đó phá hết... Mang tiền đi cho mấy con điếm, chúng ăn rồi chúng cười cho... Tụi đó biết mần ăn gì đâu. Có coi, hai ba con vợ mà đờn nào tối ngày chỉ ngồi lo bôi móng tay, móng chân không hà. Cỡ đó, một cái trường tới năm cái trường chúng ăn cũng hết. Tôi vô phước mới sanh thằng con hiếu tử. Nói nó là nó gây gờ hăm he, tức muốn nồ ruột. Kỳ này là tôi thừa nó, không cha con gì nữa, coi xem nó có dám chém tôi không.,.

Ông Pháp vẫn còn tặc nói lớn, tôi ngồi bên quán cóc cách một con đường nhỏ cũng nghe rõ. Chừng như chỉ mình Thuận trông thấy tôi, nàng quay nghiêng về phía Hiệp. Trí óc Hiệp đề đầu đầu, anh gấn một nụ cười nửa miệng trên môi. Ông Pháp vừa nói vừa làm cử chỉ nóng nảy bực tức ; Hiệp và Thuận yên nghe. Ông không còn làm hiệu trưởng nữa, con ông đòi trường lại, hứa sẽ thanh toán dần hằng tháng món tiền ông bỏ ra xây cất thêm lớp học nhưng hai ba tháng rồi không thấy tiền đâu.

— Nó ăn xài như vua ... Nó là ông già tôi chứ không phải là con tôi ... Rồi ông coi, hư hết. Chừng đó nó lại kêu ông già này ... Tôi buồn lắm ông Hiệp à. Cô tính coi làm cho ai. Ít năm nữa vợ chồng tôi chết còn lại nó chứ ai ... Nó bắt kẻ trời đất quỷ thần vào đâu hết ... Nó chỉ biết đội đầu mấy con diêm.

Loa phóng thanh mời mọi người tập hợp thành hàng ngũ. Trong các hàng quán kéo ra một ít người hối hả chạy về phía mít tinh. Chuyển xe đồ đầu tiên, khoang sáng thưa khách, nhận kèn rời bến. Thuận hoang mang, ngó Hiệp cầu cứu, Hiệp còn mãi nghĩ đến chuyến đi Sài Gòn trong ngày. Anh hãy ở lại hôm nay, tối nay, tối nay trời có thể mưa lớn anh có thể không về được và không khi nào còn gặp được em nữa. Trên phía nhà việc, buổi mít tinh đã bắt đầu bằng giọng gay gắt cố ý nghe chói ráy. Nhiều lần tôi tính đứng lên bỏ xuống Sài Gòn cho sớm, nhưng tôi cứ ngồi nguyên chỗ rình rập Thuận. Mày điên rồi Trí, mày điên rồi Trí. Tôi chỉ có thể nhìn Thuận như thể mãi trong một khoảng cách vời vợi chập chờn và tôi quên hết được mọi sự. Điều quan hệ hơn hết tôi quên được cái óc tôi. Cái đầu óc bất cứ lúc nào cũng vận chuyển âm i như một cái máy chạy không chẳng để làm gì cả. Đám đông hô khẩu hiệu từng nhịp ào ào. Hoan hô, đá đảo âm ỹ. Âm thanh vang động trong bầu không khí nhẹ ban mai có dội vào trong ngực trống rỗng của Thuận ? Cuộc mít tinh càng tăng vẻ dữ dội, tôi nghe nặng nề hai bên màng tang.

Ánh ngày tỏ dần trên đỉnh những cây cao trên đồi, dãy mái nhà bên kia đường phố như thấp rộng thêm. Xe đồ, xe lô năm phút một chuyến đưa bọn học trò và đám dân thầy đi làm việc dưới Sài Gòn, xe nào cũng chật chỗ. Hiệp và Thuận đã ra đứng chỗ chuyển xe lô đầu sửa soạn khởi hành, các cửa mở đón khách, Thuận nắm cánh tay Hiệp không nhận được một rung động nào, anh hết yêu em, em chỉ còn là cái bóng ? Em bằng lòng làm cái bóng, nhưng ánh sáng đã tắt ... Anh còn nhớ không ? Anh còn nhớ... Chị Thuận, không phải mình tôi. Còn những vùng trí tưởng tượng của tôi không tới được, không vào được, nó tan thành khói sương, tan thành những vang vọng âm u ... Tôi chỉ biết ... Phải chăng tôi muốn chiếm đoạt, muốn xâm nhập vào một thế giới không của tôi để tìm cho đủ những hình bóng có thể của tôi như Hiệp theo đuổi Kim, theo đuổi Phương ? Hiệp đã vào trong xe, nghiêng đầu ra cửa hẹn Thuận: Một sự ngạc nhiên cho em. Mặt Thuận nhập nhòa, em cũng có một ngạc nhiên cho anh. Chuyển xe chở Hiệp phải chạy vòng vào phố hẹp tránh đám mít tinh, Thuận đứng ngây một chỗ, mặt nàng hướng về phía tôi, khuôn mặt thấp thoáng giữa một đám đông tản mác đi lại như rối. Cuộc mít tinh sắp vãn, một số đông đổ về hướng chợ, che khuất Thuận. Tôi đứng dậy.

Thuận đi lẫn vào phố bên hông chợ, bến xe lôi lambretta thò mọ, không về nhà mà vòng ra bờ sông. Nàng đi trên lối mòn, sau hàng cây, tà áo đen phất gió, không ngó lại sau, nàng biết tôi theo rồi ở một bên đường, Thuận rẽ vào con đường đất nhà Diệp và gặp Diệp vừa ra khỏi cửa tay ôm cặp sách. Họ đứng nói chuyện vài phút, rồi

Thuận tiếp tục cuộc đi dạo của nàng. Diệp đi ngược trở lại, chúng tôi ngó thấy nhau nhưng đều làm mặt lạ, quá vài bước Diệp còn liếc séo tôi. Tôi thản nhiên bước, con đường dốc dần như dẫn lên gặp các đám cây kín trên đồi. Tôi bước theo một niềm dẫn dụ âm thầm, như tiếng lá reo trên cao, buổi sáng như bị vây nhốt trong vùng mát mẻ thanh nhã của cây đồi lớn và những công thự của tỉnh. Tôi bước xuống thấp lúc nào không hay, gặp đám biểu tình đang tan hỗn độn và không nhìn thấy bóng Thuận nữa.

Thuận gài chặt cửa, gian buồng tối sẫm với ánh nắng bắt đầu lên ở ngoài các cửa đóng. Thuận đã nói với Diệp : Chiều cô có rảnh đến chơi, ăn cơm ... không có ai ở nhà. Diệp lập lại : Đôi mắt dữ dội và tuân phục chiếu thẳng vào Thuận như sự hỏi han không ngừng. Chị Thuận, tại sao chị ở đây, ở chỗ này, ở bên Hiệp trong cái tình lý buồn tẻ, trong gian nhà quạnh hiu đã có những người chết tự hủy hoại ? Đôi mắt như lưỡi gươm bén múa vờn bao bọc, hai bàn tay quơ quào vụng về như cử động không tự chủ. Chị Thuận, chị nói đi, nói đi... những gì ẩn dấu sau đời sống phẳng lặng của đôi lứa. Có gì đâu ? Không có gì. Chỉ có tình yêu rỗng không của một người đàn bà, tình yêu như một nỗi thất bại đau đớn nhất Hiệp trở về, nằm đó trong vòng tay như thân cây rỗng ruột oà đi, đi tới những ý nghĩ riêng tư của anh. « Không có gì đâu Trí. Tôi chỉ là người đàn bà tầm thường hiểu biết thân phận của mình. »

Thuận nằm dài, trên giường lăn trở qua lại. Nàng nhớ tới dĩ vãng, tưởng tới Hiệp ở nơi đó và tôi ở ngoài đâu xa không thấy mặt. Trong một cái nhìn suốt, lúc nào cũng tưởng tôi ngó được toàn thê sự vật, thực ra chỉ là một cảm giác mông lung mờ ảo. Tôi thấu tóm được hết nhưng hết thấy đều rơi vào trong sương mù kín đặc như cửa sò đầy tung ra tôi nhia thành phố lạ trắng xóa tôi đang ở trong và chưa biết một đường phố nào cả. Buổi sáng qua đi lúc nào Thuận không hay biết, gian nhà càng thêm yên tĩnh không bị khuấy phá Thuận thiếp ngủ đợi buổi chiều, đợi buổi tối, đợi đêm giữa đồ đạc và những ảnh tượng nàng phóng ra bay lượn trong không trung rơi rụng lả tả.

— Trí ơi, Trí ... Tôi nghiệp cho tôi. Tôi chỉ là một người đàn bà, người đàn bà chỉ yêu một người và bị hút trống hết đời mình ... Tôi không còn cả Định Mệnh nữa.

— Chị Thuận, em muốn nói với chị.

— Không ... Trí ... Không thề. Để tôi nói cho Trí nghe. Tôi nói cho nghe Hạnh phúc là một thói quen, sinh ra từ thói quen. Tôi được hạnh phúc, tôi quen làm một cái bóng, tôi không muốn hiện hình ra ngoài thói quen. Diệp ... Còn Diệp đó ... Trí thấy không ? Diệp yêu Trí. Trí còn trẻ và tôi già ...

— Không, chị Thuận ... chị nghe em nói ... một lần ... Nghe một lần này thôi.

— Tôi hiểu Trí ... đủ rồi. Trí không nói ... tôi hiểu Trí. Cám ơn Trí.

Thuận khóc vô tình trong giấc ngủ, ngực nàng bị đè nặng như có một bàn tay xa lạ đặt trên. Thuận trở dậy vào buổi trưa xế, không dám mở cửa, nàng tự giam mình bài hoải tuyệt vọng. Ngày và đêm dúi liền vào nhau không phân biệt, Thuận trông chừng tiếng động bên ngoài. Thuận tưởng như bị chìm xuống, tê dại vì hai bàn tay tôi níu chặt vai nàng. Lúc đó, lúc đó ... phải chính lúc đó ... tôi có những ý nghĩ man rợ, không hình thù, lẫn trốn trong sắc mặt, bộ dạng, tia nhìn? Và Thuận lúc lắc thân mình như nhánh cây sơ mềm yếu nhược. Thuận như nghe rõ tiếng kêu của tôi: Chị Thuận. Thuận thấy buổi mai non mờ nhạt đã lùi xa tít tắp lẫn vào dĩ vãng, nàng không còn trong ngày đó nữa, nàng ở một mình giữa nơi chốn không tên, bị đầy ải vĩnh viễn. (còn tiếp)

THANH TÂM TUYỀN

Nhà xuất - bản **SÁNG - TẠO**

ĐÃ CHO PHÁT-HÀNH :

- **BẾP LỬA** của Thanh-Tâm-Tuyền
- **VỠ BỜ** của Doãn-Quốc-Sỹ
- **TIẾP NỐI** của Trần-Thanh-Hiệp

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD **Bảo Hiểm**

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Douala

● VŨ BẢO

ADLAI STEVENSON



Ông đã chết trên vỉa hè như một kẻ không nhà nhưng dân chúng Hoa Kỳ đã khóc ông như một vị Tổng Thống của họ từ trần

Hình chụp 45 phút trước khi chết

Từ trước tới nay Hoa kỳ chỉ kính trọng những người đã thành công, nhưng gần đây Hoa kỳ đã biết tôn sùng một kẻ thất bại. Biệt lệ đó, Hoa kỳ đã dành cho Adlai Stevenson, người đã hai lần thất bại khi ra ứng cử Tổng-thống Hoa-kỳ.

Hình như cả cuộc đời Adlai Stevenson cũng là một thất bại. Nó được vẽ đau thương âm thầm của một kẻ tài cao không đạt vận, sức vào bậc chỉ huy mà giữ phận thừa hành, không tin những việc mình làm, mà vẫn phải làm cho kẻ khác tin mình, không than thở những nỗi bực rọc và tìm an ủi ở chính ngay những chua chát mà chính mình gánh chịu.

Ngay đến cái chết của Adlai Svenson

cũng khác thường. Ông đã đem cả cuộc đời ra phục vụ Hoa kỳ nhưng Hoa kỳ đã không được chứng kiến lúc ông lâm chung. Ngày 14 tháng 7 vừa qua trong một cuộc viếng thăm Luân-Đôn, ông đến đài Phát thanh BBC cho ghi âm một cuộc phỏng vấn, rồi cùng với bà thư ký riêng Marietta Tree đi tản bộ gần sứ quán Hoa kỳ. Bỗng ông ngã vật xuống, đầu đập lên hè. Một người gác cổng gần đó chạy lại, cởi áo ngoài làm gối lót đầu ông, bà Marietta Tree làm hô hấp nhân tạo, nhưng muộn quá rồi. Ông đã chết trên một vỉa hè, như một kẻ không nhà. Nhưng dân chúng Hoa kỳ đã khóc ông như một vị Tổng thống của họ qua đời.

Tại Luân Đôn thì hải ông được quần ngay trên bục mà vừa thán giêng năm nay ông đứng đọc điếu văn trước quan tài của Sir Winston Churchill, đề ca ngợi công nghiệp của người quá cố.

Tổng thống Johnson lên đài vô tuyến truyền hình, mắt đăm lẹ đề báo tin buồn : « Ngọn lửa làm sáng rực những ước mong và hy vọng của cả thế giới nay đã tắt » Phó Tổng thống Hubert Humphrey cầm đầu một phái đoàn đi rước thi hài về, quần tại Nghị-viện tiểu bang Illinois mà ông Stevenson đã từng làm Thống-Đốc. Đề tỏ lòng ngưỡng mộ ông Stevenson, người ta đã đặt ông nằm trên cái bàn gỗ sồi mà cách đây đúng 100 năm dân chúng Hoa-kỳ đã đặt quan tài tổng thống Abraham Lincoln.

Ông Stevenson sinh ngày 5 tháng 2 năm 1900 tại Los Angeles. Ngoại tổ của ông là cố vấn cho Tổng thống Lincoln, ông nội của ông, cùng mang tên Adlai Stevenson, đã từng làm phó tổng thống Hoa Kỳ vào năm 1892 dưới thời tổng thống Cleveland. Cha ông vừa là một luật sư vừa là một nhà báo.

Con người sau này nổi tiếng là học rộng biết nhiều lúc nhỏ chỉ là một sinh viên dưới trung bình. Năm 26 tuổi mới tốt nghiệp trường luật, ông Stevenson sang Genève học một năm rồi trở về Chicago mở văn phòng luật sư.

Ông ta lấy bà Ellen Borden, được 3 đứa con trai nhưng tới năm 1949 thì hai vợ chồng ly dị nhau vì không hợp tính tình và từ đó tới nay cả 2 người đều ở vậy.

Trong thời kỳ chiến thứ thế hai, ông làm cố vấn đặc biệt cho bộ trưởng hải

quân Frank Knox, sau đó, cho bộ trưởng ngoại giao Stettinius. Ông là nhân viên của phái đoàn Hoa kỳ tại Hội nghị Cựu kim sơn thảo ra Hiến chương Liên Hiệp Quốc. Năm 1948 ông được bầu làm Thống-đốc tiểu bang Illinois và giữ chức này trong 4 năm.

Năm 1952, ông Stevenson được đảng Dân chủ chọn làm ứng cử viên ra tranh cử tổng thống với Đại tướng Eisenhower người của đảng Cộng hòa. Ông đã tổ chức cuộc vận động một cách hết sức chu đáo tỉ mỉ. Ông cặm cụi ngồi viết lấy từng bài diễn văn, không nhờ ai hết. Và còn vài phút trước khi đọc, ông vẫn còn ngồi sửa lại từng câu từng chữ với một cái bút chì lúc nào cũng vót nhọn hoắt. Ông có một lối nói dễ truyền cảm, một thứ hùng biện nhẹ nhàng thí dụ như khi nhận ra tranh cử, ông tuyên bố là sẽ « nói để dân chúng Hoa kỳ rõ không có thắng lợi nào là không vất vả và chúng ta đang ở giai đoạn những quyết định lớn lao nhưng không phải là những quyết định dễ dàng ». Đôi khi ông chằm biếm một cách rất tế nhị, như đề trả lời những sự công kích của đảng Cộng hòa : « Nếu các bạn bên đảng Cộng hòa ngưng nói dối về chúng tôi thì chúng tôi sẽ ngưng nói thật về các bạn ». Ông được các giới thanh niên trí thức hết lòng ủng hộ nhưng ông đã thất cử. Đại tướng Eisenhower mặc dầu vận động tranh cử một cách hết sức nhạt nhẽo vì ông ta không phải là một nhà chính trị, chỉ biết cười hềnh hếch như tài tử Maurice Chevalier, cũng đã thắng phiếu một cách mạnh mẽ Dân chúng Hoa kỳ đã nhìn thấy ở Eisenhower người anh hùng của thế chiến

thứ hai, một anh hùng vừa tầm thước với họ, ăn nói nôm na như họ, và có những nét khờ khạo như họ. Còn Stevenson thì tế nhị quá, trí thức quá. Loại người đó, Hoa kỳ đặt cho biệt hiệu là egghead (đầu quả trứng) nghĩa là những nhà học giả. Mặc dầu dân chúng Hoa kỳ nhìn vào máy vô tuyến truyền hình thấy Adlai Stevenson đi giầy thủng để họ chỉ cho đó là một người ăn mặc cầu thả, chứ không tìm thấy ở Stevenson một nét gì bình dân giống họ. Không. Stevenson xa vời quá, Stevenson không phải thuộc « tụi chúng mình ».

Ấy là chưa kể Stevenson vừa ly dị vợ, người Hoa kỳ không muốn đặt vào Bạch cung những ứng cử viên không có một đời sống gia đình bình thường.

Và Stevenson đã thua. Các phóng viên hỏi cảm tưởng của ông khi thất trận, ông đã có một câu trả lời rất thú vị : « Tôi đã lớn quá rồi không thể khóc được nhưng mà cũng đau quá rồi không thể cười được ! » (I am too old to cry, but it hurt too much to laugh).

Năm 1956, ông lại ra tranh cử lần nữa với Eisenhower. Nhiều bạn bè khuyên can ông nên nán chờ đến kỳ bầu phiếu năm 1960, vì chưa tới lúc thắng được đối thủ Eisenhower, dân chúng Hoa kỳ có thói quen bầu cho tổng thống tại chức vừa hết nhiệm kỳ. Nếu thua năm 1956 nữa thì sẽ mất hết các cơ hội trở nên tổng thống Hoa kỳ. Nhưng ông nhất định không chịu. Ông nói « Là lãnh tụ một đảng thì không thể chỉ phục vụ cho đảng khi nào có lợi cho mình mà phải là phát ngôn viên các nguyên

tắc của đảng trong mọi trường hợp bất kể thắng hay bại ».

Và ông lại thua. Eisenhower, vị Tổng thống « nửa buổi » (part-time president) ham đánh golf hơn ngồi bàn giấy, với một cuộc vận động tranh cử nhạt nhẽo hơn lần trước, lại thắng. Thắng rồi, Eisenhower còn quên cả một cử chỉ lịch sự sơ đẳng là đánh điện ca ngợi đấu thủ của mình.

Cũng trong kỳ tranh cử này, Stevenson đã làm mất lòng ông John Kennedy vì John muốn đứng cùng danh sách đề ứng cử phó Tổng thống nhưng Stevenson lại chọn đứng với thượng-nghị-sĩ Ke-fauver.

Đến năm 1960 thì Stevenson không còn nghĩ gì đến chuyện ứng cử nữa. Gần đến ngày Đại-hội đảng Dân chủ bạn bè thân tín tìm đâu cũng không thấy ông. Chạy về tới cái trại của Stevenson ở Libertyville thấy ông ta đánh cái quần short rách, nằm dài phơi nắng. Lôi ông ta ra đại hội, ông miễn cưỡng đi theo và đại hội trước sự lưỡng lự của ông đã chọn John Kennedy.

Hai người tuy không ưa nhau nhưng đối với nhau vẫn rất mực tương kính. Kennedy lên làm Tổng thống rồi, đã bổ nhiệm Stevenson làm Đại sứ Hoa-kỳ tại Liên Hiệp-Quốc. Thực ra Stevenson đã muốn được làm ngoại trưởng, nhưng Kennedy lại cử Dean Rusk, và Stevenson âm thầm đi nhận chức tại Nữu ước. Thế là tài ba làm tổng thống nếu không « hữu dư » thì cũng chẳng thua kém ai vậy mà hai lần phải làm ứng cử viên « bất túc » ! Thất bại rồi nhưng mong

làm ngoại trưởng đề có thể đứng ra quan niệm và chỉ huy chánh sách đối ngoại Hoa kỳ, thì lại chỉ được làm một kẻ thừa hành chánh sách của người khác, đem tài ăn nói ra mà trình bày chánh sách đó với các nước hội viên Liên Hiệp Quốc.

Cái chết của Stevenson đã gây một sức động lớn lao không phải vì người chết đi đã là một Đại sứ. Trên đời này có biết bao đại sứ sống hay còn dân chúng nào có đề ý. Nhưng mỗi xúc động kia thực ra đã cùng mang tầm thước của con người Stevenson. Trước diễn đàn Liên Hiệp quốc, Trưởng phái đoàn Cuba nhắc tới người đã khuất, đã tuyên bố như sau :

— « Đứng về phương diện chính trị Stevenson là kẻ thù của nước tôi, nhưng Stevenson là một kẻ thù khả kính vì Stevenson là một con người, một con người cao đẹp ».

Không biết sau khi nhận được một lời khen tặng như vậy từ miệng một kẻ thù bất cộng đái thiên, dưới suối vàng nụ cười của Adlai Stevenson có bớt nét chua chát đi không ? Nhưng có điều chắc chắn là khi còn sống Adlai Stevenson quả là con người cao đẹp vì trong con người đó có 3 nét chính hết sức đáng yêu :

- Tinh thần phục vụ
- Tinh nết trung hậu
- Tư tưởng khoáng đạt.

Điều gì đã khiến cho Stevenson sau khi không đạt được những cao vọng của mình, đã nhận những chức vụ thừa

hành và làm việc một cách mê say như vậy ? Đối với một người hai lần gần chỗ chỉ huy vận mạng Hoa kỳ, chắc chắn không phải là vì lương bổng hay địa vị. Thực ra Stevenson đã có một quan niệm rất cao về tinh thần phục vụ. Ông coi việc công như là một cứu cánh và lẽ sống của đời mình là làm việc công không vụ lợi. Nhưng cũng như văn hào Ted White đã có dịp nhận xét: « Stevenson tôn sùng công vụ bao nhiêu thì lại khinh miệt chính trị bấy nhiêu. Nhưng công vụ với chính trị liên hệ mật thiết với nhau như tình yêu và sắc thịt. Thái độ của Stevenson đối với chính trị chẳng khác nào thái độ của một người coi tình yêu như là phần cao quý nhất của tâm hồn còn những động dao sắc thịt là cái gì bần thiêu nhất. »

Bị dầy vò giữa những ý nghĩ trái ngược đó, ông đã đem hết tài trí thay mặt nước mình tại tổ chức Liên Hiệp Quốc và đã đem lại cho đa số các nước hội viên hình ảnh của một xứ Hoa kỳ khả ái ngay giữa những trường hợp tế nhị nhất mà lập trường của Hoa Kỳ thật rung rinh. Vai trò khó khăn đó nhiều khi đã đưa Stevenson đến chỗ bế tắc và lần nào cũng vậy, ông âm thầm chịu riêng về phần mình những vết thương tự ái, không kêu la và thứ nhất là không khoe khoang.

Lần thứ nhất là dưới thời Tổng-thống Kennedy, và nhân vụ Cuba. Cơ quan CIA ngầm tổ chức cuộc đồ bộ nhưng không ai hỏi ý kiến hay cho ông Stevenson biết. Trước diễn đàn Liên-Hiệp Quốc Stevenson đem hết tài hùng biện, mang cả những bức ảnh ra làm

bằng đề chứng tỏ rằng những máy bay ném bom Cuba là do những người Cuba cầm lái: họ đã muốn phá hủy những phi trường trước khi trốn ra nước ngoài. Nhưng chỉ hai ngày sau là cuộc đổ bộ lên Cuba thất bại và chính tổng thống Kennedy đã phải thú nhận rằng các máy bay đó là của Hoa kỳ và đã được nguy trang. Tội nghiệp cho Stevenson không còn biết ăn làm sao, nói làm sao nữa.

Lần thứ hai là dưới thời Tổng thống Johnson với vụ quân đội Hoa-kỳ được phái tới Dominique. Ông lại phải bênh vực lập trường của Bộ Ngoại-giao là Thủy quân lục chiến Hoa kỳ hoàn toàn vô tư chỉ tới để bảo vệ kiều dân, duy trì trật tự chứ không ngả về phe nào cả. Trong thực tế thì ai cũng biết là quân đội Hoa kỳ có nhiều thiện cảm với tướng Imbert. Sau này trong một phút tâm sự với ông Harriman 5 ngày trước khi chết, Stevenson đã nói: « Sáu tuần lễ bênh vực lập trường đó ở Liên Hiệp Quốc làm tôi giảm thọ tới vài tuổi ».

Một người khác ở địa vị Stevenson, phải nói những câu người ta muốn mình nói, phải nói cả những câu mà có lẽ chính mình cũng chưa tin, một người khác có thể đóng sầm cửa trả lại chức vụ mà ra đi hay đập bàn tuyên bố vài câu cho hả tức. Nhiều bạn bè đã sui ông không nên liên đới với những điều trái ý đề mà có thể bảo vệ lấy tương lai chính trị của mình. Nhưng Stevenson đã không làm. Vì ông vốn là người trung hậu. Ông ta không muốn tổng thống Kennedy hay Johnson lại gặp khó khăn hơn trong những vấn đề tự nó đã đủ nhức

đầu. Nói ra thì chỉ tự ái của ông được thỏa mãn, nhưng nói ra thì những vấn đề mà Hoa kỳ phải đối phó lại càng không thể nào giải quyết nổi. Thế là ông cam chịu lấy một mình cho đến khi cái chết của ông bao phủ một sự im lặng hoàn toàn lên trên các việc cũ và càng làm cho cử chỉ trước đây của ông thêm cao quý. Thành ra khi ông ngã vật trên vĩa hè Luân-đôn, bác sĩ đã cho là do một bệnh tim, nhưng thật ra là do một tâm bệnh mộ mỗi uẩn khúc chỉ có mình ông hay và ông đã mang theo để chỉ có riêng mình ông biết.

Ngoài những đức tính đó, và trên cả những đức tính đó, ông Stevenson lại còn là một người có tư tưởng hết sức khoáng đạt. Ông biết nghi ngờ nên không khẳng định, ông chấp nhận mọi sự dị biệt trong một tinh thần hết sức cởi mở. Khác với 80 phần trăm dân chúng nước ông, ông không tin rằng « trật tự Hoa kỳ » « dân chủ Hoa kỳ » là phải đem làm gương cho thế giới soi chung, sai tiêu chuẩn đó là hồng cần phải loại trừ, đúng tiêu chuẩn đó mới là vàng y đem lưu hành được. Ông đã từng tuyên bố: « Việc chúng ta phân phối vũ khí và tiền bạc cho thế giới cũng không cho phép chúng ta hăm dọa hay thuyết giáo. Chúng ta không đòi hỏi đồng minh chúng ta một sự đồng ý tẻ nhạt, mà một sự hợp tác bạn bè. Chúng ta không muốn họ là các vệ tinh mà là các chiến hữu. »

Sau Tổng thống Kennedy, ông đã là người giờ cao bó đuốc truyền thống Tự do của Hoa kỳ. Chúng ta hiểu tại sao dân chúng Hoa kỳ, nhất là những thế hệ trẻ rất kính trọng ông mặc dầu đời ông

là một chuỗi dài thất bại, tại sao họ say mê nghe ông nói và nhiều người đã òa khóc khi nghe chiếc máy điện tử hai lần trong 4 năm, đã lạnh lùng báo tin ông thất cử vì ngay tại Hoa kỳ đôi khi sự tầm thường cũng vật ngã tài ba.

Những lời nói sau cùng của ông ghi âm tại đài BBC đã được dành cho Việt nam nơi mà ông hy vọng hòa bình sẽ trở lại trong công bằng và danh dự. Những người theo dõi đài phát thanh hôm đó hẳn chưa quên dư âm thiết tha của một giọng nói được ghi 45 phút trước khi

nó tắt hẳn.

Đứng ra cảm ơn tất cả những người đã tỏ cảm tình với tang quyến, John Fell con trai út của ông Stevenson đã nghẹn ngào qua một giọng đầy nước mắt : « Tôi nghĩ rằng tất cả các quý vị đều rõ những công việc cha tôi đã làm Tôi chỉ muốn nói thêm cha tôi là một người cha rất tốt. »

Từ miệng một người con không đầy đủ tình mẹ, tưởng không có lời nào tóm tắt trọn vẹn hơn cuộc đời của Adlai Stevenson.

Vũ Bảo

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HÒA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)
GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

NGUYỄN VĂN TRUNG

VAI TRÒ, SỨ MẠNG CỦA NHÀ VĂN và nền văn-nghệ tôn-giáo

Ô. Nguyễn Văn Trung, chủ biên tạp chí *Hành Trình và Giáo sư Đại-Học Văn-Khoa Saigon* trả lời cuộc phỏng vấn của *Việt-Tấn-Xã* đăng trên *Bản tin VTX Thứ Bảy 21-8-65* (buổi sáng)

VAI TRÒ, SỨ MẠNG CỦA NHÀ VĂN

Hỏi.— Xin Ông cho biết trong hai năm qua tạp chí *Hành Trình* đã đóng góp những gì trong công cuộc xây dựng văn nghệ, văn hóa dân tộc ? 1) Về mặt tư tưởng ? 2) Về mặt sáng tác ?

Đáp.— Tôi nghĩ rằng mọi công trình sáng tác văn nghệ hay suy tưởng đều nhằm gửi tới người khác và ước mong được chấp nhận, hoặc ít ra được đón nhận với một niềm tin rằng những lời gửi đó là chân thực. Nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, hình như niềm tin trên ở nơi độc giả đã mất. Dân tộc này là dân tộc đã chịu mọi cực khổ vì chiến tranh, những xáo trộn, đổ vỡ về mọi phương diện từ 20 năm nay. Những khó khăn đó đã ngăn chặn sự phát triển của xứ sở, nhưng lại đưa ý thức chính trị của dân chúng đến chỗ trưởng thành. Những lừa bịp, lợi dụng đã quá nhiều và quá trơ trẽn không thể không làm cho người ta hoài nghi trước bất cứ một lời nói, hay một thái độ gì. Làm sao không hoài nghi khi ngay cả sự đối lập, phản kháng cũng có thể là bày trò, chiến thuật chính trị. Hoài nghi đến nỗi ngay cả việc vào tù bây giờ cũng không còn ý nghĩa *minh chứng* cho một cái gì cao cả như tranh đấu cho độc lập trước đây chẳng hạn.

Lời nói chữ viết đã rơi vào một tình trạng sa đọa, không còn là phương tiện trao đổi thông cảm, vì niềm tin vào sự chân thực là căn bản của tương giao nhân loại đã mất. Trước tình cảnh đó, những người sáng tác hay suy tưởng, nếu

cứ tiếp tục nói viết, thì hoặc là lời nói sẽ bị đồng hóa với cái ba hoa, loạn ngôn hoặc là sẽ bị xuyên tạc, hiểu lầm. Nhưng im lặng cũng không được, vì im lặng cũng là một thứ tiếng nói bày tỏ một thái độ, nên cũng vẫn bị hiểu lầm, nghi kỵ. Đành cứ phải nói, viết vậy và cố gắng làm sao gây lại niềm tin vào sự chân thực để ít ra được đón nhận. Với những ý nghĩ đó, chúng tôi cho ra tờ *Hành Trình*. Muốn gây lại niềm tin chúng tôi nghĩ rằng ngay tự chính mình phải liêm chính và chân thực bằng cách *nói thẳng* những điều mình cảm nghĩ — không quảng cáo âm ỹ — với những phương tiện nghèo nàn, trong tinh thần chỉ *đặt những vấn đề* liên quan đến hướng đi tất yếu của lịch sử đất nước, tiền đồ dân tộc, nhằm tạo một bầu khí chân thực (authenticité) về chính trị và gây một thức tỉnh chính trị về những vấn đề *dịch thực* của đất nước. Hai mục tiêu trên, chưa đưa đến hành động cụ thể nào, cũng chưa đi đến đâu cả, nhưng là điều kiện cần thiết là khởi điểm dịch thực của mọi hành động, tranh đấu dịch thực. Chúng tôi có cảm tưởng rằng những số *Hành Trình* đã ra, một phần nào đã góp phần vào việc gây thức tỉnh và bầu khí chân thực trên.

Hỏi. — Vậy theo ông trong giai đoạn này có phải những khó khăn về sinh hoạt văn hóa cũng giống những khó khăn về sinh hoạt chính trị? Sự suy đồi của văn nghệ phẩm về mặt sáng tác và xuất bản tại đây hôm nay có phải do trách nhiệm của người làm nghệ thuật không?

Đáp. — Đúng thế, và nếu cần xác định những đòi hỏi căn bản nhằm gây lại một sinh hoạt văn nghệ sống động, tôi cũng sẽ nói: phải *Chân thực*.

Đây một ví dụ: người ta thường trách một số nhà văn chỉ viết những truyện về đời sống Saigon xa hoa, truy lạc ở các phòng trà, tiệm nhậu. Tôi nghĩ rằng vấn đề đứng ra không phải ở đề tài này, hay đề tài kia, cuộc đời xấu hay tốt, nhưng ở chỗ nhà văn có nói lên được *cái gì* sâu sắc với một *cách* sâu sắc thể thôi.

Do đó nhà văn vẫn có thể viết về phòng trà, tiệm nhậu miễn là làm sao thể hiện được một chiều sâu suy tư, hay một nỗi niềm thắc mắc nào đó, một khát vọng nhân loại hay một phản kháng đau xót nào đó.

Hỏi: Nhận xét trên của ông có liên quan tới lẽ lối sáng tác của nhà văn. Như vậy theo ông nhà văn phải viết như thế nào để « nói lên được một cái gì sâu sắc », nói lên được sự chân thực? Sẽ dựa trên đề tài nào?

Đáp: Tôi có cảm tưởng hình như một số nhà văn của chúng ta quan niệm việc sáng tác một cách hơi dễ dãi hay tệ hơn nữa một cách tài tử! Có thể đã sống nhiều, nhưng ít chịu khó đề nhiều thời giờ đào sâu, suy tư và xây dựng lâu dài. Hoặc ít chịu khó đi tìm hiểu đến cùng những cảnh sống ngay trước mắt. Cần gì phải tìm đề tài ở đâu xa xôi. Cứ mở báo hàng ngày mục tin vật đô thành, đôi khi tìm thấy những tin có thể trở thành đề tài rất thú vị, quyến rũ, sống động. Chẳng hạn tôi nhớ có đọc cách đây ít lâu một tin: mấy cô gái giả làm trai phá rối ngoài đường và bị bắt. Tại sao lại giả làm trai? Câu chuyện có thể là một

tấn kích tâm lý, xã hội, rất cụ thể đặt biệt ! Nhà văn chỉ việc đến tại chỗ, điều tra ghi chú và suy nghĩ.

Không phải chỉ nhà văn, mà ngay cả những người biên khảo cũng vậy. Có mấy người kiên nhẫn đề ý thu thập tài liệu, tìm hiểu ghi chép để viết một cách nghiêm túc lịch sử Việt Nam trong 10 năm qua dưới chế độ Ngô-đình-Diệm chẳng hạn. Mấy cuốn sử vừa ra lại chỉ nói nhiều về những chuyện quanh Bà Nhu. Cho nên, muốn tìm đọc một cuốn sử viết trân trọng và đúng đắn một chút, phải chằng đành đợi đọc người ngoại quốc viết về sử Việt Nam vậy !

HIỆN TRẠNG VĂN NGHỆ, VĂN HÓA MIỀN NAM

Hỏi. — Ngoài những lý do liên quan đến lẽ lối làm việc của nhà văn, ông nhận thấy những nguyên nhân nào giải thích hiện trạng văn hóa, văn nghệ miền Nam ?

Đáp. — Ở trên, tôi đã nói đến đòi hỏi chân thực, như một điều kiện chủ quan. Bây giờ tôi xin xác định những điều kiện khách quan. Về phương diện này, tôi thấy một số khuyết điểm ở phía Chính quyền. Nhìn lại một cách phê phán sinh hoạt văn hóa, văn nghệ trong 10 năm qua, tất nhiên phải đề ý tới thời kỳ tương đối có nhiều điều kiện thuận tiện cho sinh hoạt văn nghệ (từ 1956-1960); từ 1961, sinh hoạt bắt đầu suy yếu, và sau biến cố I-II, thì do những bận tâm chính trị, những xáo trộn của thời cuộc không còn cho phép nghỉ hay làm văn nghệ nữa ! Vậy dưới chế độ cũ, khuyết điểm lớn lao là chưa hề đặt ra một chính sách văn hóa thực sự, hoặc có đặt ra, lại chỉ coi như một chiêu bài, đồng thời chính trị hóa văn hóa, lẫn lộn văn hóa và tuyên truyền. Khuyết điểm coi nhẹ văn hóa vì không thấy tác dụng chính trị của những công trình văn hóa thực sự. Cho nên bỏ hàng triệu ra để in truyền đơn, bích chương, mấy cuốn học tập chính trị, có lẽ được coi là thiết thực và hiệu nghiệm hơn là bỏ số tiền đó cho một người nghiên cứu sang Paris chẳng hạn để tìm kiếm sưu tầm một bản văn cổ chỉ liên quan đến sử học hay văn học.

Hỏi. — Tại đây từ nhiều năm nay vẫn có các tổ chức nâng đỡ các người làm văn nghệ, văn hóa như Trung Tâm Văn Bút, Văn Hóa Á Châu v.v... Những tổ chức này thường gửi người đi ngoại quốc nghiên cứu hay tham dự các hội nghị văn nghệ, văn hóa. Ông nhận định thế nào về các công việc làm đó ?

Đáp. — Đúng, ở đây có những tổ chức nâng đỡ người làm văn nghệ văn hóa nhưng những người được giúp đỡ, được gửi đi ngoại quốc không xử dụng đúng việc giúp đỡ và chu toàn sứ mệnh được gửi đi. Nguyên nhân chính tại thiếu tổ chức hợp lý. Một vài cá nhân chịu khó chầu chực, luồn lọt, dăng sáng kiến lên ông Cố Vấn, ông Bộ Trưởng, ông Giám Đốc, rồi được chấp thuận, giúp đỡ; họ về làm một mình hay với bè bạn, phe cánh. Thôi thế cũng được đi, nếu họ làm được việc. Nhưng thường chỉ là lạm dụng văn hóa để trục lợi, làm không ra gì, và sau cùng, hết tiền thì tan vỡ.

Thực ra dư luận không trách những người đó vì đã lấy tiền của chính phủ nhưng trách vì lấy tiền, mà không làm được việc, không làm văn hóa tốt. Ở hoàn cảnh một nước chậm tiến, nghèo nàn, cá nhân không thể làm gì lớn được và mọi mặt, mọi ngành sinh hoạt đều đòi hỏi có kế hoạch hóa, nghĩa là đòi hỏi sự can thiệp, giúp đỡ của Chính quyền.

Ngay cả ở những nước tiên tiến như nước Pháp, mà tư nhân cũng không làm gì được.

Một người danh tiếng như Sartre mà không ra nổi tạp chí « *Les Temps Modernes* », phải nhờ nhà Julliard xuất bản. Gần đây nhà xuất bản này buộc lòng phải đình bản tờ *Temps Modernes* và cả tờ « *Lettres Nouvelles* » do M. Nadeau phụ trách, vì không chịu nổi tổn phí. (1) Do đó, tôi nghi vấn đề không phải là nên lấy hay không nên lấy tiền của Chính quyền, nhưng là quan niệm đúng quyền hạn sự can thiệp của Chính phủ, và tổ chức hợp lý việc sử dụng tiền bạc thế nào để vừa làm được văn hóa tốt, vừa tránh được những lạm dụng, lợi dụng.

VĂN NGHỆ VÀ TÔN GIÁO

Hỏi.— Xin Ông cho biết tôn ý về một vấn đề khác mà tôi biết ông có thâm quyền trả lời, đó là vấn đề: *văn nghệ và tôn giáo*.

1) Xin Ông cho biết như thế nào là một nền văn nghệ theo chủ thuyết Xã hội Thiên Chúa Giáo?

2) Triển vọng của nền Văn Nghệ Thiên Chúa Giáo mới trong việc xây dựng Văn hóa Dân tộc và Văn hóa Thế giới?

Đáp.— Câu hỏi của ông làm cho tôi nhớ lại những điều tôi đã viết cách 3 năm, trong tờ « *Sống Đạo* » (số Sinh Nhật 1962) và đã gây một cuộc tranh luận sôi nổi giữa giới công giáo về đề « *Tại sao chưa có một nền văn nghệ Thiên Chúa Giáo ở Việt Nam* ». Trong mấy bài liên tiếp, tôi có xác định những điều kiện, nhận xét hiện nay thiếu những điều kiện đó, và sau cùng phải bắt đầu từ đâu để thực hiện triển vọng của nền văn nghệ Thiên Chúa Giáo ở Việt Nam. Vậy ở tôi xin miễn nhắc lại những điểm đã nói. Nhưng tôi muốn đặt một vấn đề: đã đành có thể có một nền văn nghệ Thiên Chúa Giáo, cũng như có một nền văn nghệ tôn giáo nói chung, nhưng do ai làm, có phải chỉ do những người công giáo, hay những người thuộc tôn giáo làm văn nghệ tôn giáo? Trên nguyên tắc thì đúng như thế; nhưng trong thực tế, lại không hẳn như vậy.

Nếu văn nghệ là tôn giáo không phải chỉ vì có nói đến Đức Chúa, Đức Mẹ Đức Phật, nhưng là vì đã lay động được tâm hồn người đọc, đưa họ vào những viễn tượng tôn giáo từ trần gian, cuộc sống vật lộn phàm tục, bằng những phương tiện

(1) Tờ « *Temps Modernes* » được nhà Gallimard cáo đóng.

nghệ thuật thì phải nhận rằng ít có tác giả tôn giáo thực hiện được quan niệm trên, vì thường các tác giả tôn giáo hay rơi vào quan niệm làm văn nghệ tôn giáo như làm văn nghệ đạo đức, lấy văn nghệ để truyền đạo, giảng đạo, làm gương tốt, và coi là văn nghệ tôn giáo chỉ vì đã kể chuyện đọc kinh, cầu nguyện có bóng dáng tu si, và tháp nhà thờ, chuông chùa... Nhưng tác phẩm sức inuì tôn giáo đó thực ra không phải tôn giáo mà cũng chẳng có giá trị nghệ thuật.

Tôi cho rằng có nhiều lối đi tới tôn giáo. Nếu muốn lấy văn nghệ làm đường đi tới tôn giáo, mà lại ít có thể tìm thấy trong những thơ truyện *công khai, chính thức* tôn giáo (vì những tác phẩm đó đã bày tỏ giải pháp rõ ràng hoàn tất, còn gì phải thắc mắc hay tìm kiếm hy vọng nữa đâu) thì thiết tưởng chỉ có cách thử đi tìm ở nơi những người làm văn nghệ không có tôn giáo. *Có một cách nói về con người, một lối nhìn cuộc đời không thể không đưa người đọc tới ngưỡng cửa tôn giáo, hay hơn nữa dắt dẫn họ vào những viễn tượng tôn giáo.*

Vậy bất cứ một tác phẩm văn nghệ nào thực hiện được mục tiêu trên đều đáp lại đúng những đòi hỏi của văn nghệ tôn giáo là gây thắc mắc tôn giáo, thức tỉnh tôn giáo và do đó có ích cho người theo tôn giáo. Người ta kể lại nhà văn Bernanos, trong những ngày hấp hối, đã không muốn nhận đọc cuốn «*Đời Chúa Giê su*» của Hồng Y Bérulle mà một linh mục đã trao cho, trái lại, đã yêu cầu vị linh mục đó gởi cho mấy cuốn truyện trinh thám vì Bernanos cho rằng xét về phương diện thiêng liêng «*hay hơn*» tác phẩm của vị Hồng Y.

Nếu được phép thõ lộ tâm sự, tôi cũng có thể nói những tác giả làm cho tôi thắc mắc và đi sâu vào tôn giáo chủ yếu không phải là những tác giả Công giáo mà chính là những tác giả vô thần như Nietzsche, Marx, Sartre, Camus, Merleau-Ponty...

Đối với tôi, họ là những kẻ phá vỡ, những người đập thủng cuộc đời này thành những chỗ trống, lỗ hổng. nhưng mọi lỗ hổng đều cho phép ta nhìn vượt khỏi cuộc đời này, nhìn lên trời chẳng hạn, như Bernanos nói qua lời Cha sở, nhân vật chính trong cuốn «*Nhật ký một Cha sở nhà quê*»: «*Mọi lỗ hổng đều mở lên trời.*»

Kinh nghiệm tiếp xúc với những tác phẩm vô thần, chống tôn giáo làm cho tôi phải suy nghĩ, thắc mắc, duyệt lại những niềm Tin của mình, ngược lại, đôi khi tiếp xúc với những cái Chính thức công giáo (lễ nghi, giáo sĩ, tác phẩm công giáo) lại chỉ làm cho tôi chán ngán và xa rời Công giáo vì tính cách chật hẹp, thấp kém, hình thức, kênh kiệu, tự đắc, tự mãn, của những cái chính thức công giáo trên.

Trong ý nghĩ đó, tôi cũng mượn lời của A Beguin một nhà phê bình văn học kết thúc bài thuyết trình: «*Chúng ta có một văn chương Thiên Chúa Giáo không?*» trong «*tuần lễ Trí thức Công giáo pháp năm 1953*».

«*Có một văn chương Thiên Chúa giáo không? Tôi chỉ thấy một trả lời, và nó thật là phi lý: vì tôi chỉ thấy những nhà văn không tôn giáo còn có can đảm lộ*



*Bà Maria và đứa bé trên lưng lừa
Giu-se dắt lừa... đó là cảnh chạy
trốn sang Ai-Cập. Tôi nghĩ tới cuộc
di cư vĩ đại...*



*Nỗi đau khổ của người đàn bà
khi người ta vừa bắt con mình.*

khuôn mặt của con người một cách khá chân thực để chúng ta có thể nhận ra khuôn mặt của Chúa Kitô hấp hối từ khuôn mặt nhân loại đó. Chỉ có họ còn biết tha thiết yêu thương cảnh lầm than kia để sự minh chứng của họ tựa giống cái hôn người phong hủi. Vậy chúng ta hãy kết luận bằng một câu nghịch lý này : « Có một nền văn chương Kitô giáo. Đó là nền văn chương của những người ngoại đạo » (Dieu dans la littérature actuelle. Monde Moderne et Sens de Dieu. trang 170)

Hỏi.— Ông có thể đơn cử một dẫn chứng cụ thể về tác phẩm có tính chất tôn giáo do tác giả không tôn giáo thực hiện không ?

Đáp.— Có chứ, và rất đặc biệt. Tôi muốn nói đến trường hợp cuốn phim về Chúa Kitô của Pasolini vừa hoàn thành cuối năm ngoái. Cuốn phim rất thành công, ngay cả ở giới Công giáo. Được giải thưởng của Ủy ban công giáo quốc tế điện ảnh, được 800 Nghị phụ họp Công đồng ở Roma ca ngợi. Pasolini không có ý làm một phim chống đạo hay truyền đạo, ông chỉ muốn giới thiệu Đức Kitô từ những cái nhân loại như Pasolini đã nói : « Bà Maria và đứa bé trên lưng lừa, Giuse dắt lừa trong thung lũng nghèo nàn vùng quê đó là cảnh chạy trốn sang Ai-cập : Tôi nghĩ đến cuộc di cư vĩ đại của những người Cộng hòa Tây ban nha sau nội chiến. Những người vô tội bao giờ cũng phải trả giá đắt. Làng xóm có vẻ thanh bình, nhưng « cái chết vẫn rình mò định xâm nhập »

« Cuộc chém giết những trẻ nhỏ do lệnh Hérode. Những binh lính của Hérode mặc sơ-mi đen. Một số còn đội mũ phát-xít. Một số khác đội mũ kiêu lính Hitler. Đó cũng là sự đặc thắng của kẻ mạnh chống lại kẻ yếu. Từ bao giờ vẫn cuộc chiến đấu đó và cũng vẫn những kẻ chiến thắng đó ».

Hay « Nỗi đau xót của người đàn bà khi người ta vừa bắt con mình. Chính Mẹ tôi đã đóng vai Maria. Bà không cần phải cố gắng mới khóc được. Cách đây hai mươi năm, bà đã mất một đứa con trai vì chiến tranh. Cả nỗi đau khổ của người mẹ cũng không bao giờ hết được ».

Tôn trọng sự chân thực, Pasolini không cần sang Palestine, nhưng xuống miền nam nước Ý nghèo nàn để thực hiện những cảnh mô tả trong kinh thánh, ông cũng không nhờ đến những nghệ sĩ chuyên nghiệp, nhưng nhờ những người thường thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, chẳng hạn như một anh lái xe vận tải đóng vai Judas một thi sĩ Công sản và i thánh Jacques.

Người anh rể nhà văn nổi tiếng Moravia vai Joseph, còn Maria là chính mẹ Pasolini.

Hỏi.— Tác phẩm điện ảnh kể trên đã thành công trong việc biểu hiện tính chất tôn giáo nhờ những yếu tố nào ?

Đáp : Nhận xét của Ủy ban Công giáo điện ảnh quốc tế bày tỏ rất đúng ý nghĩa và mục đích cuốn phim : « Không chối bỏ ý thức hệ của mình, tác giả đã thể hiện một cách rất trung trực và đầy tính chất nhân loại sứ-điệp xã-hội của Phúc Âm... và tôn trọng đầy đủ chiều cạnh linh thiêng của Đức Ki Tô. Người Thiên Chúa Giáo xem phim của Pasolini, tất nhiên thấy được cái nhân loại đưa tới tôn giáo. Người không theo Thiên chúa giáo xem phim có thể cũng thấy như người theo Thiên chúa Giáo, nhưng cũng có thể chỉ thấy cái nhân loại. Tôi nghĩ rằng tính cách không tất yếu miễn cưỡng này là một bảo đảm cho cuốn phim có một nghĩa và giá trị nghệ thuật, đồng thời cũng là một minh chứng cho tinh thần tôn trọng Tự do của một Tôn giáo đích thực.

Tuy nhiên, cuốn phim cũng còn làm cho người ta nghĩ tới thân phận của những người làm văn nghệ. Pasolini bị một số người Mác-Xít khiển trách đã làm một phim về tôn giáo không chống tôn giáo. Vấn đề là một người Mác-Xít, vô thần có quyền rung động trước những cái nhân loại của một khuôn mặt tôn giáo mà vẫn là Mác-Xít ? và ngược lại một người theo tôn giáo có thể có thiện cảm với những cái nhân loại trong một chủ nghĩa vô thần mà vẫn theo Tôn giáo không ? Trong thực tế, những người như trên thường bị đoàn thể, tổ chức của họ đổ ky, không chấp nhận. Vậy có một khoảng cách giữa Tinh Thần của một Tôn Giáo, một chủ nghĩa với chế lập, tập thể xã hội của Tôn Giáo, chủ nghĩa đó, và những người muốn vươn tới Tinh Thần của một Tôn Giáo, một chủ nghĩa để tìm sự thông cảm bằng hành động hay suy tư, nghệ thuật,, thường bị ngộ nhận hay kết án khai trừ khỏi đoàn thể của mình. Sự kiện trên cho thấy phải chăng những người làm văn nghệ, suy tưởng chân thực khó có thể thuộc hẳn về một đoàn thể tôn giáo, ý thức hệ nhất định và khép kín ? (Đt/DS)

N. V. T.

CHÚC MỪNG

Được hồng thiếp báo tin : ngày 28-8-65 bạn **NGUYỄN THỊ THANH-GIAO** (trưởng nữ ông bà Nguyễn Thành Niệm, 154 Công lý Sài Gòn), đã làm lễ thành hôn cùng anh Phạm Thanh Liêm.

Chúng tôi xin cầu chúc đôi **GIAO LIÊM** tay trong tay đi trọn đường đời.

LÊ PHƯƠNG CHI — LÊ TẤT ĐIỀU

TRỞ LẠI LẦN THỨ HAI VỚI BÀI :

Lịch sử Lạc Việt

NGUYỄN PHƯƠNG

Lịch sử thuật lại quá khứ. Nó là kho tàng chung của mọi người. Dẫn thân vào quá khứ để tìm chân lý lịch sử, chúng tôi chỉ có một mục đích là tìm cho được chân lý đó. Nó không thuộc về chúng tôi, mà nó cũng không thuộc về ai. Nếu chúng tôi tìm được, nó làm giàu cho kho kiến thức riêng của chúng tôi, nhưng nó cũng không làm nghèo cho kiến thức của kẻ khác. Khi chúng đem trình bày công trình chúng tôi đã đạt được, mong muốn của chúng tôi là gom góp phần nào vào kho tàng chung, và cùng một lúc cũng là tiếp thêm được nhiều nguồn ánh sáng mới để nhận định vấn đề. Ánh sáng càng đầy đủ và chiếu vào do càng nhiều hướng, việc nhận định vấn đề càng được vững vàng. Vì quan niệm như thế, chúng tôi luôn luôn lưu tâm đến ý kiến của mọi người. Trước khi ra đi nghỉ hè, (đầu tháng Sáu) chúng tôi đã duyệt qua một số những nguồn ánh sáng chiếu lại, và tạp chí *Bách khoa* đã có nhã ý in ra trong số 205, nay trở lại với công việc, chúng tôi xin nói đến cố gắng của một vài nhân vật khác có liên quan đến bài "Lịch-sử Lạc-Việt" của chúng tôi.

Trước hết, chúng tôi xin nhắc lại bài của ông Nguyễn Toại in trong *Bách khoa* số 201 đề là « Bàn về Hùng-Vương ». Trong bài này, khám phá của ông Nguyễn-Toại cốt ở hai điểm này : Vua nước Sở không có Hùng vương mà chữ Hùng chỉ là danh hiệu mà thôi, và « phải kể Hùng Vương có 42 đời chứ đâu lại có 15 hay 18 đời ».

Kề ra, tác giả đã có công tìm tòi và cố gắng luận lý. Nhưng luận lý trong việc tìm hiểu lịch sử, là không phải lấy lý của mình mà luận, mà phải lấy lý của người chép ra sử liệu. Giả sử ông Nguyễn Toại chép ra sử liệu, thì chắc chắn sử liệu đã sáng sủa lắm và không còn cần gì phải đặt ra vấn đề Hùng vương hay Lạc vương nữa. Đằng này, lối lý luận của những kẻ để lại sử liệu tỏ ra chập chững, mơ hồ, vì đó mới khó tìm ra sự thật. Họ mơ hồ ở chỗ không phải bao giờ họ cũng phân biệt được chuyện sử với chuyện tiểu thuyết (sử quán triều Nguyễn đã trách cứ sử ở chỗ đó), họ mơ hồ nữa ở chỗ họ chép sử theo tình cảm khiến cho chủ quan lẫn át sự thật, ví dụ Sĩ Nhiếp có bao giờ làm vua đâu vậy mà họ đã gọi là Sĩ-Vương. Nhận thấy sử bút của những người để lại tài liệu về Hùng vương là như thế chắc chúng ta sẽ không còn ngạc nhiên gì khi thấy họ gọi 18 nhà cai trị kế tiếp của nước Sở trong thời đầu, có danh hiệu khởi sự với chữ Hùng, là những đời Hùng-vương. Còn việc nước Sở có nhiều nhà cai trị nữa, chứ không phải chỉ 18, việc đó thiết tưởng phàm ai có đọc sử Trung quốc đều biết cả. Nhưng có một điều đã để lại một nét sâu đậm trong trí nhớ của những người chép cứ sử, đó là sự liên tu^c

18 đời có danh hiệu bắt đầu bởi chữ Hùng, nên họ cho đó là 18 đời Hùng vương, chứ không nhiều hơn.

Đối với chúng tôi, bài của ông Trần-Viên càng đem lại ít ánh sáng.

Ông Trần Viên xuyên tạc lý luận của Henri Maspéro là một nhà chép sử có công tìm tòi, và biết tìm tòi theo phương pháp. Ông biết sưu tầm và đánh giá sử liệu. Đối với ông không hề có vấn đề áp dụng nguyên tắc đa số "hai thắng một" và nói rằng hai (G. C. N. v. K. x Q. C. K.) phải đúng hơn một (N. V. C.). Gán cho Maspéro lý luận đó là hoàn toàn vu khống và không gì làm sỉ nhục cho ông hơn. Đọc kỹ hai bài ông viết trong *Tạp san Trường Viễn đông Bác cổ*, số 16 và 18, chúng tôi nhận thấy rằng căn bản lý luận của ông là ở chỗ tài liệu nào xuất hiện trước tài liệu nào xuất hiện sau và tương quan giữa các tài liệu như thế nào, rồi ông dựa vào đó để đánh giá. Ông viết :

« Sự hiểu biết của chúng ta về tổ chức chính trị ở Bắc kỳ trước khi bị Trung-hoa chinh phục chỉ nằm trong mấy hàng đã được các sách xưa và nay lập đi lập lại không chán. Bản văn xưa nhất và đồng thời sáng sủa cùng nói nhiều hơn cả, là quyển *Giao châu ngoại vực ký*, sách này chép: ...Quyển *Quảng châu ký*, như được *Sử ký sách* ần trích lại cũng nói như vậy, nhưng một cách rất khó hiểu.

Lời này của Maspéro chẳng những chứng rằng ông đặt trọng tâm vào sự sách *Giao châu ngoại vực ký* xuất hiện trước tiên, mà còn tỏ ra ông không ngần ngại xếp *Quảng châu ký* vào cùng một nguồn như quyển kia, chứ không phải chủ trương tách ra để có thể kê lam hai sử liệu cho được đa số. Cho rằng Maspéro đã lý luận theo nguyên tắc đa số, thật là xuyên tạc quá sỗ sàng.

Theo kinh nghiệm trên đây chúng tôi nghĩ rằng : nếu ông Trần Viên có thể xuyên tạc lý luận của Henri Maspéro, cho vừa ý ông, thì ông vẫn có thể xuyên tạc lý luận của chúng tôi, nên quý vị đọc giả ai muốn biết lý luận của chúng tôi thế nào thiết tưởng cứ đọc ngay vào bài "Lịch-sử Lạc-Việt" chúng tôi đã viết là có bảo đảm hơn.

NGUYỄN PHƯƠNG

ĐÍNH-CHÍNH

Trong bài "Đọc cuốn Hiệu-chính Bích-câu kỳ-ngộ của ông Hoàng-xuân-Hãn" của ô. Tạ Trọng-Hiệp đăng trên BK.TĐ. số 206 ra ngày 1-8-65, tiếp theo đoạn cuối trang 22, còn thiếu một trang sau đây xin bạn đọc vui lòng thêm vào cho Chúng tôi trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn đọc và ông Tạ-trọng-Hiệp.

Trở lên, tôi đã thử dùng quan-diêm văn-học-sử để dò triết-lí trong văn chương BC. Đúng về phương diện văn chương tông-giáo, tôi xin thêm một phần nhận định về ý-nghĩa của truyện (tạm gác ra các dị-diêm giữa BC Hán và nôm là ta có thể quan-niệm BC như một bản dẫn đạo (livre d'initiation mystique) ghi lại đủ các chặng của một hành-trình thần bí (một thứ *Pilgrim's Progress*) trong đó ái-tình và nhục-tình không phải là sự trở ngại cho sự đắc đạo, mà trái

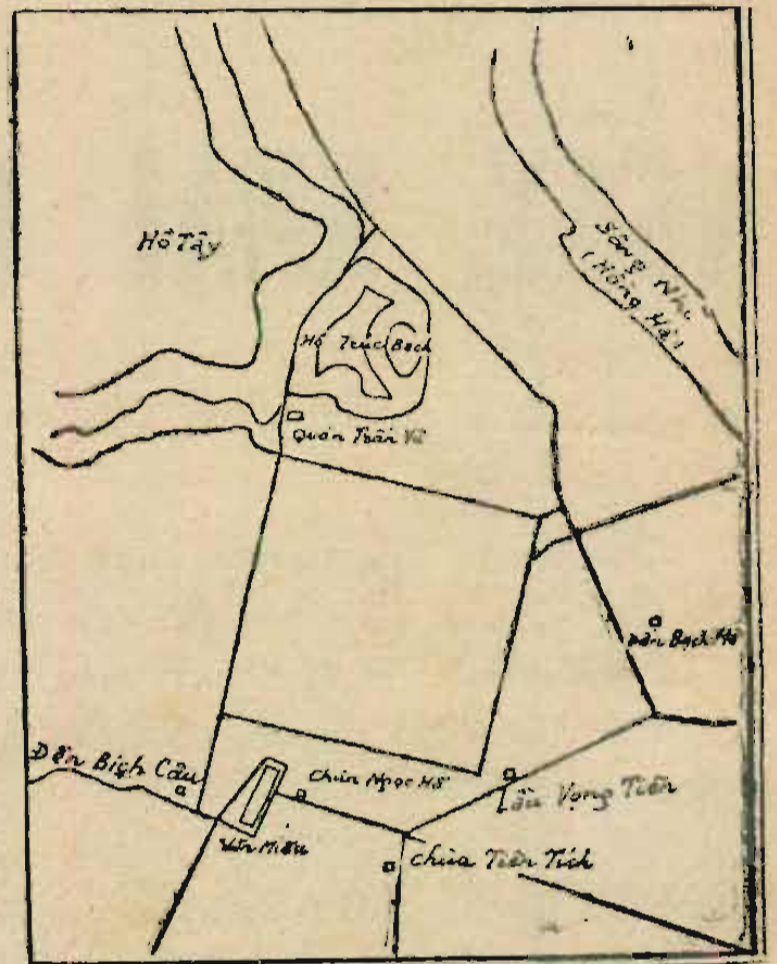
lại chính là một ngưỡng cửa, một bậc thang tất yếu để dẫn tới giác ngộ; nó có công dụng như một giai đoạn thử-thách (bằng chứng là sau cái thử thách của đêm tân hôn, tư cách của Tú-Uyên vẫn chưa tu chỉnh xứng đáng, thì tiên-nữ liền bỏ chàng mà đi) nó là cái lò luyện nhiệm để đốt cái lốt con người Tú Uyên cũ, khiến chàng phải thoát xác một lần, để sau đó sống lại và sống mãi mãi trong một thân thể mới, trong một thể giới thanh cao bất tuyệt, nơi đó lòng đam mê của chàng đã đổi hướng, không còn nhục-tình nữa mà chỉ có linh tình (passion mystique) mà thôi.

Cố nhiên hành trình này chỉ là giấc mơ, hay đúng hơn biến chứng của câu chuyện là một chuỗi giấc mơ liên tiếp ghi dấu một hành trình tưởng tượng đi từ thấp đến cao, từ đục đến trong từ giả đến chân, từ tương đối đến tuyệt-đối, từ hữu hạn đến vô hạn.

Văn-chương là địa-hạt của tưởng-tượng, nên tôi cũng đành mang tiếng «không-tưởng» một chút khi tìm hiểu ý-nghĩa của nó; tôi không muốn phê-phán nó theo khoa-học (= «chuyện gặp tiên có thật hay không?») hoặc theo luân-lí (= «chuyện đứng đắn hay nhảm nhí?») Nếu muốn thiết thực hơn ta có thể xem chuyện như là kí-trạng của một biến-chứng đam-mê rất *người*, và mượn lời của Nguyễn đã nói về một anh Lịnh mà nhận-định rằng trước-sau Tú-Uyên «*vẫn là người say cái Đẹp, say cái Say*», từ đầu đến cuối «*chàng chỉ đổi đi cái đối tượng của mê mãi người chàng lúc nào cũng chứa nổi say đắm một cái gì và hướng dục-vọng vào một phía*

mới nào nó rộng-rãi và đúng nghĩa hơn».

Ý-nghĩa của nó hẳn còn nhiều bình-diện khác có thể bình-phạm, đây tôi chỉ đề nghị một lối nhìn» Độc giả có thể tham khảo thêm lối nhìn triết-lí của hai bạn Lê Tuyên và Nguyễn Văn Trung.



Địa điểm trong truyện Bích Câu Kỳ Ngộ.
(phỏng theo Nguyễn Văn Huyền *le Culte des Immortels en Annam, phụ bản III*)

L.T,S Bài số trước (207) trang 20, cột mặt hàng cuối hai chữ yên (馬) và mã (馬) đặt lộn chỗ của nhau, xin bạn sửa lại cho đúng giùm cho.

SẮP TÁI BẢN VÀ CÓ BÁN:

TRUYỆN NGƯỜI CỦA TÌNH PHỤ

truyện **THẾ-PHONG**

Truyện ngắn LÊ TẤT ĐIỀU

NGÀY KHAI TRƯỜNG

Chung nghe tiếng máy xe mình với tiếng bùm, nước dính vào hai bánh xe hoặc văng tóe tứ tung. Suốt nửa giờ anh chăm chú nhìn về phía trước để tránh những cái hố thình lình mở ra từ một vùng sương mù dày đặc và ánh sáng mập mờ của một ngày chưa thực sự bắt đầu. Cái lạnh thấm vào ngực khiến anh phải khom người xuống một chút. Sự yên tĩnh ở xung quanh, tiếng máy xe, ánh đèn tạo thành một vùng màu vàng nhầy nhót trước mặt, tất cả đã trở nên quen thuộc một cách đáng chán. Ba tháng đã trôi qua nhanh và ngắn ngủi như chỉ có một đêm. Sau một đêm với giấc mộng nghỉ ngơi đó anh thức dậy, tiếp tục ngồi trên chiếc xe gắn máy cũ, vượt qua sáu cây số đến nhiệm sở.

Con đường dẫn vào trường học được đắp cao. Nhưng đường quá lợp và quanh co, mặt đường cong vòng như mặt một ngôi mộ. Chung tưởng mình đang chạy xe trên một mô đất trơn dầu mỡ. Hai bên đường, những mái nhà tranh nhô lên sau những hàng rào cây cao. Tất cả yên tĩnh nặng nề trong sương mù như bị sức nặng ma quái của một giấc ngủ trăm năm vây phủ.

Chỉ có một vài căn nhà ở gần trường học mở cửa sớm. Ba đứa nhỏ đi ngược chiều với anh dừng lại cúi đầu chào. Anh nhận ra khuôn mặt quen thuộc của chúng nhưng không biết tên đứa nào. Cổng gỗ nhà trường được buộc hững hờ bằng một sợi dây thép. Chung dừng xe, tắt máy và anh nghe tiếng thác nước đổ ào ào từ xa văng lại, trầm trầm như tiếng gió lùa trong rừng.

Chung vừa gỡ chiếc dây buộc của vừa ngược nhìn dãy núi ở phía sau trường. Trong sương mù, dãy núi hiện ra như ở sau một màu kính đục dày. Mỗi lần ngược nhìn như thế, anh lại có cảm tưởng là mình bị nhốt trong lòng một thung lũng sâu. Và cuộc đời, cuộc đời tốt đẹp thực sự thì nằm ở đâu đó trên miền đỉnh núi, rất cao, rất xa vời.

Một đoạn dây thép gai cuốn thành nhiều vòng han rỉ màu nâu nằm hồ hững sát hàng rào nhà trường. Một đoạn dài hàng rào đổ xuống. Giữa vùng cỏ mọc cao trên mặt đất nhiều mẩu vôi, gạch vụn nằm ngổn ngang. Hai cây lớn trong sân trường chỉ còn cái gốc nhô lên khỏi mặt đất, vết cưa mới còn giữ một màu vàng sáng. Những rễ cây lớn chằng chịt giống những sợi dây khổng lồ buộc đoạn gốc cây vào đất một cách bừa bãi mà chắc nịch. Một cây khác cao vút gần như bị tước hết lá trơ cành khẳng khiu.

Một đoạn mái nhà trường ở gần căn nhà tranh nhỏ dành cho gia đình bác lao công bị sụp đổ. Nhiều mảnh ngói nằm ở một cái thế chênh lệch như sắp rớt xuống góp thêm vào đống gạch phía dưới một vẻ tan nát, hỗn loạn. Cây cột ở đầu hiên bị gãy ngang nhưng chưa đổ. Cả ngôi trường trông giống như một vật gì quá cũ bị rữa nát ở một đầu và sắp sửa rã rời tiêu tán hết.

Chung sống trong tình trạng buồn rầu, ngao ngán của người đứng nhìn vết chân tàn bạo của một trận bão ghê gớm. Anh dắt xe vào sân.

Bác lao công chạy ra đón vãn với vẻ thân mật dè dặt. Bác gầy ốm và ăn mặc lôi thôi hơn. Đầu bác chải đường ngôi ở chính giữa, tóc rẽ ra hai bên cong xuống tới tai :

— Chào thầy, bữa qua thầy không xuống họp ?

— Hôm qua tôi mới xuống tới tỉnh, phải lo thu xếp chỗ ăn, ở lại một chút, bận quá. Thế nào ? Cuộc họp có gì lạ không ?

— Dạ, ông hiệu trưởng và mấy thầy cô cũng bàn chuyện chuyện trường như mọi năm..., với nói về cái vụ trường bị xập, vùng này thiếu an ninh.

Chung gật gù :

— À ! Cái vụ ấy tôi có nghe nói.

Bác lao công nhướng mắt. Hai cánh tay khoanh trước ngực bung ra thông xuống. Bác ta có vẻ cao hơn và tươi tỉnh lại. Giọng nói của bác mát hẳn những âm khàn khàn mệt mỏi.

— A ! Mấy tháng hè thầy ở luôn Saigon mà. Thầy chha về đây lần nào phải không ? Trời ơi !... Hồi này ở đây oánh nhau thôi khỏi nói, bắt kể ngày đêm. Có hồi lính về đóng trong trường cả mấy tuần. «Tụi họ» ở trong núi bắn «mọc-chê» vô cùng hết. Dân ở đây chết cũng khá bọn. Thầy coi, nhà trường cũng bị đó. Cái hố đào rộng và sâu thêm chút nữa thì làm ao thả cá được. Đó, một trái «mọc-chê» rớt ngay chỗ đó. Tôi nghe nổ cái ùm rồi nhà trường xập, nhà tôi xập, tôi tưởng chết rồi chớ. Mấy nơi khác cũng lãnh «mọc-chê» bắt tử như vậy. Người chết thiếu gì. Khi hai bên giàn trận bắn nhau thì chỉ có nhà cửa lãnh đạn, ít người bị thương...

Bác lao công nói một hơi không nghỉ. Chung vừa nghe vừa nhìn những căn nhà ở gần trường và nhận ra phong cảnh đã đổi khác quá nhiều. Cây cối bị chặt bỏ, năm sáu dãy nhà trơ ra trong một vẻ quang đãng tiêu tụy.

Bác lao công vẫn tiếp tục :

— Họ đánh lộn với nhau ở miệt trên kia. Lâu lâu mới đụng ở đây một trận nhỏ. Nhưng mà, ở đây, ai cũng ngán lắm rồi. Tôi cho con vợ tôi và sắp nhỏ lên ở với mấy người bà con.

Chung lững thững theo bác lao công đi một vòng quang trường. Cả hai dừng lại trước căn nhà lá bác lao công mới dựng lên ở tạm. Nhà cất dựa trên hai thân cây mít ở gần nhau vừa lệch lạc. Một phía tường đất quá mỏng được phủ bên ngoài bằng một mang chiếu rách. Chung hỏi :

— Sao không ở tạm trong lớp ?

— Dạ có chớ. Mấy bữa trước kia. Giờ học trò sắp tựu trường, phải cắt đại lên lấy cái mái che mưa, che nắng.

Bác trở lại chuyện trước :

— Có bữa cả một xóm nhà ở miệt rừng cháy, lửa bén vô mấy cây khô, lan tới chân núi. May sao chỉ chừng năm bữa sau lửa tắt.

Một đám học trò tụ tập ở cổng trường. Vài đứa học trò bước vào sân. Bác lao công chợt nhớ đến công việc của mình. Bác vuốt lại những sợi tóc xòa trước trán, xoa hai tai vào nhau rồi thò tay vào túi lần tìm chùm chìa khóa :

— Đề tôi mở cửa các lớp. Mời thầy vô phòng ngồi chơi, cũng sắp tới giờ rồi.

Hai người đi dọc theo hành lang. Văn phòng còn hơi tối. Chung ngồi lên một cái ghế kê sát cửa sổ, cạnh bàn hiệu trưởng với cảm giác hơi khó chịu là cái ghế còn bần. Ở đây anh có thể nhìn thấy cổng trường và cái trống rách một mặt theo treo lủng lẳng ngoài hiên.

Văn phòng chật hẹp với những cái tủ cũ kỹ chứa những sổ sách lưu trữ từ nhiều năm. Ông hiệu trưởng trẻ đã cố gắng trang trí cho nó có vẻ sáng sủa hơn nhưng nó vẫn mang một màu sắc buồn nản như cuộc đời ông giáo già tới đoạn về hưu.

Giống như ánh nắng sớm đến một cách chậm chạp mà có vẻ đột ngột, các đồng nghiệp của Chung, chỉ một lát sau đã tụ tập đông đủ trong văn phòng. Ở nhà bác lao công có ánh lửa lập lòe của một nồi nước đun vôi vàng.

Câu chuyện giữa mọi người thân mật nhưng không vui. Ý nghĩ "những ngày làm việc mệt mỏi bắt đầu «khiến nhiều nụ cười nở hơi khó khăn,

Khi đề tài chuyện chóng xoay về tình trạng của ngôi trường thì ông hiệu trưởng trẻ đến. Ông có cái vẻ nhanh nhẹn, hấp tấp của một người đã thức dậy và làm việc từ sớm lắm. Sau cái bắt tay ông ta nắm vai Chung lắc nhẹ :

— Thế nào? Máy tháng ở lý Sài Gòn vui chứ?

Ông lật chồng hồ sơ, trao cho mỗi người một tờ danh sách:

— Anh chị em trở lại lớp cũ của mình kiểm soát số học sinh rồi giao cho người phụ trách lớp trên. Lớp nào được lên lớp nào tôi đã ghi rõ trong giấy. Năm nay có lẽ số học sinh giảm đi nhiều.

Chung trở lại lớp anh phụ trách năm trước. Bác lao công đã đứng chờ sẵn ở đầu hiên kiếng chân đập thảng cánh ba dùi lên mặt trống. Tiếng trống chọt vang lên như có sức mạnh phục hồi sự sinh hoạt quen thuộc của nhà trường.

Lũ học trò vào lớp, những đứa bạo dạn nhất mỉm cười thân mật đề chào thầy Chung mở cánh cửa sổ gần bàn giấy. Rặng núi sau trường hiện ra trước mắt anh như một bức tranh vĩ đại với màu xanh bậm và những vệt sương trắng như mây vương từ lưng chừng lên đỉnh núi. Khoảng đá núi màu trắng hồng quen thuộc vẫn còn đó. (Khoảng đá phẳng mà mỗi buổi trưa anh đều đứng ở cửa sổ nhìn qua một lần). Anh thường có cảm tưởng là nếu được dựa lưng lên đó bao nhiêu sự nóng nực mệt mỏi sẽ tiêu tan hết.

Chung trở lại bàn giấy. Bọn học trò quá ít ỏi ngồi rải rác trên các dãy bàn thưa thớt, khoanh tay, yên lặng chờ đợi. Anh giở tờ danh sách bắt đầu gọi tên. Đứa trẻ có tên đứng hàng thứ tư vắng mặt. Anh nhớ đứa bé này mập mạp, nhanh nhẹn, dễ mến. Anh ngược mặt lên chưa kịp hỏi, Ân, đứa bé đã một năm làm trưởng ban trật tự của lớp, đứng lên:

— Thưa thầy, trò Báu xin đi học trường khác. Cả nhà trò dọn đi rồi ạ.

Chung gật gầu nhắc cái thước kẻ và cầm cái bút chì đỏ cẩn thận gạch một đường dài lên tên họ, ngày nơi sinh, số danh bộ trò Báu. Anh đọc được bốn tên nữa thì lại ngừng ở đứa thứ năm.

— Nhà trò Cương cũng dọn đi. Ba trò ấy sợ ở đây bị đàn lạc.

Chung vừa gạch thêm một đường vừa hỏi:

— Còn những trò nào dọn đi nữa?

Trò Ân trả lời không suy nghĩ:

— Thưa thầy trò Mạnh, trò Hải, trò Hào, trò Vừng...

Ân ngập ngừng, một đứa ngồi ở bàn đầu nhắc:

— Trò Khải.

Chung xua tay và cúi xuống bản danh sách với cái bút chì đỏ.

— Khoan đã. Đề thầy gạch tên xong đã.

— Khi Chung ngược mặt nhìn, trò Ân khoanh tay hơi ngập ngừng:

— Với lại.., với lại... thưa thầy, còn trò Dương, trò Kinh, trò Xú thì chết

rồi. Trò Xú mới chết ở nhà thương, tình cách đây mấy ngày. Nó bị đạn ngay ngực Ba con nói mẹ nó không biết cho nó uống nhiều nước quá sao đó nên nó chết. Trò Đương, trò Kinh bị đạn «mọc-chê» rớt nhằm giữa nhà.

Ân ngừng nói, phân vân, chờ đợi. Nó có vẻ hơi ngạc nhiên thấy ông thầy không chịu tiếp tục gạch, xóa. Chung chấm mạnh một đầu bút chì xuống trang giấy rồi, như chạm phải cao su, bàn tay cầm bút của anh bật lên đứng sững :

— Ba trò ấy...: chết rồi ?

Ân nhận ra rằng nó vừa nói một điều quan trọng lắm, nó chớp mắt, cúi đầu «ạ» nhỏ một tiếng. Một trò ở giữa lớp đứng phắt dậy :

— Thưa thầy, đáng lẽ trò Đương, trò Kinh không chết. Tại hôm đó hai trò đến thăm ông ngoại ở miền bờ suối.

Chung kêu khê một tiếng trong họng. Trò Kinh mặt mũi sáng sủa, ăn mặc gọn gàng, đọc tập đọc to và dõng dạc nhất lớp, nét mặt luôn giữ vẻ nghiêm trang như người lớn. Tào Đương là thằng anh gầy ốm lưng hơi gù, răng vầu, khi nghe giảng thì mắt mở to, đôi môi há tròn để hở cả răng, thầy quát mắng đứa khác mặt nó cũng xanh vì sợ. Nó chậm chạp hơn thằng em nhưng học thật giỏi. Còn trò Xú... Ngày đầu niên học trước mẹ nó đích thân tới trường đứng hàng giờ kể lại tình cảnh «mẹ goá, con cô» nhà nghèo để gửi nó cho thầy «xin thầy dạy dỗ đánh mắng giùm» Nó thiếu thông minh nhưng chăm chỉ, chịu khó. Mẹ nó bảo «tôi chỉ có mỗi mình nó».

Khi cúi xuống đặt thước kẻ lên tờ giấy. Chung có cảm tưởng vừa đụng chạm vào một sự sót xa, đau đớn trong lòng mình. Đầu bút chì đỏ gạch ba nét dài, đậm chưa xong thì một đứa khác ngồi ở bàn đầu đứng lên kể tên mấy đứa bị thương nằm ở bệnh viện trên tỉnh. Nó kể rõ đứa nào bị băng đầu, đứa nào bị treo chân vì nó đã có dịp đến bệnh viện thăm người nhà.

Nhân số trong bảng danh sách nhẹ hẳn đi vì rất nhiều nét gạch đỏ nặng nề. Gọi xong tên đứa ở cuối danh sách, Chung nhìn lũ học trò ít ỏi còn lại nói :

— Còn các em ngồi yên. Lát nữa thầy trở lại đưa các em lên lớp trên.

Lũ trẻ vội vàng khoanh tay đặt cả lên bàn. Những khuôn mặt nhỏ bé nghiêm trang trong một lớp học quá rộng quá thừa thớt khiến Chung cảm thấy xao xuyến khó chịu. Đáng lẽ chúng phải đông đảo và làm ồn ào hơn. «Chúng nó thật ngoan !» ý nghĩ đó chợt đến và Chung định lát nữa anh sẽ nói với chúng thật nhiều. Anh chưa biết mình sẽ nói gì.

Cầm bảng danh sách đi đến cửa văn phòng Chung gặp cụ giáo Đoàn. Cụ đứng tì hai tay lên chiếc gậy gỗ, lưng hơi còng :

— Lớp ông Chung cũng vắng nhiều lắm phải không ?

Giọng cụ chậm rãi như hơi lo lắng. Cụ đã dạy ở trường này trên mười năm và là nhân viên duy nhất có gia đình ở đây. Những người khác kể cả ông hiệu

trường đều mua hoặc thuê nhà ở gần tỉnh. Sắp đến ngày về hưu, cụ hơi yếu vì tuổi tác. Những buổi sáng trời lạnh hay có nhiều sương cụ quấn thêm một cái khăn quanh cổ và phải chống gậy và khi cần đứng lâu một chỗ. Tất cả việc giao tế, tình hình nhân sự trong miền cụ giáo Đoàn đều hiểu rõ. Cụ còn có thể đứng trước mặt đũa học trò của bất cứ một lớp nào và kể tên cha mẹ, anh em của nó. Ngôi trường này, gia đình đông đảo và giáo cụ Đoàn là ba thứ khó chia rẽ.

Một lần, nhân nói về việc thuyên chuyển, cụ Đoàn phát biểu ý kiến:

— Các ông bà thật sướng, thông dong như cánh chim trời, muốn đậu đâu thì đậu, muốn bay đâu thì bay, khỏi thương, khỏi nhớ làm gì cho thêm nặng gánh. Tôi ở đây quen quá rồi, đi đâu cũng không chịu nổi. Về hưu có lẽ ngày nào tôi cũng qua thăm trường một lần, rồi lúc chết thì gửi xương ở đây thôi.

Như có vẻ cảm động vì chính câu nói của mình, cụ nhắc kính ra lau rồi lim dim mắt nhìn ra sân trường, nhìn về rặng núi cao. Lần ấy, mọi người xoay câu chuyện sang một hướng khác vì mọi người thuộc giới trẻ, chẳng muốn tiếp tục khai triển một quan niệm thiếu đặc sắc của một người già.

Chung trao bản danh sách cho cụ Đoàn:

— Mất gần nửa lớp.

Cụ giáo Đoàn lật đật đón lấy danh sách, hạ giọng lầm bầm:

— Tôi biết... tôi biết. Lớp ông chết mất ba đứa... đây, phải rồi, thằng Xú. Cái hôm nó bị đạn nhà tôi cũng cũng mất toi một vườn cam. Bao nhiêu công mình dành dụm!...

Cụ Đoàn dựa cái gậy vào tường để cầm bản danh sách bằng hai tay và đưa lên gần mắt hơn.

Các bạn sinh viên muốn trau dồi thêm kiến thức, muốn tham khảo tài liệu viết bằng tiếng Việt, nên tìm đọc các sách do **VIỆT NAM ĐẠI HỌC TÙNG THƠ ẨM HÀNH**.

ĐÃ IN :

TOÁN TỈNH ĐIỆN (Vật lý đại cương)

TOÁN ĐIỆN HỌC (Toán Lý Hóa, Lý Hóa Nhiên)

SẼ IN :

TOÁN QUANG HỌC — TOÁN ÂM HỌC — TOÁN HÓA HỌC —
TOÁN GIẢI TÍCH — TRIẾT HỌC LÀ GÌ ? — SIÊU HÌNH HỌC LÀ GÌ?
VIỆT NAM, NƠI GẶP GỠ NHỮNG VĂN MINH NHÂN LOẠI.

Sách có bán tại nhà sách Khai trí (Sài gòn) và các quán sinh viên ở mỗi phân khoa Đại học Sài gòn, Huế, Đà lạt, Vạn.

Chung bước hẳn vào văn phòng. Nhiều bạn đồng nghiệp của anh đã có ở đó cùng với những bản danh sách bị gạch xanh đỏ. Ông hiệu trưởng ngồi sau bàn giấy khi tay chống lên bàn, hai bàn tay nắm chặt lấy nhau. Câu chuyện đang tiếp tục sôi nổi. Một cô giáo lên tiếng :

— Tôi thấy an ninh vùng này luôn luôn bị đe dọa. Làm việc ở đây thật nguy hiểm.

Hai bàn tay ông hiệu trưởng cử động như muốn xoay một vòng :

— Vâng, vì thế tôi đã bàn lại với ông Ty Trưởng, anh chị em yên chí. Việc xây lại trường không khó, nhưng xây lại mà không dùng được thì thật vô ích. Tôi sẽ đề nghị xin sát nhập trường ta vào trường L.K. gần tỉnh. Anh chị em nghĩ sao ?

— Thế cũng được.

— Đồng ý lắm.

Vai nụ cười tươi nở trên những khuôn mặt đang lo lắng. Ở cửa văn phòng, cụ Đoàn quơ tay cầm cái gậy như chọt giạt mình. Cụ quay lại nhìn mọi người, nhìn ông hiệu trưởng :

— Các ông, các bà định bỏ trường này sao ?

Nghe giọng nói cụ Đoàn, Chung nghĩ ngay đến nỗi kinh hãi âm thầm của một vị thuyền trưởng còn lại một mình trên con tàu sắp chìm.

LÊ TÁT ĐIỀU

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT.

1, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 20.821 — SAIGON

Đường lối «giáo-dục dân-tộc» của Nhật-bản dưới thời Minh-Trị

Với đề tài trên đây, Ông Châm-Vũ Nguyễn Văn Tần, tác giả bộ sách biên-khảo công phụ «Nhật-Bản sử-lược», đã trình bày cùng thính giả tại Trường Quốc-Gia Âm-nhạc, sáng chủ nhật 22/8/65 vừa qua một câu chuyện hợp thời và hữu ích.

Trước hết, ông xét về sự tiến-hóa chung của nhân loại và sự tiến hóa riêng của mỗi dân tộc và ông cho rằng «quốc gia dân tộc có tiến hóa trước rồi mới có đà mà dắt nhân loại bước lên theo sau». Và muốn xây dựng cho sự tiến-hóa của dân tộc thì «trước hết phải phải bồi đắp cho một nền giáo dục phù hợp với dân tộc tính của nước mình». Tại Việt-Nam, trong ngót thế-kỷ bị người Pháp đô hộ, cái học cở-bản của dân tộc đã bị thay thế bằng một nền giáo dục mất gốc và 10 năm trở lại đây «ý-thức giáo dục dân-tộc tuy có khai triển nhưng cái đường lối giáo-dục dân-tộc vẫn chưa tìm được ra». Bởi vậy tình trạng học-vấn ngày nay của ta thành chơ-vơ «Việt văn thời xa gốc, ngoại ngữ thời với không tới ngọn». Sau đó ông nêu lên tiêu-chuẩn. «Tài bồi cho phong phú tiếng mẹ đẻ để bảo tồn tinh-hoa cũ và hấp thụ tư-tưởng mới bên ngoài». Nhật Bản mà hùng cường được lũng nhờ có gốc là tiêu-chuẩn giáo-dục trên đây.

Dân tộc Nhật, sau 215 năm đóng cửa, bàng hoàng trước hạm đội của Tướng Mỹ Perry năm 1853, nhận ra sức mạnh cơ-khí và văn-minh khoa-học của thế giới bên ngoài, vội đứng lên hát đờ Mạc-Phủ thiết lập tân chế-độ để cải tiến đất nước.

Muốn cải tiến đất nước, cải tiến con người, bắt đầu phải cải-hoán tư tưởng mà gốc là giáo dục. Khởi tân trí-thức gồm những bác học hữu danh của Nhật hồi đó chủ trương : phải «dung hòa cả hai thứ tinh hoa Á lẫn Âu, nghĩa cả hấp-thụ văn minh Tây-Phương song song với bảo tồn văn hóa cở truyền».

Giáo dục dân-tộc theo các vị đó hướng về « đại phổ-cập thuyết bình đẳng, bênh vực cho quyền tự-do của con người, bác bỏ Thần-quyền của Hoàng-gia, đánh đổ thói tron lười của một tầng lớp tự phụ có dòng máu cao đẽ chuyên nắm lấy địa-vị tốt mà đóng vai ăn bám xã-hội, cùng đại khuyến-hóa mọi người về tự-lập bằng bắt tay vào thực nghiệp».

Việc giáo-hóa tư-tưởng dân-chủ Âu châu dẫn tới sự ham chuộng tự-do quá trớn đi đến phóng-nhiệm. Do đó 10 năm sau, học-giả tiền phong Sâm-Hữu-Lễ, khi được tuyển làm Văn Bộ Đại Thần (Tổng trưởng giáo-dục) phải phán tỉnh bằng cải cách học-nghiệp. chỉ chấp nhận và phổ biến văn-minh khoa học và cơ-khí Tây phương còn thay thế văn minh tinh thần của họ bằng cở-nho-phong (Nho-Giáo, Phật-Giáo, Thần-Đạo) và tinh thần khắc khổ võ-sĩ-đạo. Đó là cơ-sở của nền giáo-dục dân-tộc phù hợp với chương trình mới kêu là «Quốc-Túy chủ-nghĩa» hay là «Nhật-Bản chủ nghĩa». Chương trình mới đào tạo lớp người lý tưởng của thời-

đại, «lấy nước mình có «dòng Thiên-Hoàng» làm tự cao, lấy thân mình là «con cháu Thần» làm tự đại, lấy việc «người trên Đại Bát-Đảo (tên cũ thời nước Nhật) đi cai trị Á-Châu và thế-giới» làm nhiệm vụ phải đạt thành».

Năm 1890 (11 năm sau đề-xương cải-cách học-nghiệp) bản giáo-dục Sắc-ngữ được ban hành, trọng tâm «lấy Trung, Hiếu, Đễ, Thuận và Tín, lấy Thượng-tôn Thiên-Hoàng, Thượng kính Thần, Thượng sùng Phật, Thượng trọng Hiến-Pháp, làm căn bản cho Nhật-Bản quốc-thể tư-tưởng và làm gốc cho Nhật Bản quốc-dân Đạo-Đức».

Công-cuộc giáo-dục dân-tộc trên đây của Nhật Bản có kết quả sâu rộng trong quần chúng không phải nhờ chính quyền lãnh-đạo thực-hiện nghiêm-chỉnh mà còn nhờ sự hưởng ứng nhiệt thành của đa số sĩ-phu trong nước hướng dẫn quốc dân noi theo. Trừ một thiểu-số trí-thức phản đối chủ trương trên đây là hẹp hòi, thoái hóa..., còn phần đông các hòa thượng, học giả, nhà văn, nhà báo, nhà giáo dục... đều phụ họa, viết sách, viết báo đề cõ-súy, phát huy, phổ biến, Quốc-gia và Quốc-tuý chủ-nghĩa. Có những tạp-chí chuyên khuyến hoá về «phục cõ bài Âu-hóa»; có những bộ tiểu-thuyết nêu lên chủ-trương «khuyến Thiện, trừng Ác» làm nền nếp đạo-đức theo Nhật-Bản chủ-nghĩa (thiện là : kính Thần, tôn Hoàng, hiếu Phụ-Mẫu và trọng Tín-Nghĩa. Ác là : cá-nhân chủ-nghĩa, phóng túng đến vô-nhiệm, ích kỷ). Lại có cả sách báo của giới nhà văn bình-dân lao-động hành văn theo lời lẽ bình dị của đại chúng, có sự đóng góp của giới kịch sĩ, họa sĩ mở một đường lối văn-nghệ dân-tộc, theo xu hướng «phục cõ bài Âu-hóa» trên đây.

SÁCH MỚI

Bách-khoa đã nhận được và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc :

- **Niềm thương** tập thơ của Cao-Phan, do «Mưa đêm» xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 59 trang, gồm 17 bài thơ, in ronéo, khổ 13 × 21 — xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 142 trang giá 40 đ.
- **Thông-tin công-giáo**, bản thông-tin hàng tuần in ronéo, số 5 (22/8/65) của Trung-ương Thông tin Công-giáo V.N. 72/12 Nguyễn Đình Chiểu Saigon.
- **Economie humaine** (numéro spécial : Le bien commun.) 4-1965 do Trung-tâm Nghiên-cứu Xã-hội 86 Nguyễn Du, Saigon in bằng ronéo và gửi tặng.
- **Vỡ** thi tuyên của Phương Tấn, Dã Thảo, Nguyên-Băng Uyên-Hà, Xuân-Thao, Yến-Nguyên, Lữ Thứ. «Những người của rừng» xuất bản. Sách dày 137 trang, giá 36 đ.
- **Chuyện tình con gái** truyện dài của Việt-Chương do Mỹ-Hương

Đề kết luận, diễn-giả tóm lược đường lối giáo-dục dân tộc của thời-dại Minh-Trị tại Nhật, rút ra kinh-nghiệm thành-công của họ dựa trên 3 yếu tố :

- ý thức phản tỉnh mau lẹ của cấp lãnh đạo nhà nước
- sự nhiệt tình phụ họa của giới sĩ phu
- lòng tin tưởng vững mạnh nơi nhà cầm quyền mà hăng hái chấp hành của toàn dân.

Tác-giả «Nhật-Bản sử-lược» không quên kêu gọi người Việt chúng ta hoạch định lấy con đường của «Việt-Nam chủ-nghĩa» để xây dựng một nền giáo-dục dân-tộc, đào tạo một tân thế-hệ thanh-niên trí-thức tiên-phong để kiến thiết đất nước.

THẾ-NHÂN

15 NGÀY TIN TỨC

• Oanh tạc miền Bắc

Các vụ oanh tạc Bắc Việt, giảm sút vì mưa bão, lại tăng cường từ 21-8 với vụ dội bom đập Bái-Thượng (Thanh Hóa) và nhà máy thủy điện Bàn-Thạch cách đập 10 km— Cả hai nơi trên đây lại bị oanh tạc vào các ngày kế tiếp : 22 và 23-8

Ngoài những trại lính, kho đạn của các vùng thuộc Điện-biên-phủ, Sơn-la-Lai-châu, Hòa-bình, Yên-Bái bị dội bom, nơi bị oanh kích gần biên giới Trung-Cộng nhất (cách hơn 40 km) là đường xe lửa và cây cầu thuộc Lào-Kay, và nơi, gần Hà-Nội nhất (cách 68km) là một pháo lũy phòng không trong vùng Phủ Lý (22 và 23-8).

• Chiến sự tại Miền Trung

— *Tổng kết tình hình chiến sự từ 8-8 đến 14-8* : VC : chết 1330, bị bắt 148, bị tịch thu 321 súng đủ loại, Ta : chết 214, mất tích 64, vũ khí mất : 160.

Tổng kết tình hình chiến sự từ 15-8 đến 21-8 : VC : chết 1009, bị bắt 235 tên. Ta : chết 120, mất tích 19

— *Những cuộc hành quân lớn* : Hành quân Tự-Đức tại Quảng-Ngãi từ sáng 12-8 đến chiều 13-8 bắt được 37 VC và 158 tình nghi.

Hành quân Lam-Sơn và Phượng-Hoàng tại Ba-Lòng 14 đến 17/8 : VC chết tại chỗ 33, bị bắt 6, xuất thứ 2.

Hành quân Tiền-Giang 32 (13/8) sau chiến thắng Rừng Tràm (Đồng Tháp) khám phá được 7 công binh xưởng cùng 2 bệnh xá, 1 phòng giải phẫu, Sư-đoàn 7 BB lại chiến thắng tại Mật-khu Cà-Dâm phá tan cả một khu hậu-cần của V.C.

Hành quân tại Năm-Căn An-xuyên 11g,30 ngày 14-8 hạ 42 V.C. bỏ xác tại chỗ và 40 chết hoặc bị thương mang đi, phá hủy 2 trạm y-tế, 2 trại giam.

— Hành quân Ánh sao (Starlight) từ 18/8 tại Chu-Lai của T.Q.L.C. Mỹ tấn công 2000 VC tại khu vực gồm các xã Bình-An, Bình-Kỳ, Vạn-Tượng gần Chu Lai, sau 5 ngày tiêu diệt và truy kích địch, số VC bị hạ bỏ xác tại chỗ là 599, bị bắt tình nghi 122, một số lớn bị chết và bị thương mang đi.

— *Những trận tấn công của VC :*

Đêm 18/8 V.C. tấn công Daksut (Kuntum) chiếm linh quân-ly và Trại lực-lượng đặc-biệt.

Đêm 23 rạng 24/8 V.C. pháo kích phi-trường Biên-Hòa : 45 phi cơ bị hư-hại nhẹ.

• Tin trong nước.

— *Phái đoàn chính phủ viếng thăm thiện-chí* Đài-Bắc do TT. Nguyễn-Cao-Kỳ, chủ tịch UBHPTU hướng dẫn đã rời Sài Gòn sáng 15/8 và trở về chiều 19/8 để sáng 20/8 lại lên đường đi Vũng-Các và trở lại Saigon trưa 22/8/65.

— *VC phá hoại Tổng-nha Cảnh-sát* bằng xe hơi đựng chất nổ sáng 16/8 : 6 cảnh sát viên tử thương, 7 bị thương, 5 xe Jeep bị phá hủy, 2 căn nhà bị sập.

— *Đại sứ Cabot Lodge.* Saigon sáng 20/8 và trình ủy-nhiệm-thư lên Trung-Tướng chủ-tịch U.B.L.Đ.Q.G. sáng 25/8. Tướng Lansdale cố vấn quân sự tới Saigon 29-8.

— *Phong trào Thượng FULRO* (Front unifié de lutte de la race opprimée) khởi sự đòi tự-trị từ thời Ngô-Đình-Diệm sau lại nổi loạn lần thứ 2 ngày 20/9/1964 được dẹp yên, lãnh tụ của họ là Y B'Ham cùng đồng bọn 500 người rút sang Miền lập chánh phủ lưu vong hoạt động có sự trợ giúp của ngoại bang để định lập nước Tây-kỳ từ vĩ tuyến 17 tới Đồng-Xoài. Hội đồng nội các sáng ngày 25/8 đã quyết định : kêu gọi trở về không được sẽ đặt nhóm đó ra ngoài vòng pháp-luật.

• Tin ngoài nước

Bạo động đẫm máu của người da đen tại Los Angelès và Chicago bùng nổ từ 11-8-65.

Tại Los Angelès hàng ngàn người da đen, vì cảnh binh đánh đập một người tình nghi da đen, nên đã nổi loạn cướp phá, đốt nhà và sau khi xung đột với cảnh binh, chừng 27 bị chết, 556 bị thương, 1700 bị bắt. Thiệt hại vật chất ước chừng 100 triệu mỹ-kim.

Tại Chicago cũng xô sát giữa dân da đen với cảnh binh và 23 người bị thương 45 bị bắt. Các vụ lộn xộn sau đó lan ra nhiều địa phương khác như : Long Beach Hollywood, San Diego, Philadelphie v.v..

— *Vụ Cachemire* : Ngày 15-8 một tiểu đoàn gồm 400 người Hồi quốc, có trọng pháo yểm hộ, định vượt qua đường ngưng bắn tại Cachemire bị đẩy lui để lại 60 xác chết tại trận.

— *Đại-Hàn*: Ngày 12-8 Đề phản đối việc phê chuẩn hiệp ước bình thường hóa mối bang giao Hàn-Nhật, 63 nghị-sĩ Đại-hàn thuộc Đảng đối lập nhất loại từ chức. Nội các Đại-hàn cũng từ chức nhưng T. T. Phác chính-Hi không chấp thuận. Ngày 20-8 Sinh viên Đại hàn biểu tình tại Hán Thành và tới 24-8 số sinh-viên xuống đường lên tới 7.000 đã xô sát dữ dội với binh sĩ và cảnh sát Đại-hàn. 430 sinh viên và 967 người biểu tình khác bị bắt, 94 cảnh binh bị thương.

— *Indonesia* : ngày 17-8, trong cuộc mít-tinh tại Djakarta (kỷ niệm lần thứ 20 nền Độc Lập Indonesia, T. T. Soekarno tuyên bố trong một bài diễn-văn: « Một phe trục ... đang được thành lập và trục này gồm có Trung-Cộng, Bắc-Cao, Bắc-Việt, Cam.Bốt và Indonesia).

Phi thuyền Không-gian Gemini 5 của Hoa Kỳ chở theo 2 phi-hành-gia Gordon Cooper và Charles Conrad đã được phóng lên quỹ đạo ngày 21-8-65 hồi 20 giờ (giờ G.M.T.) và sẽ bay 121 vòng quanh trái đất trong 8 ngày mặc dầu lúc đầu bị hỏng bình điện. Phi thuyền Gemini sẽ trở về địa cầu ngày 29-8-65 hồi 13g20 (GMT).

— *Hy Lạp* (xin xem bài của Vũ-Bảo trong số này). — 5 Tsirimokos được quốc vương Constantin ủy thác thành lập tân Chánh phủ Hy Lạp, đã trình diện nội các và tuyên hệ trước quốc vương ngày 20-8. Ngay tối hôm đó và ngày hôm sau đã có tới 15 ngàn người biểu tình tại Nhã Điền (Athènes) và xô sát dữ dội với cảnh sát kết quả : 120 người bị thương trong số đó 50 là cảnh sát viên.

— *Văn-hào Pháp Daniel-Rops* nổi tiếng về sử Thiên Chúa giáo đã từ trần tại Chambéry ngày 27-7-65, thọ 64t (xin xem bài của Cung-giữ Nguyễn về Danie Ropstrong BK TĐ số tới).

— Le Corbusier, kiến trúc sư Pháp gốc Thụy Sĩ, nổi tiếng trên thế giới đã chết đuối ngày 27-8-65 tại Côte d'Azur.

SÁCH THỜI MỚI

TẬP BÚT I

của Võ Phiến — giá 3?đ — (sắp hết)

NGƯỜI XA LẠ

của Albert Camus, do Võ Lang dịch — giá 40đ

MỘT MÌNH

của Võ Phiến — giá 80đ

TẬP BÚT II

của Võ Phiến — sắp phát hành

LỜI MỜI CỦA «TRUNG TÂM NGHIÊN-CỨU XÃ-HỘI SAIGON».

«TRUNG TÂM NGHIÊN-CỨU XÃ-HỘI» xin trân trọng kính báo cùng quý vị độc-giả việc sau đây :

VĂN PHÒNG XÃ-HỘI SAIGON đã bắt đầu cho ấn hành những tài liệu hành-động xã-hội, cốt đề phổ biến một lý-thuyết xã-hội lấy con người làm trọng tâm, chú trọng tới một nền «kinh tế nhân bản», đề nghị những ý-kiến, những giải-pháp nhằm kiến tạo một xã-hội lành mạnh. Vậy nếu muốn có những tập tài liệu nói trên, yêu cầu quý vị đến «TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU-XÃ-HỘI» ở số 86, đường Nguyễn-Du Saigon.

«TRUNG TÂM NGHIÊN-CỨU XÃ-HỘI» cũng dành một tủ sách về các vấn-đề xã-hội như hôn-nhân, gia-đình, giáo-dục, hội đoàn thanh thiếu niên, thông-điệp của các Đức Giáo-Hoàng, các thuyết kinh-tế, xã-hội... đề các quý vị giáo-sư, các bạn sinh-viên, hoặc những ai tha thiết với vấn đề xã-hội có thể tùy nghị đến tham khảo tại chỗ.

— Ngoài ra «VĂN PHÒNG XÃ-HỘI» cũng có một số chuyên viên sẵn sàng giúp ý kiến các bạn sinh viên soạn đề tài luận khoa nhân-văn. Chúng tôi hân-hạnh đón chào quý vị.

K. T. GIÁM-ĐỐC

TRUNG TÂM NGHIÊN-CỨU XÃ-HỘI 186, Nguyễn-Du Saigon Đ. T. : 2 881

ĐỒ-HỮU ĐỒNG

đề bớt ngợp mắt trước những tác phẩm đến sau của tác giả, đề nhận định những ngh ngờ, những lo lắng, những ảo tưởng, những ngu xuẩn, những dị tặc, những tình cảm chân thật nhất cuối thời niên thiếu của một người, và cũng đề nhân tiện thấy được phần nào những bày tỏ liên khởi của tạp chí MẶT ĐẤT, mời các bạn tìm lại dấu chân nhỏ nhất.

NHỮNG BÀI TÌNH ĐẦU

thơ Nguyễn Đức Sơn.

tập một • bọt nước

MẶT ĐẤT xuất bản 15/9/65 • In toàn giấy trắng, 21đ • Có lẽ chỉ phát hành ở Saigon • Ở xa xin mua từng 5 cuốn trở lên, kèm bưu phí bảo đảm.

MẶT ĐẤT

Số một phát hành 15/10/1965 * Maxime Gorki cuộc chào đời của một người (truyện dịch) * Thái Ngọc San bệnh xá, Căn nhà mùa đông (thơ) * Nguyễn Thu Giao tình si-sơng (truyện ngắn) * Phạm Thị Mùa Hạ trong bất hạnh (thơ) * Simone Weil thư cho một linh mục (văn dịch) * Nguyễn Đức Sơn bày tỏ (thay cho tuyên ngôn), Ba bài thơ, Ý tưởng Chiều tà (truyện ngắn, Tin văn nghệ. Quốc Tế, Những Điều Trong Thấy (Hồ sơ Văn nghệ không báo nào có, đọc đề ngậm ngùi mãi ngày nào bạn còn nghĩ - ột chút đến lãnh vực sinh hoạt đó ở đây).

Cần liên lạc trực tiếp với các nhà sách ở các tỉnh